

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



Sưu Tập
Những Bài Viết Về
TRIẾT LÝ ĐẠO CAO-ĐÀI

TỪ CHƠN



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2020
hai•không•hai•không

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót do sự tái trình bày lại, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ TỪ CHƠN, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 06/12/2020

Tâm Nguyên

Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

*Sưu Tập
Những Bài Viết
về Triết Lý Đạo Cao-Đài*

.....
T Ò C H ƠN
.....



MỤC LỤC

ĐẠO LÝ & ĐẠO SỰ KHẢO LUẬN	11
1. Ấn Ý Của Chúa Jesus Dưới Ánh Sáng Của Triết Lý Cao Đài . . .	13
▪ Khởi	13
▪ Lời Giảng Của Chúa Jesus	13
▪ Thúc	25
2. Đạo Lão Trong Cao Đài.....	26
▪ Giới Thiệu	26
▪ Sơ Lược Về Đạo Lão	26
» Giáo Chủ.....	26
» Triết Lý.....	27
» Tôn Giáo	34
▪ Vai Trò Trong Cao Đài	34
» Lão Tử	34
» Giáo Tông Cao Đài	35
» Tịnh Thất	36
▪ Kết Luận.....	37
▪ References:.....	38
3. Huấn Ngôn Của Đức Thích Ca Mâu Ni Trong Tam Kỳ Phổ Độ.....	39
▪ Mở Đầu.....	39
▪ Phật Thích Ca Đã Từng Dạy Những Gì	40
▪ Phật Thích Ca Giảng Kinh Tận Độ Trong Tam Kỳ Phổ Độ	43
▪ Tín Đồ Cao Đài Có Nghĩa Vụ Gì Với Kinh Tận Độ	46
4. Năm Mới Thử Xét Lại Triết Lý Cao Đài Có Phù Hợp Với Thiên Niên Kỷ Này Hay Không?	49
▪ Những Bản Khoản.....	49
▪ Những Điểm Mới Trong Triết Lý Cao Đài.	51
» Thượng Đế	51
» Triết Lý Dung Hợp	53
» Luân Hồi Là Tiến Hóa Trong Một Vũ Trụ Vô Hạn.....	54
▪ Triết Lý Cao Đài Có Còn Hợp Với Thiên Niên Kỷ Mới Hay Không?	55

5. Chữ Trung Dung Trong Đạo Cao-Đài	57
▪ Mở	57
▪ Qui Tam Giáo	57
▪ Nguồn Gốc	58
▪ Về Mặt Thể Pháp	59
▪ Về Mặt Bí Pháp	62
▪ Trung Dung Trong Cao Đài	67
6. Khái Niệm Đắc Đạo Trong Cao Đài Giáo	69
▪ Nhập	69
▪ Những Pháp Môn	70
▪ Đắc Đạo	72
▪ Ai Công Nhận Bạn Đắc Đạo	74
▪ Người Đắc Đạo	79
▪ Kết	80
▪ References:	81
7. Hiểu Và Hành Cho Đúng Phương Châm Cơ Bản Của Đạo Cao Đài Trong Cuộc Sống	86
▪ Dẫn	86
▪ Phương Châm Cơ Bản	89
▪ Hành	93
» Thực Tế	93
» Thể Pháp Vận Hành	95
» Bí Pháp Vận Hành	98
▪ Kết	102
8. Phân Biệt Giữa “Danh Ta” Và “Ngai Ta”	104
▪ Mở	104
▪ Định Nghĩa	104
▪ Mượn Danh	106
» Một Chút Sử Đạo	106
» Ngoại Tại	107
» Nội Tại	108
▪ Ngồi Lên Ngai	109
▪ Làm Thế Nào Để Tránh	112
▪ Tài Liệu Tham Khảo	113

9. Vận Dụng Bí Pháp Thuyền Bát Nhã Trong Đạo Cao Đài	114
▪ Vào Bài	114
▪ Giải Nghĩa	115
» Bản Hán Việt	115
» Dịch Ra Tiếng Việt	116
▪ Mục Đích	119
▪ Thực Hiện Ngày Xưa	120
▪ Thực Hiện Ngày Nay	122
▪ Đối Với Bậc Thượng Thừa	125
▪ Đối Với Bậc Tối Thượng Thừa	129
▪ Giải Thoát	130



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

NHỮNG BÀI VIẾT VỀ TRIẾT LÝ ĐẠO CAO-ĐÀI



1. ẢN Ý CỦA CHÚA JESUS DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA TRIẾT LÝ CAO ĐÀI

■ (Trích Chúa Jesus và Cao Đài – Từ Chơn)

KHỞI

Đã sắp vào mùa Giáng Sinh 2020, tín đồ Cao Đài trên toàn thế giới cùng toàn thể nhân loại vui mừng chào đón một ngày lễ lớn. Nhân dịp này nhớ lại, cũng vào một đêm Giáng Sinh cách đây chín mươi sáu năm, Thượng Đế Chí Tôn (*tín đồ Thiên Chúa gọi là Đức Chúa Trời*) đã giáng cơ tại một đất nước nhỏ bé là Việt Nam để tuyên bố khởi đầu một kỷ nguyên mới: **Tam Kỳ Phổ Độ**.

Nhân kỷ niệm này, xin mời quý vị đồng đạo cùng đọc lại một vài lời dạy của chúa Jesus, bậc đại giáo chủ đã giáng phàm truyền giảng lời của Đức Chí Tôn ở đất nước Israel, vốn cách xa Việt Nam ngàn dặm nhưng cũng có một lịch sử đầy sóng gió tương tự.

LỜI GIẢNG CỦA CHÚA JESUS

Kể từ lúc Chúa Jesus rời khỏi gia đình đi giảng đạo, Chúa đã thu mười hai môn đồ đầu tiên, làm rất nhiều phép lạ, và chữa trị cho rất nhiều người bị bệnh nan y. Chính vì thế, mà số tín đồ cũng như số người đi theo Ngài càng lúc càng đông. Nhưng chính những lời giảng dạy của Ngài mới là nền tảng của một nền Tân Tôn Giáo so với thời bấy giờ. Xin đương cử một số tiêu biểu.

***“Đừng chống cự kẻ hung dữ...”**

“Đừng chống cự kẻ hung dữ; nếu ai vả má bên phải của người, hãy đưa luôn má bên kia cho họ; nếu ai kiện người muốn lấy chiếc áo ngắn, hãy cho họ luôn chiếc áo dài; nếu ai muốn bắt người đi bộ một dặm đường, hãy đi hai dặm với họ...” (Tân Ước – Matthew).

Về mặt Thể Pháp Cao Đài, có thể hiểu đây là lời dạy về nguyên tắc bất bạo động, dùng tình thương đối phó với hận thù. Trong lịch sử đầy sóng gió của quả địa cầu 68, con người, vì cuộc sống, phải tranh dành liên tục nên xem trọng sức mạnh vật chất. Bạo lực được đề cao là hệ quả tất yếu. Người ta sử dụng bạo lực hằng ngày. Kết quả, nhân loại tạo ra một thế giới đầy bạo lực. Bạo lực không biết đến tình thương và chỉ sinh ra đau khổ, mất mát.

Chúa Jesus dạy nguyên tắc bất bạo động để lập lại sự cân bằng, để nhắc nhở con người điều họ vốn đã biết nhưng không bao giờ thực hiện được. Cho đến nay, hơn hai ngàn năm qua đi mà loài người vẫn chưa thực hiện được bài học bất bạo động, trừ một vài cá nhân lẻ loi mà trong đó Thánh Mahatma Gandhi là một. Thậm chí có người còn biến bạo lực thành một “*học thuyết*” nhằm cổ vũ cho tính hung bạo của mình. Đại khái như là: Cần phải dùng bạo lực để trấn áp cái ác, khi diệt hết cái ác rồi thì điều còn lại sẽ là cái thiện. Lý thuyết nghe rất hay, nhưng suy cho cùng thì họ chỉ mặc một chiếc áo đẹp để cho tính hung hăng của họ mà thôi. Rõ ràng, họ đã mắc sai lầm nghiêm trọng! Bởi vì lịch sử loài người đã chứng minh rằng bạo lực không thể tiêu diệt được cái ác, mà chỉ nuôi dưỡng thêm một cái ác mới – đó là cái-ác-diệt-cái-ác. Chỉ khi nào số người làm điều thiện nhiều hơn số người làm điều ác (*chứ không phải người thiện diệt hết người ác!*) thì điều ác mới không còn đất để phát sinh. Vì thế, nghe và làm theo lời dạy của chúa Jesus là nuôi dưỡng, bổ sung điều tốt đẹp, tạo ra càng ngày càng nhiều điều thiện trong xã hội.

Đối với Bí Pháp Cao Đài, đưa má bên trái cho kẻ đã

tát tôi vào má bên phải là một hành động phi nhị nguyên. Hành động nhị nguyên thông thường là: trả đũa kẻ đã tát mình bằng một hành động nào đó; tát lại hắn, chẳng hạn. Hành động phi nhị nguyên là một hành động rất khó thực hiện. Bởi vì nếu tôi thật sự đưa má bên trái cho kẻ đã tát tôi vào má bên phải; thì đó cũng lại là một hành động nhị nguyên khác. Thực hiện lời Chúa dạy sát theo từng câu chữ chỉ mới làm trọn phần Thể Pháp trong Cao Đài. Hiểu rõ lời dạy của Chúa để có được hành động phi nhị nguyên mới trọn phần Bí Pháp trong Cao Đài. Thể Pháp và Bí Pháp sáng đôi thì hành động mới tròn đầy, và sự tròn đầy sẽ tự thân hóa giải mọi niềm đau nhân thế, đưa con người trở về vườn Eden hạnh phúc (*thuật ngữ Cao Đài gọi là Cực Lạc Thế Giới*).

Thế nào là hành động phi nhị nguyên? Xin kể lại một câu chuyện đượm màu Thiên học trong những ngày mở Đạo. Lúc bấy giờ, ngoài các vị tiền bối được thiêng liêng chỉ định phò loan ra thì nhiều người khác cũng lén cầu cơ, chấp bút. Điều đáng nói là cũng có các đấng giáng, thậm chí có cả Đức Chí Tôn giáng cơ. Ngày 7/11/1933 trong một đàn cơ ở Phạm Nghiệp, Đức Hộ Pháp hỏi Đức Chí Tôn:

“Dạ thưa Thầy, con không biết tại sao các nơi đều có cơ bút, mà mỗi lần đều xưng danh Thầy, không lẽ Thầy đến với cơ bút ấy?”

Đức Chí Tôn trả lời:

“Thầy đã nói rằng duy có ngôi của Thầy chúng nó không dám dựa, chớ danh Thầy nó được phép dùng. Nên Thầy đã dặn rằng đừng nghe Cao Đài nơi này, Cao Đài nơi khác, rồi tin theo mà thất thế....”

Đức Hộ Pháp bạch:

“Dạ thưa Thầy, nói vậy Thầy không có đến với cơ bút ấy?”

Đức Chí Tôn trả lời:

“Tặc, con tối trí quá!”

(Xin phép được biên tập phần trích dẫn trên vài chỗ cho dễ hiểu – Nguyên văn trong Thánh Ngôn Sư Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng)

Xin lưu ý câu trả lời cuối cùng của Đức Chí Tôn. Tại sao Đức Chí Tôn không khẳng định hoặc phủ định mà lại trả lời bằng một câu chệch đi chỗ khác, thậm chí làm tối nghĩa thêm? Tuyệt đối không có chuyện tránh né ở đây, bởi vì ở vị trí của Đức Chí Tôn thì Ngài chẳng có việc gì phải tránh né. Nhưng khẳng định hay phủ định là một trong hai mặt của nhị nguyên. Câu trả lời của Ngài đã đi ra ngoài vòng nhị nguyên đối đãi: đó là một hành động phi nhị nguyên!

Dù thí dụ như thế, nhưng hành động phi nhị nguyên không có công thức, không thể na ná, giông giống với thí dụ đã nêu. Mỗi một hành động phi nhị nguyên là cả một thế giới mới mẽ chưa từng có. Hành động phi nhị nguyên chỉ phát sinh ở người nào đạt được sự thông suốt trong tư tưởng và hiểu rõ ràng đôi đường thiện ác. Trong Cao Đài, một người học đạo muốn đạt được sự thông suốt trong tư tưởng thì phải thể hiện đầy đủ Thể Pháp, nghĩa là phải rèn luyện tam bửu không ngừng nghỉ trong cuộc sống. Có như thế thì Bí Pháp mới vận hành. Có như thế mới mong có được hành động phi nhị nguyên – nói theo ngôn ngữ của người xưa là đắc đạo, hay nói theo ngôn ngữ Cao Đài là **hiệp một cùng Đức Chí Tôn**.

*“... hãy yêu kẻ thù nghịch...”

“*Ta nói cùng các người rằng: hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các người...*” (Tân Ước – Matthew).

Về mặt Thể Pháp Cao Đài, đây là một lời dạy rất khó thực hiện. Bởi tình yêu là một tình cảm rất đặc biệt. Không thể cưỡng ép bất cứ một ai yêu mến một người khác. Nếu tôi yêu mến một người nào đó bởi vì Chúa đã dạy như thế, thì tình yêu mến kia chẳng có giá trị gì! Đó chỉ là lừa dối chính mình và cả Chúa nữa! Yêu mến một người đã khó, Chúa Jesus lại dạy rằng nên yêu thương kẻ thù nghịch của mình. Đây là điều còn khó khăn hơn nữa!!

Có thể lý giải rằng Chúa dạy như vậy là để bắt tôi suy nghĩ lại những tình cảm của mình vốn vẫn phóng túng theo bản năng. Tôi chỉ yêu mến những gì đem lại lợi ích, và ghét bỏ những gì gây tổn hại cho mình. Tình cảm này vô cùng tự nhiên và không có gì đáng trách. Nhưng rồi lợi ích của người này lại là tổn hại của người khác và cứ như thế nhân rộng ra mà thế giới trở nên xung khắc hận thù. Phải chăng còn một cách khác ngược lại với thói quen của tôi – ấy là làm theo lời Chúa Jesus: *yêu mến kẻ thù nghịch của mình* – để làm cho thế giới này bớt thù hận, thêm thương yêu, giúp nhân loại sống hoà đồng hơn, có ý nghĩa hơn?

Yêu mến kẻ thù nghịch của mình có vẻ rất khó thực hiện. May thay, vẫn có thể có hành động này nếu xét lời dạy này dưới cái nhìn của Bí Pháp Cao Đài. Đối với Bí Pháp Cao Đài, đây là một động tác tuyệt vời để từ thế giới nhị nguyên bước vào thế giới nhất nguyên kỳ ảo. Muốn yêu mến kẻ thù nghịch với mình thì phải hiểu rõ tình cảm thù hận và yêu thương chỉ là một. Tại Đền Thánh

Tây Ninh, đã có lời dạy của Đức Chí Tôn về điều này: hai bên cửa vào Đền có tạc tượng Ông Thiện và Ông Ác, và chính giữa hai tượng này là Cân Công Bình. Muốn bước vào Đền Thánh, tức là bước vào Bạch Ngọc Kinh tại thế phải biết “cân” Thiện Ác cho bằng nhau. Hay nói khác đi, phải hiểu Thiện Ác vốn không khác.

Tưởng cũng nên nhắc lại chuyện Ông Thiện, Ông Ác để tiện tham khảo. Ông Thiện và Ông Ác vốn là hai hoàng tử (*Tỳ Văn và Tỳ Võ*), con của một vị vua Ấn Độ. Ông Thiện tính tình hiền lành hay thương yêu giúp đỡ mọi người; trái lại Ông Ác tính tình nóng nảy rất dễ nổi giận. Cũng chính vì thế nên khi vua cha băng hà, vua cha nhường ngôi lại cho Ông Thiện. Ông Ác biết được liền nổi giận vì cho rằng, với tính tình hiền lành như thế, Ông Thiện sẽ không thể cai trị được dân trong nước. Thế nên Ông Ác đi tìm Ông Thiện để bảo ông nhường ngôi lại cho mình. Sợ nhường ngôi cho Ông Ác là trái với ý nguyện của cha, hơn nữa sợ Ông Ác sẽ cai trị người dân quá hà khắc nên Ông Thiện bỏ trốn. Thấy thế, Ông Ác bèn đuổi theo để giải thích. Đến một ghềnh đá cao, Ông Thiện sợ ý nên té xuống vực chết. Ông Ác đến nơi, vô cùng hối hận nên cuối cùng cũng xuống tóc đi tu theo cha.

Câu chuyện trên là một dẫn đạo cơ bản để người học đạo có cái nhìn chính xác về Thiện Ác, Đấng Sai. Nếu Ông Thiện, Ông Ác là hai anh em ruột, thì Đấng Sai cũng xuất phát từ một gốc là nhận thức của từng cá nhân. Ông Thiện có lý do để không nhường ngôi lại cho em. Ông Ác cũng có lý do khi muốn dành lấy ngôi vua. Không thể nói rằng ai đúng hơn ai. Nói rộng ra toàn thế gian này, thì Đấng Sai; Thiện Ác cũng như thế. Cân

Công Bình nằm giữa cửa vào Đền Thánh không có nghĩa là phải đong đếm Thiện và Ác cho bằng nhau mà ngụ ý tư tưởng của mỗi con người gồm có hai thành phần như thế. Không thể xóa bỏ bất cứ một thành phần nào vì chúng vốn là anh em ruột. Từ cái nhìn đó người học đạo Cao Đài sẽ quen dần với khái niệm *Thiện là Ác* hay *Đúng là Sai*. Thế rồi trong một tích tặc phù du nào đó trong đời, người tu học sẽ bưng ngộ chân lý trong câu truyện Ông Thiện, Ông Ác kia; lúc đó mới có thể *yêu mến được kẻ thù nghịch* một cách tự nhiên bằng tình cảm nồng nàn của mình chứ không phải yêu vì Chúa Jesus đã dạy như thế. Có như vậy thì mới đúng là làm theo lời Chúa Jesus dạy.

***“Ai trong các người là người vô tội...”**

“Bấy giờ, các thầy thông giáo và người Pharisee dẫn lại cho chúa Jesus một người đàn bà đã bị bắt đang khi phạm tội tà dâm; họ nói cùng Chúa rằng: Thưa Thầy, luật Moses dạy rằng chúng ta phải ném đá những hạng người như vậy. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao? Chúa Jesus phán rằng: Ai trong các người là người vô tội, hãy ném đá trước. Sau khi nghe lời này, mọi người lần lượt bỏ đi.” (Tân Ước – Jean).

Phải xét bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ thì mới thấy hết ý nghĩa của câu truyện nói trên. Thời nào cũng vậy, khi có một đấng cao trọng giáng thế thì loài người luôn luôn gây ra đủ thứ thủ thách khó khăn. Chuyện xưa vẫn kể rằng Phật Thích Ca bị các giáo sĩ Bà La Môn vạ vạ bắt bẻ không biết bao nhiêu lần. Chúa Jesus cũng vậy. Cụ thể là người Pharisee. Đây là một hệ phái của người Do Thái xưa chủ trương thực hành theo sát từng câu chữ trong cổ luật, cụ thể là luật Moses (*Xin đọc Cựu Ước*). Nên biết rằng lúc bấy giờ số người tin tưởng Chúa Jesus rất đông

và mọi người đều xưng tụng Chúa Jesus là đấng Christ giáng sanh. Thế nên người Pharisee lợi dụng câu chuyện của người phụ nữ kia để tìm cách bắt bí Chúa Jesus. Nếu Chúa Jesus đồng ý để họ ném đá người phụ nữ đến chết, thì Chúa cũng chỉ là người bình thường như họ, không phải là đấng Christ. Nếu ngược lại thì Chúa chống lại luật Moses, nghĩa là chống lại Đức Chúa Trời về mặt Đạo; về mặt Đời là chống lại dân tộc Do Thái, đảng nào họ cũng có thể qui tội phạm luật cho Chúa.

Câu trả lời của Chúa Jesus vừa cứu được người phụ nữ đáng thương kia vừa làm cho người Pharisee thất bại thảm hại trong âm mưu hãm hại Chúa. Cũng giống như câu chuyện kể ở phần trên, câu trả lời của Chúa không phải chỉ đơn giản là một cách đối phó khéo léo; đó chính là một bài học về đạo pháp rất quý giá mà Chúa Jesus muốn để lại cho loài người.

Dựa vào triết lý Cao Đài, chúng ta có thể hiểu rõ bài học này hơn. Theo Cao Đài, phần ý thức của con người là phần bán hữu hình (*hai phần kia là phần xác thịt và linh hồn*). Ý thức hoạt động theo nguyên tắc của vũ trụ; ấy là: *Vô cực sanh Thái Cực, Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái...* Lưỡng Nghi chính là hai cực chấp nhận và phủ nhận của ý thức. Trong tình trạng phân hai, nghĩa là chấp nhận và phủ nhận khác nhau, đối chọi nhau, thì đó là cuộc đời với toàn thể những yếu tố sanh diệt, đau khổ, chết chóc... Nếu phủ nhận và chấp nhận là một – nói theo ngôn ngữ thiên học cho chính xác hơn là “*Nếu phủ nhận và chấp nhận chẳng phải hai mà cũng chẳng phải một,*” thì đó là trạng thái người tu học Cao Đài gọi là hiệp một với Đức Chí Tôn. Trong trạng thái này, con người

có những suy nghĩ, phán đoán thông suốt phi thường mà người xưa gọi là đạo Đạo, ngộ đạo, trí huệ đáo bỉ ngạn, thành Phật...vv.

Đức Chúa Jesus đã dạy một bài học về Thái Cực. Lời Chúa phán khi ấy xuất phát từ trạng thái Thái Cực, do đó đã thoát ra khỏi hai trạng thái phủ nhận và chấp nhận của Luỡng Nghi. Không chấp nhận mà cũng không phủ nhận luật Moses, lời Chúa đã ra ngoài quĩ đạo của những hành vi tầm thường thế tục, nằm ngoài suy luận thông thường của loài người.

Thế nhưng, cần phải xác định rõ một điều để tránh ngộ nhận. Xin đừng cho rằng trạng thái không phân hai (*Thái Cực*) là tốt hơn rồi phủ nhận trạng thái phân hai (*Luỡng Nghi*), bởi vì hành vi phủ nhận đó cũng chính là ý thức phân hai!! Ý thức phân hai thuộc về đời, cho nên rất cần thiết trong đời sống thường nhật. Con người cần ý thức phân hai để bảo vệ xác thân của mình. Ví dụ như tôi cần phải phân biệt rõ ràng điều nào là nguy hiểm cho bản thân để tránh xa và ngược lại. Khi một xe tải đang tiến thẳng đến chỗ tôi thì không cần thiết phải “*dùng ý thức không phân hai*”. Hay khi bị tiêu chảy vì thức ăn nhiễm khuẩn thì một viên thuốc bao giờ cũng hay hơn là “*lý với lẽ*”. Chỉ khi nào suy nghĩ đi vào chỗ cùng lý, thì Thái Cực mới là cứu tinh đích thực.

***“Các người đừng đoán xét ai, để mình khỏi bị đoán xét. Vì các người đoán xét người ta thế nào thì họ cũng đoán xét lại thế ấy...”**

Sao người dòm thấy cái rác trong mắt anh em người, mà chẳng thấy cây đũa trong mắt mình? Hỡi kẻ giả hình! Trước hết phải lấy cây đũa khỏi mắt mình đi, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.” (Mathew)

Đây là lời dạy thuộc về tâm pháp (hay *Bí Pháp nếu dùng ngôn ngữ Cao Đài*) của Chúa Jesus. Trước khi bàn tiếp, thiển nghĩ nên định nghĩa lại danh từ Bí Pháp trong Cao Đài để làm nền tảng cho những lý lẽ tiếp theo.

Bí Pháp, theo nghĩa thường dùng từ trước đến nay, là những phương pháp đặc biệt trong một tôn giáo nào đó, chỉ truyền riêng cho một số người nhất định nhằm đạt mục đích của việc tu hành. Chẳng hạn như những phương pháp ngồi thiền, tịnh tâm của các hệ phái Phật Giáo ở Tây Tạng hầu như chỉ truyền cho một số đệ tử đặc biệt.

Nếu hiểu Bí Pháp theo nghĩa này, thì trong đạo Cao Đài không có "*Bí Pháp*". Đức Hộ Pháp nhiều lần nói rằng Đức Chí Tôn đã *bày bừa pháp* tại thế gian cho con cái của Ngài tự do chọn lựa. Vấn đề chỉ là con cái của Ngài muốn nhìn thấy hay không mà thôi. Trong những bài thuyết đạo của mình lúc còn tại thế, Đức Hộ Pháp đã chỉ dạy rất cẩn thận về danh từ Bí Pháp. Ngài dạy rằng đây là điều quan trọng trong kiếp tu hành và các tín đồ Cao Đài phải tìm tòi để hiểu rõ những ẩn ý trong lời dạy của Ngài.

Danh từ Bí Pháp trong Cao Đài không thể xác định bằng nghĩa đen của tự điển. Đây là một cách dùng chữ đặc trưng của triết lý Cao Đài. Trước hết, Bí Pháp không tự thể hiện mà thiếu Thể Pháp; nói cho rõ là khi và chỉ khi Thể Pháp tồn tại thì mới có Bí Pháp. Bí Pháp và Thể Pháp vốn là một-mà-hai-và-hai-mà-một. Vậy phải hiểu Thể Pháp trước khi muốn hiểu Bí Pháp. Thể Pháp Cao Đài chính là những nghi thức tôn giáo có thể nhìn thấy và thực hiện được. Nghi thức thờ phượng, kinh sách, giáo luật... tất cả đều là Thể Pháp. Ngoài ra, Bí Pháp còn

có ý nghĩa là nội dung của một hình thức bất kỳ. Theo nghĩa này thì tất cả các lời dạy đạo của các đấng thiêng liêng đều có nội dung – nghĩa là Bí Pháp. Bí Pháp có thể dễ hiểu; có thể khó hiểu. Có thể nhìn thấy ngay; có thể cả đời cũng không nhìn thấy.

Khi một tín đồ Cao Đài thực hiện bất kỳ một nghi lễ tôn giáo hằng ngày nào (*nghĩa là Thể Pháp*) cũng là lúc Bí Pháp vận hành. Vì thế, quan niệm cho rằng khi nào thực hiện xong phần Thể Pháp rồi mới vào Tịnh Thất để luyện Bí Pháp là không đúng. Thực sự mà nói, vào Tịnh Thất thì điều kiện thể hiện Thể Pháp dễ dàng hơn lúc ở bên ngoài. Trong Tịnh Thất người ta thu xếp sao cho môi trường yên tĩnh hơn, hạn chế những ảnh hưởng của đời sống vật chất bên ngoài. Người học đạo chỉ còn tập trung vào một chỗ duy nhất là vun bồi đời sống tâm linh.

Tuy nhiên, những phương pháp các tín đồ thực hiện trong Tịnh Thất, nói cho cùng, cũng là vẫn là Thể Pháp. Những phương pháp ấy vẫn còn liên quan đến phần nhục thân, nghĩa là phần hữu hình có thể sờ mó ngắm nhìn... Bí Pháp là phần nằm ngoài suy luận bàng bạc quyện theo Thể Pháp. Khi Thể Pháp được thực hiện đúng mức thì Bí Pháp vận hành bên trong người học đạo và chỉ có duy nhất bản thân người ấy nhận biết điều này.

Bây giờ xin trở lại lời Chúa Jesus dạy: Đừng phán đoán người; mà hãy phán đoán bản thân mình trước. Đây chính là một pháp môn (*cách tu tập*) mà triết lý Đông Phương gọi là “*quán tâm*”. Thông thường, tâm lý con người là thích nhận xét về người khác. Những nhận xét ấy đa số là nói về khuyết điểm; nếu có nói về ưu điểm đi nữa thì cũng chỉ là gượng ép. Đây là bản chất

tự nhiên của loài người. Để tự vệ, ý thức con người luôn luôn phóng ngoại, truy tìm những yếu tố tiềm ẩn sự nguy hiểm cho bản thân mình. Nếu phát hiện điều gì có thể ảnh hưởng xấu đến bản thân, ý thức sẽ tìm phương né tránh, chống đỡ hoặc tấn công đối tượng. Có thể thấy rõ điều này qua các mối giao tiếp của con người trong xã hội hoặc một phóng ảnh của xã hội là thế giới hiện nay. Người ta lo sợ một ngày kia, ngoại bang sẽ xâm chiếm nước mình, chiếm đoạt tất cả những của cải tài nguyên của dân tộc mình, do đó người ta lập ra quân đội. Và theo “*cái-gọi-là-binh-pháp*” thì: *tấn công là cách phòng thủ hay nhất(!)*. Cho nên, người ta đem bom đạn ném xuống đất nước của người khác; không đợi đến khi bị tấn công! Thử tưởng tượng một chút, nếu tất cả các quốc gia trên thế giới này đều có khả năng tấn công quân sự như nhau và đồng loạt áp dụng cái tư tưởng binh pháp quái đản kia, thì quả địa cầu 68 này sẽ ra sao?

Chúa Jesus dạy phải làm ngược lại điều đó; nghĩa là phải tự nhìn lại bản thân, tự nhận xét bản thân thay vì bươi móc những khuyết điểm của người khác. Khi nhìn ra mình cũng có những khuyết tật tâm hồn như bao người thì cõi lòng sẽ mở rộng, dễ tha thứ. Những tình cảm tích cực, đẹp đẽ tích lũy trong tâm hồn ngày một nhiều sẽ giúp cho con người sống có ý nghĩa. Thế giới sẽ bớt phần bạo tàn, quả địa cầu 68 sẽ chuyển hóa thành một thế giới khác đáng sống hơn nhiều. Vậy, hãy nghe lời chúa Jesus “*lấy cây đũa trong mắt mình để thấy rõ hơn trước khi lấy rác trong mắt anh em mình*”.

THỨC

Những lời dạy của chúa Jesus, cũng như các vị giáo chủ khác như Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, vv... luôn chứa đựng những ý nghĩa sâu xa. Nếu dùng thuật ngữ của Cao Đài thì: *lời của các bậc giáo chủ dạy luôn hàm chứa Bí Pháp*. Vấn đề của tín đồ Cao Đài hiện nay, thiết nghĩ, nên tập trung tìm học những ý nghĩa của triết lý mệnh mông trong Cao Đài Giáo, rồi đem ra thực hành trong đời sống thường ngày. Mong sao qua đó Đức Chí Tôn thương tình ban ân cho trí não được phát triển phần nào. Tóm lại, *hãy lo lấy cây đèn trong mắt mình, đừng bận tâm đến “ông này tu thiệt, bà kia tu giả, tôi tu đúng, anh tu sai nữa”*. Bởi vì một kiếp người suy ra vô cùng ngắn ngủi, có khi chưa kịp làm được chút gì thì đã phải phủ tay!

TỪ CHƠN

Sài gòn, Giáng Sinh 2007

Bản revised Giáng Sinh 2020

2. ĐẠO LÃO TRONG CAO ĐÀI

☞ *Từ Chơn*

GIỚI THIỆU

Triết lý Đạo Cao Đài đặt nền tảng trên nguyên tắc **Tam Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhất**, tạm dịch: xem mọi tôn giáo trên hành tinh này là một. Dù vậy nhưng triết lý của ba tôn giáo Phật, Lão, Khổng vẫn đóng góp phần quan trọng hơn là những tôn giáo khác trong triết lý Cao Đài. Lý do có lẽ là đạo mở tại Việt Nam, một quốc gia thuộc Châu Á vốn đã thấm nhuần truyền thống của ba tôn giáo này từ lâu. Trong bài này kính mời quý đọc giả nghiên cứu khái quát về Đạo Lão cùng những ảnh hưởng quan trọng trong Đạo Cao Đài.

SƠ LƯỢC VỀ ĐẠO LÃO

Đạo Lão, còn gọi là Lão Giáo, Tiên Đạo, Tiên Giáo, Đạo Hoàng Lão, Đạo Gia, xuất hiện ở Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ sáu trước Chúa Giáng Sinh, nghĩa là được khoảng 2,500 năm rồi. Đạo có ảnh hưởng đến mọi mặt sinh hoạt của người Trung Hoa như y học, sinh học, chính trị, âm nhạc, võ thuật, triết học, v.v... Về sau theo chân người Hoa, đạo Lão truyền sang các quốc gia kế cận, rồi lần lần ra cả thế giới.

➤ **Giáo Chủ**

Tất cả các tín đồ thuộc nhiều môn phái Lão Giáo ở Trung Quốc đều tôn Lão Tử làm giáo chủ dù bản thân ngài không hề lập ra một tổ chức tôn giáo nào. Cuộc đời của Lão Tử, thậm chí việc Ngài có thật trên đời hay không, vẫn còn là vấn đề tranh cãi của các học giả.

Riêng chúng ta chỉ biết qua truyền thuyết mà thôi. Thực sự ra Lão Tử là tên gọi để tỏ lòng tôn kính bởi vì *Lão* (老) là “đáng kính” hay “già”, còn *Tử* (子) là thầy. Theo dân gian kể lại, ngài tên là Lý Nhĩ (李耳), tên tự¹ là Bá Dương (伯陽), tên thụy² là Đam, (聃) có nghĩa là “Bí ẩn”. Người đời còn gọi ngài bằng nhiều danh xưng khác nữa như Lão Đam, Lão Quân, Lý Lão Quân, Đạo Đức Thiên Tôn, Thái Thượng Lão Quân, Thái Thượng Đạo Tổ, Lão Tử Đạo Quân, Huyền Đô Đại Lão Gia.

Người ta kể lại rằng ngài làm quan trông coi thư viện trong triều đình nhà Chu. Sau đó nhận thấy chính sự sắp suy tàn, lòng người điên đảo nên ngài quyết định bỏ đi. Trong lúc cuối trâu xanh đi qua nước Tần, đến ải Hàm Cốc thì ngài gặp vị quan giữ ải là Doãn Hỉ. Do được báo mộng từ trước nên khi thấy ngài, viên quan này biết ngay đây là Thánh nhân và cầu xin được làm học trò, nhưng ngài không nhận lời. Cuối cùng vì thấy Doãn Hỉ rất thành tâm muốn học đạo, ngài viết quyển Đạo Đức Kinh để lại cho ông ta, dặn cứ theo đó mà tu học, rồi đi vào sa mạc mệnh mông. Từ đó về sau không ai gặp lại ngài nữa.

► Triết Lý

Đạo Lão bao gồm nhiều hệ tư tưởng truyền thống của Trung Hoa, vốn đã có từ đời nhà Chu (1040–256 trước CN) nghĩa là có trước khi Lão Tử ra đời, như là Vũ trụ quan về Thiên Địa, thuyết về chân khí, thuyết âm dương, thuyết ngũ hành, Kinh Dịch, v.v... Thêm vào đó những cách thức tu tập truyền thống Trung Hoa như điều hoà

¹ Ngày xưa, ở bên Tàu, đến 20 tuổi sẽ được đặt tên tự để mọi người gọi thay cho tên thật. Thường người giàu, có học thức mới có tên tự.

² Tên đặt cho người sắp chết dựa vào tính hạnh của người đó.

hơi thở, Thái cực quyền, Khí công v.v... cũng được các tín đồ đạo Lão thực hành rộng rãi. Trước khi Lão Tử viết quyển Đạo Đức Kinh thì đạo Lão chưa định hình là một tôn giáo có một triết lý nhất quán. Quyển kinh này cộng thêm quyển Nam Hoa Chân Kinh của Trang Tử¹ (*thế kỷ thứ 4 trước CN*) đã giúp người nghiên cứu hình thành được hệ tư tưởng của đạo Lão, do đó đôi khi người ta còn gọi là hệ tư tưởng Lão Trang. Các đệ tử đời sau còn viết ra Xung Hư Chân Kinh, Văn Thủy Chân Kinh, Huỳnh Đình Kinh, nhưng cho đến nay Đạo Đức Kinh vẫn được xem là kinh văn căn bản của đạo Lão.

Trong bài này, để thu gọn vấn đề lại, chúng tôi không điểm hết 81 chương của quyển Đạo Đức Kinh, mà chỉ xin trích dẫn và bàn đến vài điểm nhấn của hệ tư tưởng Lão Tử như sau:

▪ **Khái niệm Đạo**

Trong chương 1 Đạo Đức Kinh, Lão Tử viết:

Đạo khả đạo phi thường đạo. Danh khả danh phi thường danh.

Vô danh thiên địa chi thủy; hữu danh vạn vật chi mẫu.

Tạm dịch: Đạo mà có thể gọi là đạo thì không phải là đạo thực sự. Tên mà có thể đọc lên được thì không phải là tên thực sự. Không tên là gốc của trời đất; có tên là mẹ của mọi vật.

Đọc phần dịch xong, có lẽ chúng ta sẽ có ngay ý nghĩ là “*khó hiểu quá!*”. Đúng vậy, cực kỳ khó hiểu đối với bộ não bình thường của chúng ta! Toàn bộ 81 chương của Đạo Đức Kinh đều viết kiểu na ná như vậy và mấy

¹ Sứ gia Tư Mã Thiên viết về Trang Tử khá vắn tắt: “Trang tử, người đất Mông, tên Chu, làm quan lại ở Vườn Sơn (*Tất Viên*)”.

ngàn năm nay, các học giả thi nhau giải thích đủ các kiểu. Do mỗi người hiểu một cách mà nảy sinh ra rất nhiều trường phái, thí dụ chỉ riêng Đài Loan đã có 86 giáo phái, chưa kể một số lượng áp đảo, không thống kê hết được, ở Hồng Kông và Trung Quốc.

Trong bài này chúng tôi đề nghị diễn giải ý của Lão Tử dựa trên thuyết âm dương, vốn cũng là một thuyết căn bản của đạo Lão. Giống như biểu tượng âm và dương luôn sóng đôi, ý tưởng trong Đạo Đức Kinh thường được trình bày theo từng cặp câu đối với nhau, trong đó từng cặp từ ngữ hoặc trái nghĩa nhau, hoặc song hành, hoặc bổ sung cho nhau. Ví dụ như Đạo với Danh; Vô danh với Hữu danh, v.v... Do đó, ý nghĩa sau cùng phải là tổng hợp của từng cặp đối, chứ không thể tách rời ra rồi phân tích để hiểu riêng từng câu. Vậy ý nghĩa đoạn văn trên diễn giải cho dễ hiểu như sau: Tất cả mọi thứ trong vũ trụ này đều bắt nguồn từ một trạng thái không biết gọi là gì. Lúc đó chưa có lời nói hoặc chữ viết. Bây giờ vũ trụ đã hình thành, nhưng từ ngữ hiện nay cũng không thể diễn giải được, nên tạm gọi trạng thái đó là Đạo.

Vậy chữ đạo (道 *tiếng Hoa*) thông thường có nhiều nghĩa: một là đường đi, hai là cách làm, ba là một tôn giáo, bốn là những nguyên tắc đạo đức, v.v... Sau khi Đạo Đức Kinh ra đời chữ đạo có thêm một nghĩa nữa: đó là “*đề-tạm-gọi-nguồn-gốc-của-vũ-trụ*”. Đọc giả nào chưa quen cách dùng từ đa nghĩa của tiếng Hoa sẽ dễ bị rối loạn bởi cách dùng từ như vậy. Muốn biết từ dùng theo nghĩa nào thì phải dựa vào đoạn văn, thí dụ như đang nói về đi lại, du lịch thì đạo là đường đi, nói về tín đồ thì đạo là tôn giáo, nói về Đạo Đức Kinh thì đạo là nguồn gốc của vũ trụ v.v...

Trở lại với vấn đề, vậy theo Lão Tử, có hai điểm quan trọng trong vũ trụ quan của ngài. Thứ nhất, tất cả vũ trụ này sinh ra từ chỗ không có tên gọi. Thứ hai, lời nói của con người không thể diễn tả chỗ đó. Vậy giờ riêng ngài tạm gọi đó là Đạo (道 *Tao*). Thông qua đó chúng ta cũng thấy ngài chỉ ra hai thế giới cực kỳ khác biệt, một của sự thật và một của danh tự hay lời nói. Những câu chữ khó hiểu của ngài là nơi giao nhau của hai thế giới đó, là chỗ cho người tu học đi vào chân lý.

▪ **Thuyết âm dương**



Trong chương 42, Lão Tử viết:

Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, Tam sinh vạn vật.

Vạn vật phụ Âm nhi báo Dương, xung khí dĩ vi hòa.

Tạm dịch: Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Bất cứ vật gì cũng đều công Âm và âm Dương. Hai lực này đối với nhau nhưng khuynh hướng là sẽ tiến tới chỗ dung hòa.

Từ hai câu này, chúng ta lại thấy Lão Tử nhắc lại định nghĩa về Đạo mà ngài đã viết ở chương 1: Đạo là nguồn gốc của mọi thứ, cả vật chất lẫn sinh vật mà ta biết. Và ở câu thứ hai là nói về thuyết âm dương. Thật

sự ra, thuyết âm dương đã được truyền trong dân gian Trung Hoa từ thời vua Phục Hy (2852–2738 trước Chúa Giáng Sinh) qua Kinh Dịch. Bây giờ Lão Tử nói rõ thêm là âm dương có trong tất cả mọi vật và luôn luôn sóng đôi chứ không tách riêng rẽ. Hơn nữa ngài khẳng định thêm mối quan hệ giữa âm và dương rất đặc biệt: vừa đối nghịch lại vừa hài hoà nhau.

Hiện nay theo các nhà nghiên cứu thì không phải chỉ có văn hoá Trung Hoa mới bàn tới thuyết âm dương. Các nền văn hoá khác như ở phương Tây cũng đã bàn tới một điều tương tự gọi là nhị nguyên luận, thuyết này hiện được áp dụng trong rất nhiều lãnh vực như triết học, tâm linh, chính trị, luân lý, luật pháp, v.v...

Đạo Cao Đài cũng có rất nhiều biểu tượng biểu đạt thuyết âm dương, như Đại Từ Phụ và Phật Mẫu, Lâu Chuông và Lâu Trống, Tam Thập Lục Thiên và Tam Thập Lục Động, Đức Chí Tôn và Kim Quang Sứ, các câu đối ở những nơi quan trọng v.v... Tuy nhiên mối quan hệ giữa âm và dương thì rất phong phú chứ không chỉ có “vừa đối kháng vừa hài hoà”. Mối quan hệ đó có thể là bất cứ loại gì có ở thế gian này. Một ví dụ thú vị là tượng Ông Thiện (*Tỳ Văn*) và Ông Ác (*Tỳ Võ*) ở trước cửa Đền Thánh. Câu chuyện kể lại hai vị này là anh em ruột, con của một vị vua ở Ấn Độ. Dĩ nhiên, chuyện không giải quyết được của họ là ai sẽ kế vị vua cha. Xung khắc lên đỉnh điểm khi vị vua già muốn giao ngai vàng lại cho người hiền lành hơn là Ông Thiện. Ông Ác thì cho rằng làm vua mà hiền quá thì chỉ làm cho xã hội rối loạn thôi, nên ông đi tìm anh để thương lượng. Ông Thiện không muốn xung đột với em nên bỏ chạy lên chùa, nơi vị vua cha đang quy y. Không may ông trượt chân ngã xuống

vực qua đời. Ông Ác đuổi đến nơi, nhìn thấy nên vô cùng hối hận. Cuối cùng ông cũng bỏ cả đai vàng, vào chùa xuống tóc theo cha. Như vậy thì Ác cũng có lý do hợp lý của Ác, và Thiện Ác không đối đầu nhau khắc nghiệt đến mức loại bỏ nhau. Chúng ta vẫn thường nghĩ theo lối đó, nghĩa là tội nhân thì phải bị trừng phạt, thậm chí giết chết. Câu chuyện Thiện Ác trên lại dẫn chúng ta đi vào một hướng đầy nhân văn. Kẻ làm ác kia chính là em ruột của mình đó, dấu khác biệt quan điểm nhưng cũng đậm tình người và lương tâm cũng thuần khiết như mình. Đây chính là biểu tượng Âm Dương của Cao Đài trong lần mở Đạo kỳ ba, ẩn dụ hãy dùng tình người để giải quyết các xung khắc.

▪ **Khái niệm vô vi**

Trong chương 37 Lão Tử viết:

Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.

Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa.

Tạm dịch: Đạo không làm gì nhưng không có gì mà không làm. Bậc vương hầu nếu làm được như vậy thì mọi vật sẽ tự phát triển. Đây là một khái niệm rất thú vị mà hơn hai ngàn năm qua người ta đã bỏ ra nhiều công sức để phân tích tìm hiểu nhưng vẫn không thể thống nhất với nhau. Càng phân tích bằng luận lý học, ta sẽ càng mắc vào cái mớ rối rắm mà Giáo Sư Phạm Công Thiện¹ từng ví von “*rắn cắn đuôi rắn*”.

Trước hết, mời quý vị xét cách dùng chữ vô vi thông thường của chúng ta. Trước hết, vô vi nghĩa đen bình thường là “*không làm gì*” hay “*không hành động*” do đó các học giả phương Tây thường dịch là “*inaction*”

¹ Giáo Sư dạy Phật Học tại Viện Đại Học Vạn Hạnh (trước 1975).

“*inexertion*” hay “*effortless action*”.

Thứ đến, trong kinh sách đạo Cao Đài lại thấy dùng chữ vô vi theo nghĩa khác. Ví dụ như “*Nên Thầy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần mà đưa chúng nó lại vô vi chi khí, chính là Niết Bàn đó vậy*”². Vô vi ở đây là Niết Bàn, cõi Trời, thiên đàng, cõi thiêng liêng hằng sống, v.v...

Thứ ba, còn thấy dùng theo nghĩa là tâm linh hay tinh thần, đối nghịch với hữu hình (*vật chất*), như trong Thánh ngôn này: “*Thời kỳ mạt pháp này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự hữu hình phải huỷ phá tiêu diệt. Thầy đến chuyển đạo, lập lại vô vi. Các con coi thử bên nào chánh lý: hữu hình thì bị diệt đặng, chớ vô vi chẳng thể nào diệt đặng*”³.

Trở lại với vấn đề chính, trong bài này chúng tôi nói về chữ vô vi của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh. Vô vi của Lão Tử không hề giống với ba cách dùng vừa nêu vì có thêm cái đuôi “*nhi vô bất vi*”. Suy ra nghĩa cả câu sẽ là: Đạo không làm nhưng không có gì là không làm! Rất nhiều học giả diễn giải câu này là Đạo thường hành động theo tự nhiên. Do đó các bậc vua chúa nên làm theo như vậy để cho dân chúng phát triển. Tóm lại, câu có nghĩa là: Lão Tử khuyên vua chúa nên hành động thuận theo tự nhiên.

Chúng tôi mạn phép không đồng ý hiểu theo hướng đó vì tự nhiên là một định mức không rõ ràng, có thể là xấu hay tốt cũng được. Một lời khuyên như vậy không có giá trị luân lý. Hơn nữa, khuyên vua chúa thì dính líu đến lãnh vực chính trị. Theo thiển ý, dứt khoát Lão

² Đản cơ ngày 24/10/1926.

³ Đản cơ ngày 5/8/1926

Tử không bàn chuyện chính trị vì ngài vốn coi thường quan chức, bổng lộc, triều đình. Nhất định ngài phải nói đến một cái gì đó phi thường hơn. Nếu không, thì Đạo là điều gọi tên được. Mà như vậy trái với nguyên tắc ngài đã nêu ở chương 1: Đạo không thể gọi tên.

Phân tích theo ngũ pháp phương Tây thì câu này gồm ba lần phủ định: lần đầu phủ định hành động, lần thứ nhì phủ định của phủ định tức là khẳng định hành động. Giữa không làm và có làm là chữ *nhưng mà*. Vậy phải dịch: Đạo không làm nhưng mà có làm. Đạo ở chỗ không gọi tên được vì vậy hành động của đạo cũng không gọi tên được. “*Không mà có*” là cách người xưa dùng ngôn ngữ có hạn để chỉ điều vô hạn, dùng cái gọi được để chỉ cái gọi không được. Rốt cuộc, làm theo Đạo là một hành động vượt ra ngoài ngôn từ, lý luận của con người.

► **Tôn Giáo**

Do có quá nhiều môn phái mà rất khó xác định có bao nhiêu tín đồ đạo Lão. Theo một cuộc thăm dò ý kiến ở Trung Quốc vào năm 2010 số người thực hành các nghi lễ có liên quan đến đạo Lão là 173 triệu và 12 triệu là các tu sĩ gọi là đạo gia. Năm 1956 Hiệp Hội Lão Giáo Trung Quốc ra đời để quản nhiệm các hoạt động của đạo. Sau đó hội bị giải tán, cấm hoạt động trong thời gian có Cách Mạng Văn Hoá dưới thời Chủ Tịch Mao Trạch Đông và được phép hoạt động trở lại vào năm 1980. Trụ sở của hội hiện nay đặt tại Đền Bạch Vân ở Bắc Kinh.

VAI TRÒ TRONG CAO ĐÀI

► **Lão Tử**

Trong đạo Cao Đài, Lão Tử là giáo chủ Tiên Giáo

(Đạo Lão), được thờ phượng ngang hàng với các vị giáo chủ khác như Khổng Tử (*Nho Giáo*), Phật Thích Ca (*Phật Giáo*), v.v...

Giáo lý Cao Đài dạy rằng từ thời Thái Cổ đến nay, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã mở đạo để dạy dỗ loài người ba lần (*tam kỳ*). Hai lần đầu, các giáo chủ tuân lệnh Ngài xuống thế gian trong xác thân con người để dạy đạo. Nói riêng về Đạo Lão thì trong Nhứt kỳ phổ độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ (*hay Thái Thượng Đạo Quân*) mở Tiên Giáo ở Trung Hoa. Đến Nhị kỳ phổ độ, Đức Thái Thượng Đạo Tổ giáng sanh là Đức Lão Tử cũng ở Trung Hoa để chấn chỉnh Tiên Giáo. Và trong Tam Kỳ Phổ Độ hiện nay thì các giáo chủ không xuống trần gian nữa, lần này chính Đức Chí Tôn Thượng Đế mở đạo Cao Đài thông qua huyền diệu cơ bút (*tức là cầu cơ, chấp bút*).

► Giáo Tông Cao Đài

Ngày 23/9 Bính Dần (29/10/1926) Đức Chí Tôn Thượng Đế giáng cơ dạy rằng “*từ đây quyền thượng phạt đã giao vào tay Lý Thái Bạch...*”. Kể từ đó toàn đạo Cao Đài biết rằng Đức Lý Thái Bạch là Giáo Tông của Đạo. Sách sử ghi nhận ngài là bậc thi hào nổi tiếng đời Đường ở Trung Hoa. Theo luật Cao Đài, Giáo Tông là chức vụ đứng đầu Cửu Trùng Đài và đồng thời là anh cả của tất cả tín đồ. Đến ngày 22/11/1930 thì Đạo Nghị Định số 2 ra đời, theo đó Đức Lý Giáo Tông giao Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (*Lê Văn Trung*) chức vụ quyền Giáo Tông đạo Cao Đài. Như vậy đạo Cao Đài có một Giáo Tông thiêng liêng là Đức Lý Thái Bạch và một quyền Giáo Tông để xử lý các vấn đề ở thế gian là ngài Thượng Trung Nhựt. Chỉ có một trùng hợp lý thú là cả hai vị đều có liên quan đến đạo Lão. Đức Lý Giáo Tông trên cõi thiêng liêng giữ

chức vụ Đệ Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thay mặt cho Tiên Giáo (*Đức Quan Âm thay mặt Phật Giáo và Đức Quan Thánh thay mặt Nho Giáo*) trong lần phổ độ thứ ba này, còn Ngài Lê Văn Trung là Đầu Sư phái Thượng, cũng là nhánh Tiên Giáo. Trong Cửu Trùng Đài có ba vị Đầu Sư thay mặt cho ba phái: phái Thái (*Phật*), phái Thượng (*Tiên*) và phái Ngọc (*Nho*).

► **Tịnh Thất**

Đức Hộ Pháp thường khuyên tín đồ Cao Đài ba cách tu tập tiêu biểu: lập công theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, lập đức theo Hội Thánh Phước Thiện và tu chơn (*tức là tịnh luyện*) trong các Tịnh Thất. Đặc biệt pháp môn tịnh luyện của Cao Đài có liên quan đến đạo Lão nhiều nhất.

Trước hết kính mời quý đọc giả xem đoạn Thánh ngôn này:

“Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy dạng mà cũng có thể không thấy dạng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh, Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống dạng. Còn có Thần không có Tinh, Khí thì khó huần dạng nhị xác thân.”¹

Thêm vào đó, Đức Hộ Pháp có nhắc tới luyện Tam Bửu (*Bảo*) trong những bài thuyết đạo về Bí Pháp và đặc biệt là Bát Nương Diêu Trì Cung trong quyển **Bí Pháp**

¹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. 17/7/1926

Luyện Đạo đã truyền dạy cách luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hoá Thần, luyện Thần hườn Hư. Có vài tác giả còn thêm “*luyện Hư hườn Vô*”, nhưng như vậy là luyện Tứ Bửu chớ đâu phải Tam Bửu. Hơn nữa “*hư*” đồng nghĩa với “*vô*”, do đó câu “*hư hườn vô*” thật sự là tối nghĩa.

Xin trở lại vấn đề, rõ ràng chúng ta thấy pháp môn tịnh luyện xuất chơn thần của đạo Cao Đài có liên quan đến khái niệm Tam Bửu (*Tinh, Khí, Thần*) trong đạo Lão. Sở dĩ phải nói rõ như vậy vì đạo Lão có rất nhiều tông phái, mỗi tông phái đều có triết lý và cách tu tập khác nhau, từ luyện bùa chú, thuật phong thủy, kỳ môn độn giáp, luyện thánh thai, luyện trường sinh bất tử, luyện Ngũ Khí Triều Ngươn, luyện Tam Hoa Tụ Đảnh, luyện Thái Cực Quyền, luyện Khí Công, v.v... Ngay cả khái niệm Tinh, Khí, Thần và cách luyện cũng được các đạo gia diễn giải nhiều cách khác nhau.

Riêng cách tịnh luyện của Cao Đài không phải có nguồn gốc từ một tông phái nào đó của đạo Lão mà phần lớn do cơ bút truyền lại. Hiện nay trong kinh sách của đạo Cao Đài có rất nhiều quyển nói đến luyện Tam Bửu, nhưng quyển Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Điều Trì Cung là giải thích rõ ràng dễ hiểu nhất. Tuy nhiên, như chúng tôi từng đề cập trước đây, khi nào Hội Thánh Cao Đài có điều kiện tổ chức tu chơn, thì cần Thập Nhị Bảo Quân, tức là Hàn Lâm Viện Cao Đài, nghiên cứu tất cả tài liệu luyện đạo có sẵn của Cao Đài để thảo ra một chương trình tịnh luyện phù hợp với con người, phong tục, khí hậu Việt Nam cho các tín đồ.

KẾT LUẬN

Đến đây, chúng tôi xin phép khép lại bài khảo luận

này. Chỉ trong khoảng mười trang giấy, chúng tôi không thể làm gì khác hơn là cung cấp cho quý đọc giả những thông tin cơ bản nhất về mối liên quan giữa đạo Lão và đạo Cao Đài vì có một lần nghe một bạn đạo nói chưa thấy bài viết về vấn đề này. Lẽ ra còn có thể viết chi tiết hơn, nhưng xin hẹn bài sau bởi viết dài quá, e là khó đọc.

Từ Chơn

Sài gòn 12 Nov 2020

tuuchoon@gmail.com

REFERENCES:

- ▶ Wikipedia (*English*)
- ▶ Britannica
- ▶ Stanford Encyclopedia of Philosophy
- ▶ Bước Đầu Học Đạo – Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng
- ▶ Tự điển Hán Nôm (*online*)
- ▶ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển – Hội Thánh Cao Đài
- ▶ Bí Pháp Luyện Đạo – Từ Huệ chấp bút.

3. HUẤN NGÔN CỦA ĐỨC THÍCH CA MÂU NI TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

MỞ ĐẦU

Nhân dịp ngày sanh của Đức Thích Ca Mâu Ni: 8-4 â.l. chúng ta cùng nhau nhắc lại lời dạy của ngài và xác định nhiệm vụ của tín đồ Cao Đài cần phải làm gì cho phù hợp với lời dạy đó.

* Đại Hội Phật Giáo Thế Giới chọn ngày rằm tháng 4 hàng năm để kỷ niệm ngày sanh đức Phật cho dễ nhớ; nhưng trong đạo Cao Đài vẫn giữ ngày 8-4 theo truyền thống. Đức Thích Ca Mâu Ni (*tiếng Phạn là Shakyamuni – nghĩa là bậc hiền triết xứ Shakya*), hay còn gọi là Đức Phật (*tiếng Phạn là Buddha – nghĩa là một người giác ngộ*), là một đại triết gia, một nhà đạo đức, một bậc đại giác, một giáo chủ và cũng là biểu tượng của an bình trong thế gian đầy biến động vì tranh đấu giữa người và người. Hơn mấy ngàn năm qua, giáo pháp của ngài đã dẫn đạo hàng tỷ Phật tử trên toàn thế giới sống theo những nguyên tắc đạo đức Phật giáo. Hiện nay, không những ở phương đông mà phương tây ngày càng có nhiều người tìm đến kinh điển của ngài để tìm sự giác ngộ, trực chỉ Niết Bàn.

Mặc dù trong quá khứ, thậm chí ngay cả hiện tại, có người cho rằng: thế giới càng ngày càng văn minh hơn và đến một lúc nào đó, tôn giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng sẽ không còn tác động được đến tinh thần con người, dần dần đi vào quên lãng. Nhưng thực tế đã chứng minh trái lại. Con người có thể có nhiều máy móc hơn, di chuyển nhanh hơn, làm việc hiệu quả hơn, hiểu rõ cơ thể của mình hơn, giỏi làm chính trị hơn, nhưng những thắc mắc gặm nhấm tinh thần vẫn không được giải quyết: con người vẫn bị dày vò bởi những câu hỏi

triết học: “*Mình từ đâu đến? Đến để làm gì? Và mình sẽ đi đâu sau khi chết?*”

Phật Thích Ca đã giải quyết được những vấn nạn này toàn diện và dứt khoát trong lúc ngồi suy tư dưới gốc Bồ Đề. Sau đó ngài đã giảng dạy cho các đệ tử của Ngài, rồi các đệ tử ghi chép lại thành kinh điển cho chúng ta đọc ngày nay. Chỉ tiếc một điều: ngày nay nếu đọc kinh mà không hiểu thì không có Đức Phật giảng giải cho chúng ta nghe nữa!

PHẬT THÍCH CA ĐÃ TỪNG DẠY NHỮNG GÌ

Tất cả giáo pháp của đức Phật nằm trong hệ thống triết lý thuần phương đông. Cứu cánh triết lý phương đông không nhằm đạt đến cái ĐÚNG logic theo kiểu triết lý phương tây, mà nhằm đạt đến sự **minh triết** của con người. Luận Lý (và Phi Luận Lý) chỉ là phương tiện dẫn con người đến sự bùng sáng nội tâm. Khi đã đạt được sự bùng sáng nội tâm, con người sẽ tự mình thoát khỏi mọi niềm khổ đau nhân thế – thuật ngữ Phật Giáo gọi là *đạt cứu cánh Niết Bàn*. Cũng chính vì không cần logic, mà những ai thích lý luận hoặc “*biện chứng*” theo kiểu phương tây đều cảm thấy mù mờ khó hiểu khi đọc kinh điển tối thượng của Phật Giáo. Đó cũng là lý do có nhiều trường phái Phật Giáo trên thế giới, tùy theo mức độ người ta “*hiểu*” giáo pháp của Ngài như thế nào. Tuy có nhiều trường phái, nhưng những nét chính của giáo pháp của đức Phật có thể sơ lược như sau:

- ▶ **PHẬT DẠY RẰNG:** “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*” – nghĩa là, tất cả mọi người ai cũng có sự sáng suốt tột đỉnh trong nội tâm giống như đức Phật. Sở dĩ con người không sử dụng được sự sáng suốt của

mình như đức Phật là vì lòng **dục** (*tham muốn*) của mỗi cá nhân quá lớn đến nỗi che khuất cả sự sáng suốt này. Khi nghe dạy đến đây có lẽ phần lớn chúng ta đều nghĩ rằng: thế cũng dễ, mình chỉ cần “*diệt dục*”, nghĩa là từ bỏ sự ham muốn, thì sẽ trở nên sáng suốt như đức Phật, tức là sẽ “*thành Phật*”! Đây là một cách suy nghĩ theo kiểu triết học duy lý phương Tây điển hình! Cách suy nghĩ như thế sẽ không có hiệu quả trong môi trường triết học phương đông. Rõ ràng, chúng ta không làm sao diệt được sự ham muốn, bởi lòng ham muốn chính là **bản ngã của mỗi cá nhân**. **Ta** không thể nào từ bỏ **chính ta**. Do đó hành động từ bỏ gia sản, chỉ giữ lại hai bộ áo quần, sống nhờ lòng hảo tâm của mọi người, rồi bảo rằng đó là diệt dục để đạt được sự sáng suốt, chỉ là một ảo tưởng ấu trĩ.

- ▶ Đạt được sự sáng suốt (minh triết) như đức Phật rất khó khăn, cho nên ngài mới dành trọn cuộc đời mình để thuyết cho chúng sinh nghe cách thức làm thế nào để đạt được sự minh triết. Lời dạy quan trọng nhất của ngài đúc kết trong “*Bát Nhã Tâm Kinh*”, được trích đoạn như sau :

.....

Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách nạn. Nây Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, thọ tưởng hành thức cũng đều như thế.

Nây Xá Lợi Tử, tướng không của các pháp ấy chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhớ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

.....

Nói ngắn gọn, qua bài kinh trên, chúng ta hiểu Phật dạy rằng: muốn có được trí Bát Nhã (*tức là trí huệ – sự sáng suốt phi thường của Phật*), thì phải **soi thấy** – nghĩa là quán tưởng, suy nghĩ sâu xa để hiểu rõ ràng: **có chẳng khác gì không, không chẳng khác gì có, có chính là không, không chính là có,...** Chắc có lẽ mọi người đều đồng ý rằng: hiểu được như vậy là hết sức khó khăn, vì như thế là vượt ra ngoài suy luận bình thường của trí não con người. Theo lịch sử Phật giáo, có người chỉ nghe lời giảng trên một lần là đã đạt được sự sáng suốt, thoát khỏi mọi đau khổ trần tục, bước vào một thế giới chỉ có hạnh phúc và niềm vui (*Phật gọi là cõi Niết Bàn*). Thí dụ như đức Lục Tổ Huệ Năng, trong khi gánh củi đi ngang qua chùa, nghe đức Ngũ Tổ giảng Bát Nhã Tâm Kinh cho các đệ tử là ông hiểu ngay lập tức. Tuy nhiên, phần lớn người bình thường, như chúng ta chẳng hạn, có ngồi thiền suy gẫm về điều ấy trọn cả cuộc đời cũng chưa chắc đã hiểu, nói gì đến đạt được sự thông suốt như đức Phật! Trong đạo Cao Đài, ai cũng biết câu chuyện về Đức Huệ Mạng Trường Phan (*ông thầy chùa tu ở núi Điện Bà*). Đây là một ví dụ nữa để chứng minh rằng phương pháp quán tưởng của đức Phật là cực kỳ khó khăn: Theo cơ bút Cao Đài, mấy ngàn năm nay ở Á Đông chỉ có đức Huệ Mạng Trường Phan là một người duy nhất tu theo cổ luật mà đắc đạo. Vậy suy ra, suy gẫm để đạt được sự minh triết như đức Phật có lẽ chỉ dành cho những chơn linh cao trọng, chứ không dành cho những người thường như chúng ta.

Trong tam kỳ phổ độ (*cứu độ lần thứ ba*) của Thượng Đế, ngoài những lời dạy trước kia, đức Phật cũng đã giảng

cơ cho nhân loại thêm hai bài kinh mới. Đó là bài kinh Đại Tường và bài Di Lạc Chơn Kinh. Hai bài kinh này ý nghĩa ra sao và có khác với những lời dạy trong quá khứ của đức Phật hay không?

PHẬT THÍCH CA GIẢNG KINH TẬN ĐỘ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Theo Cao Đài, tùy theo trình độ tiến hóa hoặc xuất xứ mà các chơn hồn (*thường gọi là linh hồn*) được phân chia ra làm ba loại: Nguyên Nhân, Hóa Nhân và Quỷ Nhân.

- ▶ Nguyên nhân là những chơn hồn do Phật Mẫu sinh ra từ tạo thiên lập địa. Tổng cộng có 100 ức Nguyên nhân ($1 \text{ ức} = 100,000$) xuống đầu kiếp ở địa cầu 68 – tức là quả đất hiện nay của chúng ta. Các Nguyên nhân, vốn được Thượng Đế ban cho đầu óc sáng suốt hơn Hóa nhân và Quỷ nhân, có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ các Hóa nhân trên con đường tiến hóa. Làm xong phận sự, các Nguyên nhân sẽ được trở về ngôi vị cũ, hoặc thăng vị cao hơn trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ Hóa nhân là những chơn hồn sinh ra ở địa cầu 68 và tiến hóa theo thứ tự từ thấp đến cao như sau : vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Từ phẩm Thần trở lên là bắt đầu có được ngôi vị trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- ▶ Những Nguyên nhân hay Hoá nhân nào vi phạm Thiên điều (luật của Trời) sẽ bị phạt đọa vào hàng Quỷ nhân. Tất cả quỷ nhân chịu dưới quyền điều khiển của Đại Tiên Kim Quang Sứ (Đạo Phật gọi là Quỷ Vương, đạo Thiên Chúa gọi là Lucifer hay Satan). Quỷ nhân có nhiệm vụ tạo ra những tình huống khó khăn hoặc

cám dỗ để thử thách các Nguyên nhân và Hóa nhân.

Theo thuyết Tam Kỳ Phổ Độ của Cao Đài thì Đức Chí Tôn Thượng Đế đã mở ra hai lần cứu vớt đối với địa cầu 68 của chúng ta. Trong mỗi lần cứu độ, mọi phẩm chơn hồn có công, có đạo đức đều được tiến lên trên thang tiến hóa. Riêng hàng Nguyên nhân đã về ngôi vị cũ được 8 ỨC (*Nhất Kỳ Phổ Độ: 6 ỨC, Nhị Kỳ Phổ Độ: 2 ỨC*). Còn lại 92 ỨC Nguyên nhân vẫn còn kẹt lại địa cầu 68 vì nhiều lý do khác nhau. Theo Thánh ngôn thì Nguyên nhân chính là: 92 ỨC Nguyên nhân này *mê luyến hồng trần!*

Trong lần cứu vớt chúng sinh kỳ thứ ba (*Tam Kỳ Phổ Độ*) Đức Chí Tôn Thượng Đế muốn tận độ (*nghĩa là cứu cho hết chúng sinh*) bởi vì sau Tam Kỳ Phổ Độ qua địa cầu 68 sẽ chuyển qua một giai đoạn khác kém tiến hóa hơn. Để ý nghĩa “*tận độ*” được trọn vẹn, các Đấng Thiêng Liêng vâng lệnh Thượng Đế dùng nhiều cách thức, tùy theo căn cơ của các chơn hồn, để cứu cho hết 92 ỨC Nguyên nhân cùng những Hóa nhân nào có đủ công đức theo Thiên điều qui định.

Riêng Phật Giáo, ngoài cách thức **quán tưởng** mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng dạy trong Nhị Kỳ Phổ Độ như đã nêu trên, Ngài cũng đã giảng cơ cho hai bài kinh Đại Tường và Di Lạc Chơn Kinh để “*Độ tận chúng sinh đắc qui Phật vị*” – nghĩa là dạy cho tất cả chúng sinh cách để đạt được sự sáng suốt như đức Phật.

Như trên đã bàn, cách quán tưởng rất khó thực hiện, chỉ dành cho những Chơn linh cao trọng; trái lại do tính chất tận độ của kỳ ba này, nên cách thức Phật Thích Ca dạy trong kinh Đại Tường và Di Lạc Chơn Kinh sẽ khác hơn là cách quán tưởng.

Xét nội dung hai bài kinh này thì chúng ta thấy:

- **Kinh Đại Tường:** nội dung nói về Hội Long Hoa. Đây là ngày phán xét các chơn hồn trong Tam Kỳ Phổ Độ. Giống như một kỳ thi tuyển: các chơn hồn tùy theo công đức sẽ được thăng vị trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Di Lạc Vương Phật sẽ giáng thế để điều khiển đại hội Long Hoa. Hộ Pháp Di Đà cũng giáng linh để trừ diệt yêu tinh quỷ quái quấy phá các chơn hồn.
- **Di Lạc Chơn Kinh:** nội dung nêu danh các vị Phật trên các tầng trời. Đặc biệt trong Di Lạc Chơn Kinh, Đức Thích Ca Mâu Ni nhấn mạnh *“Những người nào thành tâm nghĩ đến những vị Phật trên và tuân theo luật Tam Kỳ Phổ Độ đều sẽ đạt được trạng thái sáng suốt như Phật”*

Từ lời dạy của đức Phật qua hai bài kinh Đại Tường và Di Lạc Chơn Kinh, có thể suy ra rằng: muốn được cứu trong lần tận độ này, con người chỉ cần *“nhất tâm thiện niệm”* – tức là **thật lòng nghĩ đến** – danh các vị Phật là được đặc đạo giải thoát, không nhất thiết phải dày công quán tưởng như trước kia nữa.

Như thế, chúng ta có thể suy ra hai điều sau đây: Thứ nhất, có lẽ những sự kiện trong Long Hoa hội sẽ diễn ra vừa bất ngờ vừa khốc liệt cùng khắp trên địa cầu 68. Các đấng thiêng liêng biết rằng con người không có đủ thì giờ và điều kiện để suy tư, quán tưởng nữa, vì thế muốn tận độ loài người, các đấng ban cho một ân huệ: chỉ cần thật lòng suy nghĩ về danh các vị Phật thôi là đã được cứu rồi! Nhìn tình hình trên toàn thế giới hiện nay thì chúng ta thấy cũng đúng. Nào là thời tiết biến đổi bất thường gây bão tố lũ lụt với cường độ cao chưa từng có, nào là chiến tranh hận thù liên miên, nào là nhiều

loại bệnh dịch bất trị gây chết người hàng loạt ở nhiều nước. Tất cả những thiên tai bất hạnh này đều xảy ra rất nhanh chóng, bất ngờ và đều vượt quá khả năng chịu đựng của loài người!

Thứ hai, các quỷ nhân sẽ bày ra đủ trò thử thách và quyến dụ, đến độ, trong Long Hoa Hội, thật lòng nghĩ đến danh các vị Phật không phải là một việc dễ dàng, mà là một sự cố gắng lớn lao, thậm chí không thể thực hiện, đối với nhiều người. Quả thật như thế, ngày nay chúng ta dễ dàng nhận ra số người không tin vào các Đấng Thiêng Liêng đã tăng lên ngày một nhiều. Hoặc họ nói rằng: “*Chúng tôi là những con người khoa học, không tin chuyện tôn giáo nhằm nhĩ.*” hoặc họ đòi hỏi các Đấng Thiêng Liêng phải cho họ chứng kiến các huyền diệu thì họ mới tin vv... Đối với những người này thì chắc chắn không thể nào có chuyện thật lòng nghĩ đến các vị Phật!

Nói tóm lại, “*tận độ*” không có nghĩa là hạ thấp các yêu cầu để “*vớt*” càng nhiều người càng tốt, mà chính tính cấp bách của tình thế trong đại hội Long Hoa mới là Nguyên nhân của việc chuyển từ **quán tưởng** sang **thành tâm thiện niệm**. Suy cho cùng, điều kiện để đắc đạo trong lần thứ ba vẫn không hề dễ hơn hai lần trước. Ai muốn được cứu độ cũng phải dùng công sức, tài lực của mình làm âm chất lâu bền thì khi **thành tâm thiện niệm** mới có hiệu quả. Không thể thoãi mái chạy theo cuộc sống vật chất cho thỏa mãn ham muốn cá nhân, rồi đến lúc gần chết, **thành tâm thiện niệm** là được giải thoát!

TÍN ĐỒ CAO ĐÀI CÓ NGHĨA VỤ GÌ VỚI KINH TẬN ĐỘ

Xét đến cách dùng hai bài kinh này trong Thể Pháp

Cao Đài, chúng ta có thể thấy rõ nhiệm vụ của mình, những tín đồ Cao Đài trong thời đại Long Hoa Đại Hội.

Trước tiên, hai bài kinh Đại Tường và Di Lạc Chơn Kinh đặc biệt dùng trong thể pháp cầu siêu cho người đã chết trong các tang lễ. Tang lễ, cho dù là ở đâu trên quả đất này đều có những điểm giống nhau:

Tại một đám tang, người ta không còn quan tâm đến những điều mà ngày thường vốn vẫn gây ra hiểu lầm xích mích. Người ta không quan tâm đến những khác biệt giữa mình và người đã mất về quan điểm chính trị, tôn giáo hay nghệ thuật.

Ngoài ra, người ta sẵn lòng quên đi mọi lỗi lầm cho người đã chết, nếu có. Không còn cạnh tranh, hận thù, ghét bỏ nữa, mà chỉ còn một tình thương giữa người và người. Bạn bè cũng như người thân, ai cũng muốn góp tay làm một điều gì đó để tiễn đưa người đã khuất lần cuối cùng.

Về mặt Thể Pháp, có thể nói, đây là một môi trường rất phù hợp với lý tưởng Cao Đài: đó là dung nạp mọi cá nhân, không phân biệt màu da, sắc tóc, chính kiến. Với tinh thần như đã nêu, những người tham dự sẽ có một đầu óc thoáng hơn, chịu lắng nghe hơn. Lời kinh được tụng trong dịp này biết đâu sẽ làm cho một ai đó trong tang lễ bừng giác ngộ, đạt được trí Bát Nhã diệu dụng.

Về mặt Bí Pháp, Thánh ngôn dạy rằng, khi tụng Di Lạc Chơn Kinh là chúng ta đã giúp cho chơn hồn của người đã khuất giác ngộ thêm một bậc; càng tụng kinh, càng giúp cho chơn hồn mạnh mẽ tiến bước trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Vì những lý do trên, tín đồ Cao Đài, nếu có cơ hội, là phải nhiệt tình, thành tâm trì tụng Di Lạc Chơn Kinh.

Mình tụng cho người, rồi mai kia đến phiên người tụng lại cho mình. Cứ thế, chúng ta giúp đỡ nhau trong thời kỳ đại hội Long Hoa để cùng tiến về Bạch Ngọc Kinh trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

TỪ CHƠN

Sài gòn 4/10/2013

4. NĂM MỚI THỬ XÉT LẠI TRIẾT LÝ CAO ĐÀI CÓ PHÙ HỢP VỚI THIÊN NIÊN KỶ NÀY HAY KHÔNG?

NHỮNG BĂN KHOĂN

Một hôm tôi vào tự điển Wikipedia trên internet để xem trang Cao Đài. Trong phần thảo luận, một vị khách nào đó đã có nhận xét thẳng thừng như sau: “*Đạo này chẳng có triết lý gì cả, chỉ vay mượn, chấp vá ý tưởng của những tôn giáo khác mà thôi...*”. Tôi thành thật cảm ơn người bạn không quen đã có một nhận định rất thẳng thắn, và cầu mong cộng đồng Cao Đài, những ai tự nhận mình có trách nhiệm với tiếng nói của Cao Đài, cùng những ai muốn lập ngôn với Đức Chí Tôn, hãy suy gẫm về nhận xét này, rồi tự học hỏi thêm nữa để làm tròn trách vụ của mình.

Thông thường, những ai mới tiếp xúc với Cao Đài lần đầu đều không tránh khỏi có những nhận xét tương tự như trên. Để cho vị khách quý ấy có nhận xét như thế là lỗi của chúng ta: con cái của Đức Chí Tôn đã không nói rõ được triết lý cao cả của Đại Từ Phụ. Tuy nhiên, nếu xét cho kỹ thì nhận xét này cũng có những nguyên nhân tương đối dễ hiểu. Trước hết, phần lớn kinh sách của Cao Đài chưa vượt quá mức độ lập đi lập lại hệ thống triết lý của Đạo Phật, Đạo Lão và Đạo Khổng. Thậm chí nhiều tác giả chỉ mới giải thích sơ sài triết lý của ba tôn giáo này thì đã vui lòng tự cho rằng mình nói được nguyên tắc của Cao Đài rồi.

Ngoài ra, chưa có đặc trưng nào của Cao Đài được chính thức giới thiệu một cách có hệ thống bằng ngôn ngữ đương thời để cho người học đạo dễ dàng tìm hiểu. Hiện cũng có một số tác giả cố gắng làm điều này nhưng

phần lớn viết bằng cổ văn nặng nề điển tích, đôi khi lại mang tính thần bí, rất khó hiểu đối với giới trẻ ngày nay.

Còn có thể kể thêm là chưa thấy có những ý tưởng đột phá có tầm mức quốc tế. Đa số các tác giả viết về Cao Đài thường lập lại 100% Thánh ngôn, chứ không dám có những suy tưởng “vượt rào ngoạn mục”. Một số tác giả lại loay hoay với những gút mắc nặng phần sử học, xoay quanh những mâu thuẫn nội bộ trong thời kỳ Khai Đạo. Than ôi! Chúng ta chưa vượt ra khỏi chiếc vỏ bọc cục bộ của chính mình thì nói gì đến truyền Đạo ra ngoại quốc!

Điểm cuối cùng là văn hóa Cao Đài dường như đứng yên không phát triển. Chúng ta đều biết rằng ngoài kinh điển ra, luôn có một nền văn hóa song hành với tôn giáo. Văn hóa này thể hiện qua cách diễn giải, truyền bá triết lý của tôn giáo, và giúp đưa những nguyên tắc sống theo đạo lý vào trong xã hội. Kinh luật cần phải giữ nguyên không đổi, nhưng văn hóa dùng để phổ biến triết lý tôn giáo không thể khư khư giữ mãi một hình thức cố định. Muốn truyền bá rộng rãi thì không thể đem một câu văn, một từ ngữ hoặc một quan điểm thịnh hành cách đây đã tám mươi năm để thuyết phục một người sống trong thời đại tin học hiện nay. Một bài thơ thất ngôn bát cú khoán thủ, chẳng hạn, có thể tạo một xúc cảm đặc biệt trong lòng một nhà nho mười thập kỷ trước, nhưng đối với giới trẻ hiện nay, một bài thơ như vậy chỉ còn có giá trị nhất định về mặt nghiên cứu lịch sử.

Con cái Đức Chí Tôn phải tạo ra một nền văn hóa theo sát sự biến chuyển của thời đại. Nói cách khác, văn hóa phải sống. Phải có những bài viết mới, phải có những hình thức phổ biến mới, phải mở hướng đi mới.

Trong văn hóa, ngừng lại không phát triển có nghĩa là lạc hậu, mà lạc hậu thì không thể thực hiện được nguyên tắc phổ độ của Cao Đài.

Vậy muốn làm cho mọi người hiểu rõ hơn về triết lý Cao Đài, con cái Đức Chí Tôn phải học hỏi ngày càng nhiều để có trình độ văn hóa theo kịp với thời đại, nghiên cứu sâu rộng về các tôn giáo trên thế giới để nâng cao sự hiểu biết lên tầm mức quốc tế. Văn hóa có nâng cao thì việc truyền bá mới càng rộng khắp.

Lại có một người bạn khác lại hỏi tôi: *“Khi đọc kinh sách Cao Đài, tôi có cảm tưởng triết lý đạo quá cổ xưa, chưa thấy điểm nào đáng gọi là mới. Trình độ loài người thì tiến lên như vũ bão. Chỉ cần qua năm, mười năm, là một quan điểm kinh tế, chính trị hay khoa học đã có thể trở thành lỗi thời. Trong điều kiện như thế, Cao Đài có đảm đương nổi sứ mạng phổ độ toàn thế giới không?”*

Nhân câu hỏi này, xin mạn phép nêu vài ý kiến cá nhân ở đây về những điểm mới trong triết lý Cao Đài để gọi là mở một hướng đi, kêu gọi người chung chí hướng cùng tham gia làm giàu cho kho tàng văn hóa của đạo Cao Đài.

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG TRIẾT LÝ CAO ĐÀI.

► Thượng Đế

Điểm mới đầu tiên mà cũng là cốt lõi của Cao Đài chính là quan điểm về Thượng Đế và mối quan hệ giữa Thượng Đế và con người. Từ Tạo Thiên Lập Địa, con người đã có niềm tin vào Thượng Đế. Tất cả những tôn giáo được các nhà nghiên cứu phương tây xếp vào loại Độc Thần (*monotheism*) đều đồng thanh khẳng định

Thượng Đế tồn tại. Triết lý Cao Đài không phủ định điều này, hơn thế nữa còn đưa ra những quan điểm trước kia vẫn còn tương đối xa lạ với phần lớn các tôn giáo trên thế giới:

- Thứ nhất, **Thượng Đế** trong niềm tin của các tôn giáo trên trái đất **vẫn là một**. Vì khác biệt về chủng tộc và địa lý mà loài người thờ phụng Ngài dưới những danh hiệu khác nhau, thậm chí gán cho Ngài những tính chất khác nhau. Trước đạo Cao Đài, vào thế kỷ 19 cũng có đạo Bahá'í khởi xướng quan điểm này. Đạo Bahá'í, mang đậm nét văn hóa Ba tư, hiện cũng rất phát triển trên thế giới.
- Thứ hai, lần đầu tiên trong lịch sử tôn giáo loài người, chính **Thượng Đế** đến thế gian **mở Đạo**. Trong các bậc giáo chủ từ trước, chỉ có chúa Jesus xưng là con của Đức Chúa Trời, danh hiệu gán gủi Thượng Đế nhất. Những vị còn lại thì hoặc là những trí giả hoặc là các bậc tiên tri có sứ mạng rao giảng và khởi xướng một tôn giáo.
- Thứ ba, Cao Đài nêu lên quan điểm **Thượng Đế và con người là một**. Đây là một điều mới mẽ chưa từng có trong bất cứ tôn giáo nào từ trước đến nay. Thông thường, các tôn giáo cổ xem mối quan hệ này tương tự như mối quan hệ giữa vua chúa và thần dân : Thượng Đế khen thưởng người có đạo đức và trừng phạt kẻ vi phạm những nguyên tắc đạo đức. Nghĩa là Thượng Đế và con người là **hai** thành phần riêng rẽ và chỉ có quan hệ một chiều : Thượng Đế có quyền lực chi phối đến mọi phương diện trong cuộc sống của một cá nhân lúc còn sống cũng như sau khi chết. Quan niệm “**Thượng Đế và con người là một**” của

Cao Đài đưa đến những thay đổi to lớn trong tôn giáo : Thượng Đế không giữ quyền khen thưởng và trừng phạt nữa, mà mỗi cá nhân sẽ tự quyết định cho mình. Thượng Đế cứu rỗi loài người không có nghĩa là Ngài dùng quyền lực của mình đem con người về cõi thiên đàng giống như máy bay cứu nạn vớt người bị đắm tàu, mà Ngài chỉ trao cho con người cách thức để tự cứu rỗi qua các hình thức tôn giáo ở thế gian – thuật ngữ Cao Đài gọi là truyền Bửu Pháp. Như vậy, con người đã được quyền quyết định kiếp sau của mình, hay nói cho đúng hơn theo thuật ngữ Cao Đài là : quyết định bước tiến hóa của mình trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

► **Triết Lý Dung Hợp**

Mọi tín đồ Cao Đài đều biết một nguyên lý của Cao Đài là “*Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất*”, nhưng phần đông chỉ hiểu về mặt ngữ nghĩa – từ ngữ Cao Đài gọi là hiểu theo Thể Pháp. Người ta lập tức diễn giải ngay ra rằng Tam Giáo là Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo và Ngũ Chi là Nhon Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo, và vội vàng kết luận rằng triết lý Cao Đài là bao gồm triết lý của những tôn giáo vừa kể. Chẳng trách có người gán cho Cao Đài là Phật Giáo cải cách, thậm chí là vay mượn triết lý của tôn giáo khác như ví dụ ở đầu bài viết! Nhưng thực ra, nếu hiểu theo đúng tinh thần nhị nguyên đối đãi vẫn thường được tượng trưng qua các vẽ đối trong văn học cổ Việt Nam thì các tôn giáo nêu ra trong khẩu hiệu trên chỉ nhằm ám chỉ chủ nghĩa dung hợp tôn giáo (*syncretism*) hay tôn giáo đa nguyên (*pluralism*). Nghĩa là, Cao Đài xem mọi tôn giáo hoặc mọi hệ thống tín ngưỡng đã có trên trái đất này đều do

Thượng Đế gián tiếp mở ra qua nhiều giai đoạn lịch sử. Dĩ nhiên với điều kiện các tôn giáo này phải có nguyên tắc hành đạo không trái với những luật lệ của Cao Đài. Chẳng hạn như, nếu có hệ thống tín ngưỡng nào đó chủ trương điều gì có hại đến sinh mạng con người, thì sẽ không được xem là tôn giáo của Thượng Đế, bởi vì hại sinh mạng là vi phạm Ngũ Giới Cấm của Cao Đài. Tính ra trong lịch sử loài người, chỉ đến thế kỷ 19 trở đi thì quan niệm dung hợp trong tôn giáo mới bắt đầu thành hình và hiện nay là quan điểm hiện đại nhất. Cũng xin nói rõ, dù có tôn chỉ đa nguyên, nhưng Cao Đài có hệ thống tổ chức tôn giáo, nghi lễ, kinh luật và triết lý đặc thù của mình; không sử dụng của một tôn giáo nào khác.

➤ **Luân Hồi Là Tiến Hóa Trong Một Vũ Trụ Vô Hạn**

Rõ ràng, cái chết là ranh giới, là kết thúc của sự sống, nhưng sau cái chết là gì nữa thì chưa một ai biết rõ. Và đây cũng chính là nơi mà các tôn giáo đưa ra các giả thuyết. Đa số các tôn giáo đều cho rằng có một cõi giới khác sau khi con người chết đi, và cõi giới này chia ra làm Thiên Đàng (*dành cho những người làm điều thiện trong khi còn sống*) và Địa Ngục (*dành cho những người làm điều ác tại thế*). Những người ở địa ngục sau khi chịu "*hình phạt*" một thời gian sẽ phải xuống trần gian đầu kiếp để lập công chuộc tội... Con đường này gọi là luân hồi, và các tôn giáo mở ra ở thế gian là nhằm giúp con người sau khi chết được về cõi Thiên Đàng, không còn luân hồi nữa, tức là giải thoát. Cao Đài đưa ra quan điểm mới về thuyết luân hồi, gọi đó là Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. Trên con đường này không có điểm khởi đầu, cũng không có

điểm kết thúc, chỉ có những chặng dừng chân rải rác. Các chơn hồn (*thuật ngữ Cao Đài để gọi linh hồn*) xuống thế gian, đầu kiếp vào một thể xác. Khi thể xác chấm dứt sự sống, chơn hồn sẽ trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, tự định tội hay khen thưởng mình. Sau đó, chơn hồn lại xuống thế gian để tiếp tục tiến hóa cho đến tận thiện tận mỹ. Sự tiến hóa này không có giới hạn, và để diễn tả điều này, Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy rằng khi tiến hóa vượt mức, chúng ta thậm chí có thể mở ra một vũ trụ mới và trở thành Thượng Đế trong vũ trụ đó. Có thể nói rằng đây là một quan điểm tôn giáo rất cấp tiến. Với quan điểm này, con người đã vượt ra khỏi số phận thụ động, vươn lên điều khiển chính mình. Con người không còn lầm lũi đi theo con đường luân hồi khổ sai nữa, mà tích cực thẳng tiến trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống nhằm tạo cho bản thân một sự nghiệp thiêng liêng.

TRIẾT LÝ CAO ĐÀI CÓ CÒN HỢP VỚI THIÊN NIÊN KỶ MỚI HAY KHÔNG?

Người ta bảo rằng, với trình độ hiện nay, loài người sẽ có nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vượt bậc trong thiên niên kỷ mới. Điều này có thể không cần bàn cãi nữa, nhưng loài người vẫn còn phải đối phó những vấn đề khác. Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo, khác biệt chính trị, va chạm quyền lợi kinh tế vẫn là những gai góc trên con đường tiến bộ của loài người. Phương tiện giao tiếp bây giờ phong phú và hiệu quả hơn ngày xưa, cho nên các dân tộc tiếp xúc với nhau nhiều hơn, và cũng dễ va chạm hơn. Đôi khi những va chạm này quá sức chịu đựng đến nỗi đi vào bế tắc và người ta phải dùng đến chiến tranh để giải quyết vấn đề. Đây là cách

dễ làm nhất mà cũng là cách gây đau thương khốc hại nhiều nhất.

Tuy nhiên, con người nay cũng đã khôn ngoan hơn trước, và thừa khả năng để hiểu được chiến tranh không thể giải quyết tận gốc mọi vấn đề. Cách lý tưởng để giải quyết mọi tranh chấp trên thế giới ngày nay là: các dân tộc cần chấp nhận và tôn trọng lẫn nhau. Cũng chính vì điều đó mà triết lý dung hợp của Cao Đài vẫn còn phù hợp trong thiên niên kỷ này và cả những thiên niên kỷ sắp tới nữa.

Nếu loài người chấp nhận quan điểm chỉ có **một Thượng Đế** duy nhất trong tất cả các niềm tin tôn giáo trên thế giới, thì những khác biệt về văn hóa, chủng tộc hay quan điểm chính trị sẽ bớt phần khắc nghiệt. Con người sẽ dễ cảm thông hơn, dễ đối thoại, hợp tác trong mọi lãnh vực. Thù hận sẽ không có cơ hội phát triển và quả đất này (*Cao Đài gọi là địa cầu 68*) sẽ là một nơi có cuộc sống tốt đẹp hơn. Và, chúng ta, con cái của Đức Chí Tôn là những người có nhiệm vụ làm cho nhân loại thấu hiểu triết lý Cao Đài, nhìn nhau là anh em ruột thịt. Đó là lập công trong kỳ ba này vậy!

Từ Chơn

Đầu xuân Mậu Tý (2008)

5. CHỮ TRUNG DUNG TRONG ĐẠO CAO-ĐÀI

MỞ

Mọi tín đồ Cao Đài đều biết “*Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành*”. Đây là một câu trong bài Khai Kinh ở đầu mỗi thời cúng của đạo Cao Đài. Trong bài này có nhắc sơ ba đức hạnh căn bản của Đạo Nho, Lão, Phật¹. Một trong số đó, Trung Dung hay đạo

Trung Dung, là hạnh đức của bậc quân tử² theo Đạo Nho. Hôm nay, người viết kính mời quý đọc giả cùng nghiên cứu xem Đức Thánh Khổng (*Khổng Tử*) đã giảng dạy gì về Trung Dung. Hiểu rõ điều này sẽ giúp con đường tu tập chúng ta có phần rút ngắn lại, tránh trường hợp đọc kinh là *Khổng Thánh chỉ rành, nhưng hỏi Trung Dung là gì* thì trong bụng cảm thấy mơ hồ. Hiểu không rõ ràng thì hành không tới nơi, trong khi kiếp sống mình ngắn ngủi, thoáng đó đã phải trở về với Thầy rồi.

QUI TAM GIÁO

Một nguyên tắc chủ yếu khi nghiên cứu Cao Đài là luôn luôn phải dựa vào phương châm “**Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt**”. Kính mời quý đọc giả đọc thêm phần phân tích phương châm này ở đây:

<https://www.daotam.info/booksv/TuChon/dungphuongcham.pdf>

Đối với những vị không có thì giờ đọc, chúng tôi xin đi thẳng vào kết luận của phần phân tích này. Phương

¹ Trung dung Khổng Thánh chỉ rành, Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn, Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh

² Người tốt, có đạo đức.

châm nói trên, theo ngôn ngữ hiện nay, là: *hãy xem mọi hệ thống tư tưởng tôn giáo có cùng một nguồn gốc. Hệ thống tư tưởng tôn giáo trên quả địa cầu 68 này hiện nay phải nói là rất nhiều.* Trong bài viết này chúng tôi chỉ xin bàn luận về ba tôn giáo Nho, Lão và Phật cho phù hợp với tình hình ở Việt Nam và gọi tắt phương châm này là Qui Tam Giáo cho ngắn gọn.

Dễ dàng nhận ra là không những mọi tôn giáo có chung nguồn gốc mà quá trình tu học cũng có ba cấp giống nhau. Khởi đầu bằng những giới luật, kế tiếp, người tu học kiểm soát bản thân dựa vào các quy định này và cứu cánh là đạt được mục đích mà người xưa gọi là đắc đạo. Đạo Khổng khởi đầu bằng Tam Cang, Ngũ Thường, Đạo Lão thì Luyện Đan, Dưỡng Khí, còn Đạo Phật thì Ngũ Giới Cấm, Bát Chính Đạo. Đích đến của Đạo Khổng là đạt tới trạng thái Trung Dung, Đạo Lão là Vô Vi, Đạo Phật là Niết Bàn.

Vậy xin trở lại chủ đề chính: Trung Dung là gì?

NGUỒN GỐC

Bốn bộ kinh điển của đạo Khổng (Nho Giáo) mà người đời vẫn gọi là Tứ Thư gồm có Trung Dung (中庸 *Zhōng Yóng*), Đại học (大學 *Dà Xué*), Luận Ngữ (論語 *Lùn Yǔ*) và Mạnh Tử (孟子 *Mèng Zǐ*). Bộ Trung Dung được Tử Tư, tức là Khổng Cấp, soạn dựa vào một phần trong Kinh Lễ. Kinh Lễ là một quyển trong Ngũ Kinh¹ do Đức Khổng Tử soạn ra. Tứ Thư và Ngũ Kinh được xem là nền tảng của đạo Nho. Ngày trước ở Việt Nam và Trung Hoa, đi học là học những quyển sách này. Tử Tư là cháu nội của Đức Khổng Tử và là học trò của Tăng

¹ Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu.

Tử (*Tăng Sâm*). Đức Khổng Tử có nhiều học trò, nhưng Tăng Tử được xem là người truyền giảng đạo Nho sát theo tư tưởng của Khổng Tử nhất.

Tương truyền rằng chủ nghĩa chấp “*trung*”² đã có ở Trung Hoa từ trước thời của Đức Khổng Tử. Vua Nghiêu vua Thuấn³ đã dạy người kế vị xem trọng đường lối này. Đến thời Đức Khổng Tử thì ngài thêm chữ “*dung*” thành Trung Dung. Sau đó Trung Dung được diễn giảng thành một đạo lý sống mà một quân tử cần phải đạt được.

Sách Trung Dung chia làm hai phần:

- Phần 1 gồm những lời của Khổng Tử dạy các học trò về đạo trung dung.
- Phần 2 gồm những ý kiến của Tử Tư giải thích thêm hai chữ trung dung.

VỀ MẶT THỂ PHÁP

Đã từ lâu, nhiều bậc trí giả đã định nghĩa Trung Dung là giữ mức quân bình, không quá cao cũng không quá thấp, không quá nhiều cũng không quá ít trong mọi cư xử ở đời. Theo Tử Tư, người quân tử (*người tốt, có đạo đức*), phải sống theo “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*” và luôn luôn giữ ý nghĩ cũng như hành động ở mức trung bình, không thái quá, không bất cập.

Thế nhưng giữ mức quân bình của Đạo Khổng không phải đơn giản như chúng ta thường làm theo phép trung bình số học, nghĩa là nếu tính từ số 1 đến số 10 thì chọn số 5 là trung bình. Bởi vì như thế thì trong tình huống phải chọn một trong hai giải pháp, ta sẽ bị bế tắc. Thí dụ

² Xem trọng sự bình quân.

³ Hai vị vua sáng suốt biết lo cho người dân. Hai vị này được xem là gương mẫu trong lịch sử Trung Hoa.

như khi phải chọn giữa thiện và ác, ta không thể trung dung bằng cách chọn một ít thiện và một ít ác, hoặc không chọn bên nào cả.

Trên thực tế, phép xử thế trong đời sống vô cùng phức tạp, phải tùy theo từng hoàn cảnh một mà có cách trung dung. Nếu vận dụng kiểu chia hai rồi chọn ở giữa thì sẽ thành người ba phải chứ không phải là quân tử. Người sống theo triết lý trung dung chẳng những phải có thái độ bình quân mà còn phải tìm cho được biện pháp phù hợp mà mọi người xung quanh đều chấp nhận.

Khổng Tử coi trung dung là nền tảng của đạo đức. Cho nên, ngài có một số gợi ý: xun xoe nịnh bợ người khác là thái quá, coi thường người khác là bất cập, cộng tác trong yêu thương mới là hợp với trung dung. Thái độ ngạo mạn là thái quá, tự ti là bất cập, thành thực mới là hợp với trung dung. Cách xử sự thô bạo là thái quá, nhu nhược là bất cập, dũng cảm mới là hợp với trung dung. Chi tiêu xa hoa lãng phí là thái quá, hà tiện là bất cập, khẳng khái là hợp với trung dung. Tóm lại, phải vừa thích hợp với quy luật trung dung vừa tạo ra một sự hài hoà trong mọi người.

Ví dụ thế này, mình có hai người bạn thân cãi nhau. Một người nói rằng phải xử tử hình tội phạm giết người vì mạng phải đền mạng. Người kia thì cho rằng không nên xử tử, vì như thế cũng không làm cho người chết sống lại mà trái lại còn thiệt thêm một sinh mạng. Bây giờ mình muốn dàn hoà hai người mà không mất người bạn nào thì phải làm sao để hợp với đạo trung dung? Mình không thể đồng ý một phần với người bạn này, rồi lại gật gù vài chỗ với người bạn kia. Như vậy là ba phải. Trong trường hợp này, ta có thể đề nghị với hai bạn là

nên xử giam kẻ phạm tội trọn đời. Giải pháp này được xem là theo qui luật trung dung vì có thể giúp hai người bạn tạm đồng ý và chấm dứt xung đột.

Nhưng xin nêu một ví dụ thứ hai tương đối khó giải quyết hơn. Tôi làm kế toán cho một công ty, chủ của tôi muốn tôi làm sai lệch một số giấy tờ để trốn thuế. Vậy tôi phải làm sao để hợp với đạo trung dung? Nếu làm theo lời chủ, thì trước hết là lương tâm không cho phép, thứ đến sau này bị phát hiện ra thì sẽ gặp rắc rối với pháp luật. Nhưng nếu không làm đúng theo lời chủ, thì tôi sẽ bị đuổi việc ngay. Mất việc rồi chưa chắc tôi kiếm được việc khác, gia đình tôi sẽ lâm vào cảnh khốn cùng. Rõ ràng trong hoàn cảnh này tôi khó có thể nghĩ ra một giải pháp trung dung được, mà phải chọn giữa làm theo hoặc từ chối.

Trong thời hạ ngưng, những hoàn cảnh như thế này là rất phổ biến, khiến cho ai muốn giữ đạo Trung Dung sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Chính vì thế có người cho rằng trung dung không thể giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống của họ. Có khi cũng giải quyết được vấn đề nhưng cũng có khi làm cho họ biến thành những người ba phải tệ hại, hoặc người lù đù không có lập trường cụ thể. May mắn thay, Đạo Cao Đài đã trao tặng một chìa khoá để mở chỗ bí này. Theo Đạo Cao Đài, mọi hệ tư tưởng đều có hai mặt: Thể Pháp và Bí Pháp. Bàn luận như trên là chỉ mới đi vào mặt thể pháp của Đạo Khổng. Thể pháp vẫn còn va đụng những giới hạn, những nghịch lý khó hiểu, những tình huống bế tắc. Nhưng thể pháp là điểm khởi đầu cần thiết để đi vào bí pháp, nơi đó không còn giới hạn, nghịch lý hay bế tắc nào nữa.

Vậy thì trung dung khi được xem là cứu cánh dưới

lăng kính bí pháp có ý nghĩa gì?

VỀ MẶT BÍ PHÁP

Trước khi đi vào phần này, chúng tôi xin phép trình bày trước rằng nếu có điều chi khó hiểu, thậm chí là vô lý, thì xin quý đọc giả thương tình bỏ qua cho. Đó là vì cách dùng từ ngữ của chúng tôi còn kém cỏi, không đủ sức nói cho rõ vấn đề. Thêm vào đó, dùng ngôn ngữ, vốn là công cụ của thế giới hữu hình, để bàn về điều nằm ngoài thế giới hữu hình thì cũng giống như kể chuyện cổ tích vậy. Câu nguyện sao cho điều chúng tôi bàn ở đây làm sáng tỏ được chút ít là quý lắm rồi.

Xin bắt đầu bằng điều này. Từ Trung Dung xuất hiện lần đầu trong sách Luận Ngữ¹ của Đức Khổng Tử. “*Trung Dung là đức hạnh cao nhất của người quân tử. Từ lâu hiếm thấy người đạt được.*”

Rõ ràng, như đã bàn trong phần về mặt thể pháp, đây không phải là chuyện dễ thực hiện. Chính Đức Khổng Tử khẳng định là **cao nhất** và **hiếm người đạt được**. Do đó, nội chuyện hiểu và làm cho đúng theo cũng đã là khó khăn rồi, nói gì đến “*giữ đạo Trung Dung trong bất cứ hoàn cảnh nào*” theo lời dạy của Đức Thánh Khổng!

Nhưng Cao Đài dạy rằng hãy qui tam giáo nếu muốn hiểu sâu hơn. Vậy thì chúng ta hãy quay sang Đạo Lão và Đạo Phật thử xem sao. Đạo Lão dạy “*vô vi*”², Đạo Phật dạy “*sắc tức thị không*”³. Kính thưa quý đọc giả, tất cả đều cực kỳ khó hiểu và khó thực hiện như nhau, thậm chí bất khả thi.

¹ Quyển VI, dòng 29 Bản dịch tiếng Anh của Burton Watson

² Không làm.

³ Có là không.

Nếu xem cả ba đạo đều có cùng nguồn gốc thì ta thử xét xem có điểm chung nào không? Có thể có rất nhiều ý tưởng để giải quyết chỗ này, nhưng người viết thấy rằng có thể dựa vào triết học để nói rõ thêm. **Trung dung** là không nghiêng về bên này cũng không nghiêng về bên kia. Dĩ nhiên phải có ít nhất là hai bên thì mới nói nghiêng hay không nghiêng.. được. **Vô vi** – đầy đủ câu là *Vô vi nhi vô bất vi, không làm mà không có điều gì là không làm. Cũng là hai thái độ, làm và không làm. Sắc tức thị không, không tức thị sắc, có là không, không là có.* Lại lặp lại **hai mặt** đối nhau: có và không. Xin chú ý tới con số “2” này.

Tới chỗ này ta có thể thấy điểm chung là cả ba hệ triết tôn giáo đều tập trung vào triết lý nhị nguyên (*hai mặt*). Thuyết nhị nguyên hay nhị nguyên luận cho rằng mọi hiện tượng trong vũ trụ đều được sinh ra và bị tác động trong khi chuyển dịch bởi hai cực đối lập như âm và dương, nam và nữ, thiện và ác, v.v... Thật ra còn nhiều luận thuyết khác nữa trong triết học như nhất nguyên, đa nguyên, v.v..., nhưng nhị nguyên luận là phổ biến nhất. Trong Cao Đài mọi luận thuyết về triết lý và tôn giáo của loài người đều được nghiên cứu nhưng nhị nguyên cũng nổi bật qua Thánh ngôn nổi tiếng “*Thầy là các con, các con là Thầy*”.

Chúng ta, người bình thường, gần như 100% suy nghĩ bị chi phối bởi hệ nhị nguyên. Khi chúng ta muốn mua một cái TV mới trong siêu thị, lập tức chúng ta nghĩ tới đẹp hay xấu; mắc hay rẻ, v.v... rồi chọn mua dựa vào hai mặt này. Hàng giây hàng phút trong ngày, ta quần quanh chọn lựa giữa hai cực trái ngược: cho và nhận, lời và lỗ, thương và ghét, v.v... Tóm lại, suy nghĩ của ta

luôn xuất phát từ hai cực đối lập, hay văn vẻ hơn, trí óc ta không vượt qua khỏi nhị nguyên luận khi đưa ra bất kỳ một nhận xét nào. Hầu như cả cuộc đời ta, mà người xưa ví như là biển khổ, bắt nguồn từ những suy nghĩ đậm màu nhị nguyên luận. Vì vậy các bậc tiền bối ngày xưa nhằm vào cái nguyên nhân này để tìm cách giải khổ. Các vị giáo chủ đã thành công và di sản quý báu của họ chính là đạo lý “*trung dung, vô vi nhi vô bất vi, sắc tức thị không không tức thị sắc*” đó vậy.

Chúng ta đã thấy trung dung bị hạn chế trong những tình huống ở thế gian như thế nào rồi. Còn “*không làm*” lại được ghép thêm “*không điều gì là không làm*”. “*Có là không*” còn cộng thêm “*không là có*”. Mới đọc qua tưởng chừng như vô lý. Trong thế giới ta đang sống, nguyên tắc trung dung còn có khi thực hiện được, nhưng “*vô vi*” và “*có là không*” thì hoàn toàn không thể. Vậy tại sao những bậc giáo chủ lại phát biểu như thế?

Các vị tiền bối đã đặc đạo không hề để lại lời dạy cho vui hay để gây khó khăn cho thế hệ đi sau. Theo Cao Đài, những lời dạy đó chính là cách thức để mở bộ não phàm trần, nhìn thẳng vào Tam Thập Lục Thiên¹ đó vậy. Giống như đôi mắt của ta chỉ nhìn thấy được ánh sáng có bước sóng nằm trong phạm vi 380 – 760 nm. Suy ra, nếu mắt nhìn được thêm qua những bước sóng khác, thế giới sẽ khác đi so với điều ta nhìn thấy hiện nay nhiều lắm. Tương tự thế, suy nghĩ của chúng ta sẽ thay đổi nhiều nếu ta “*nhìn thấy qua*” những hệ tư tưởng khác hơn nhị nguyên. Lúc đó thế giới tự bộc lộ không những về mặt vật chất mà còn mặt siêu hình. Theo thuật ngữ Cao Đài thì đó chính là lúc ta nhìn thấy Tam Thiên

¹ 9 36 tầng trời, thuộc về cõi thiêng liêng hàng sống.

Thế Giới, Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu Và Tam Thập Lục Thiên².

Trung dung, vô vi và sắc tức thị không là nhân nhủ của các giáo chủ với nhân loại rằng các người hãy nhắm vào đây để trí óc bùng sáng. Khi đó và chỉ có khi đó mọi vấn đề của nhân loại ở thế gian sẽ không còn nữa bởi vì con người đã đạt trạng thái đặc đạo hay trung dung tuyệt đối.

Xin mượn một câu chuyện trong Thánh Kinh Đạo Thiên Chúa để minh chứng cách vượt qua nhị nguyên của Chúa Jesus:

“Bấy giờ, các thầy thông giáo và người Pharisee dẫn lại cho chúa Jesus một người đàn bà đã bị bắt đang khi phạm tội tà dâm; họ nói cùng Chúa rằng: Thưa Thầy, luật Moses dạy rằng chúng ta phải ném đá những hạng người như vậy. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao? Chúa Jesus phán rằng: Ai trong các người là người vô tội, hãy ném đá trước. Sau khi nghe lời này, mọi người lần lượt bỏ đi.” (Kinh Tân Ước – Jean).

Phải xét bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ thì mới thấy hết ý nghĩa của câu truyện nói trên. Thời nào cũng vậy, khi có một đấng cao trọng giáng thế thì loài người luôn luôn gây ra đủ thứ thử thách khó khăn. Chuyện xưa vẫn kể rằng Phật Thích Ca bị các giáo sĩ Bà La Môn vạ vạ bắt bẻ không biết bao nhiêu lần. Chúa Jesus cũng vậy. Cụ thể là người Pharisee. Đây là một hệ phái của người Do Thái xưa chủ trương thực hành theo sát từng câu chữ trong cổ luật, cụ thể là luật Moses (*Xin đọc Cựu Ước*). Nên biết rằng lúc bấy giờ số người tin tưởng Chúa

² 3,000 thế giới, 72 địa cầu, 4 châu lớn, 36 tầng trời. Xin lưu ý những con số này là biểu tượng, có thể hoặc không đếm như số học được.

Jesus rất đông và mọi người đều xưng tụng Chúa Jesus là đấng Christ giáng sanh. Thế nên người Pharisee lợi dụng câu truyện của người phụ nữ kia để tìm cách bắt bí Chúa Jesus. Nếu Chúa Jesus đồng ý để họ ném đá người phụ nữ đến chết, thì Chúa cũng chỉ là người bình thường như họ, không phải là đấng Christ. Nếu ngược lại thì Chúa chống lại luật Moses, nghĩa là chống lại Đức Chúa Trời về mặt Đạo; về mặt Đời là chống lại dân tộc Do Thái. Họ đã tính trước là Chúa trả lời đằng nào họ cũng có thể qui tội Chúa phạm luật.

Câu trả lời của Chúa Jesus vừa cứu được người phụ nữ đáng thương kia vừa làm cho người Pharisee thất bại thảm hại trong âm mưu hãm hại Chúa. Cũng giống như câu truyện kể ở phần trên, câu trả lời của Chúa không phải chỉ đơn giản là một cách đối phó khéo léo; đó chính là một bài học về đạo pháp rất quý giá mà Chúa Jesus muốn để lại cho loài người.

Lời Chúa phán khi ấy xuất phát từ trạng thái vượt ra ngoài nhị nguyên, do đó đã thoát ra khỏi hai trạng thái phủ nhận và chấp nhận luật Moses. Lời Chúa đã ra ngoài quỹ đạo của những hành vi tầm thường thế tục, nằm ngoài suy luận thông thường của loài người, khiến cho người Pharisee vui vẻ, tự nguyện ngưng trừng phạt người phụ nữ mà cũng bỏ qua không bắt tội Chúa Jesus. Đây là một ví dụ nữa của trung dung, vô vi hay sắc tức thị không. Có điều người bình thường chúng ta không thể nào nghĩ ra cách trả lời đó ngay. Chúng ta có thể mất nhiều giờ, nhiều ngày thậm chí cả đời ngồi suy nghĩ mà chưa chắc có được câu trả lời như vậy. Chúa thì có ngay vì Ngài sáng suốt tốt bụng hay nói kiểu phương Đông là đã “*đắc đạo*”.

TRUNG DUNG TRONG CAO ĐÀI

Vậy thì trung dung có vị trí nào trong đạo Cao Đài?
Và người tín đồ làm gì để đạt đạo trung dung?

Đầu tiên, hầu hết các nghi lễ đều là của Đạo Nho. Phẩm vị đầu tiên chuẩn bị bước vào hàng chức sắc là Lễ Sanh, tức là người học lễ nghĩa. Mà chúng ta đã biết là Nho Giáo rất xem trọng lễ.

Thứ đến, các đấng dạy rằng nguyên tắc “*Nho Tông chuyển thế*”¹ được nâng lên hàng đầu trong kỳ ba này. Quả thực là xã hội hiện nay rất cần những đức tính nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, v.v... của Đạo Nho vì, rõ ràng là, con người đã xem nhẹ những đức hạnh làm người. Thậm chí người ta còn lập ra những luận thuyết cổ vũ sự dối trá và lường gạt! Chính những đức hạnh Nho Giáo này, chứ không điều gì khác nữa, mới tạo ra một xã hội văn minh đúng nghĩa. Xã hội như vậy mới cứu loài người khỏi tự huỷ diệt và nói theo Cao Đài là bước vào thời Thượng Ngươn Thánh Đức.

Kế tiếp, về mặt thể pháp, Cao Đài dung nạp mọi hệ tư tưởng của loài người, cho nên đây là môi trường để các tín đồ tập tành suy nghĩ, tìm ra các giải pháp trung dung hoà hợp với nhau. Từ khi mở đạo đến nay tính hoà hợp của các tín đồ, chức sắc còn thấp, nên các vụ tranh luận rồi xích mích dẫn tới tách ra lập chi phái còn nhiều. Trong lịch sử đạo, Bát Đạo Nghị Định đã đánh dấu một thời kỳ đen tối, tan nát vì chia rẽ của tập thể Cao Đài. Nhưng rồi người ta càng hiểu đạo thì sự chia phe phân phái sẽ càng ít đi. Vài trăm năm nữa, có lẽ chẳng còn ai muốn lập chi phái làm gì nữa. Đạt đạo trung dung về mặt thể pháp trong Cao Đài là trở thành một “*người*

¹ Dùng Nho Giáo để làm cho đời tốt đẹp.

của mọi người”, người mà ai cũng thương mến và tôn trọng cho dù là ở phẩm trật chức sắc nào. Chức sắc như vậy mới có thể “*cứu độ vạn linh*” được.

Sau cùng về mặt bí pháp, trung dung cũng là một giải pháp cho những tín đồ nào chọn con đường thứ ba của đại đạo: đó là tu chơn hay tịnh luyện. Nhưng đây lại là một vấn đề lớn khác, cần một bài khảo luận riêng, chúng tôi xin hẹn dịp khác vậy.

Từ Chơn

Sài gòn, Sep 1st 2020

tuuchoon@gmail.com

<https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/Home>

6. KHÁI NIỆM ĐẮC ĐẠO TRONG CAO ĐÀI GIÁO

☞ *Từ Chơn*

NHẬP

Thông thường, con người khi thực hiện điều gì thường nhắm vào một mục đích. Anh nông dân gieo hạt là mong có cái ăn cái mặc cho gia đình, nhà khoa học nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên để phát minh công cụ máy móc phục vụ đời sống, thậm chí người đạo sĩ, từ bỏ mọi của cải ở thế gian cũng vì mong đạt đến kết quả cuối cùng của cuộc sống tu tập. Vậy cho nên, nếu là tín đồ Cao Đài, chúng ta cũng nên tìm hiểu xem, khi thành công trong hoạt động tu học, tức là “*đắc đạo*”, thì kết quả đó thực sự là gì.

Nói riêng về phương diện tôn giáo, ở Việt Nam người ta dùng rất nhiều từ ngữ để chỉ trạng thái đạt tới cứu cánh này. Ta có thể kể ra một số: thành (*Tiên, Thánh... Phật*), đạt Phật vị, thành chính quả, chứng quả vị, đắc đạo, đắc pháp, ngộ, chứng ngộ, ẩn khả chứng minh, ẩn khả, ẩn chứng, đạt Niết Bàn, nhập Niết Bàn, liễu ngộ đạo, liễu ngộ¹... Có lẽ danh sách này còn dài nữa và chắc chắn trong tương lai sẽ còn có thêm những danh từ mới tùy theo tiến hoá của văn hoá Việt Nam. Trong bài viết này xin dùng chữ đắc đạo, một là cho ngắn gọn, hai là vì từ ngữ này được dùng rất nhiều trong đạo Cao Đài, để chỉ sự thành công trong quá trình khép mình thực hành những qui định của một tôn giáo.

Vậy thì đắc đạo (*đạt kết quả tốt sau khi tu tập*) trong Cao Đài là gì?

¹ Bây giờ có khi người ta dùng từ liễu đạo để nói một thầy tu qua đời.

NHỮNG PHÁP MÔN

Trước hết, hãy xét sơ qua một quá trình tu học của một người bình thường. Trước hết, người tu học gia nhập một đoàn thể tôn giáo, rồi chọn một pháp môn (*cách tu tập*), học và thực hành các qui định và cuối cùng là thành công (*đắc đạo*) nếu may mắn làm đúng mọi thứ.

Vậy thì cách tu tập là quan trọng. Cũng chính cách tu tập sẽ quyết định khi thành công sẽ gọi bằng danh hiệu gì trong những danh từ đã nêu trên. Thí dụ bạn chọn cách tu tập theo Thiên Tông¹ thì khi thành công bạn sẽ được Thiên Sư² “*ấn khả chứng minh*” tức là công nhận bạn thành công (*đắc đạo*). Vậy là bạn đã trở thành một vị Phật (*người hiểu biết*). Bạn khép mình theo những qui luật của Thiên Chúa Giáo thì bạn sẽ được Hội Thánh Rome phong chân phước và tuyên thánh (*công nhận bạn là một vị Thánh*) khi bạn thành công v.v... Lưu ý rằng mỗi cộng đồng tôn giáo sẽ tìm một danh từ khác biệt đính kèm những giải thích phức tạp (*không loại trừ kèm theo những phép màu rất thần bí!!*) để gọi sự thành công này.

Tương tự, trong Cao Đài Giáo người tu học cũng phải chọn cách tu tập để thực hành cho đến khi đắc đạo. Tổng hợp từ Thánh ngôn³ của đạo Cao Đài và những bài nói đạo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc⁴ thì Cao Đài Giáo khuyến khích ba pháp môn (*cách tu tập*) chính: lập công, lập đức và tu chơn⁵. Thực sự ra thì còn nhiều cách

¹ Một nhánh của đạo Phật, chủ trương suy nghĩ để hiểu rõ sự thật ở thế gian.

² Thầy dạy đạo của Thiên Tông, Phật Giáo.

³ Những bài giảng đạo đức của các Đấng Thiêng Liêng, thường là do cấu cơ.

⁴ Lãnh đạo Hiệp Thiên Đài và về sau điều hành cả Cửu Trùng Đài, tức là toàn Hội Thánh Cao Đài.

⁵ Còn gọi là tịnh luyện, nhập tịnh, vào tịnh thất. Lưu ý đây không phải là Thiền như một số tác giả vẫn gọi. Thiền là cách tu tập của Phật Giáo. Có người không nghiên cứu kỹ còn gán ghép là Thiền Cao Đài! Xin đọc thêm

nữa, nhưng đây là ba cách tiêu biểu của Cao Đài Giáo. Hiện nay cũng có người cho rằng tu chơn là cách “*cao cấp*” nhất. Xin cẩn thận, qua nghiên cứu, không thấy tài liệu chính thức nào nói cách nào cao cấp hơn cách nào. Chỉ có Tân Luật Pháp Chánh Truyền chia tín đồ Cao Đài ra hai loại: Hạ Thừa (*ăn chay tháng 6 ngày trở lên*) và Thượng Thừa (*ăn chay trường*), nhưng đây không phải nói về pháp môn. Thiển nghĩ, do điều kiện thực tế, có lẽ người tu học nên chọn cách phù hợp với hoàn cảnh, trình độ hiểu biết, trình độ tâm linh riêng của mình bởi nếu không phù hợp thì dễ cũng thành khó, lúc đó “*sơ cấp*” hay “*cao cấp*” gì đi nữa cũng khó đạt được mục tiêu.

- **Cách thứ nhất: *Lập Công*.** Tức là trở thành một tu sĩ Cao Đài thực sự bằng cách tham gia tổ chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài⁶. Người tu sẽ bắt đầu bằng những chức vụ thấp nhất, gọi là chức việc (Thông Sự, Phó Trị Sự, Chánh Trị Sự) lên cấp cao hơn gọi là chức sắc (Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Đầu Sư, Chương Pháp cho đến cao nhất là Giáo Tông).
- **Cách thứ hai: *Lập Đức*.** Người tu học sẽ tham gia tổ chức Hội Thánh Phước Thiện, chủ yếu làm công tác từ thiện và cũng thăng tiến trên một thang bậc gồm 12 cấp (Minh Đức, Tân Dân, Thỉnh Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiên Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử cho đến cao nhất là Phật Tử).
- **Và cách thứ ba là:** người ta có thể vào Tịnh Thất

ở đây: <https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/thin-va-tinh-luyn>
⁶ Ngoài ra còn nhiều tổ chức Cao Đài khác, nhưng thường thì cần có chút kỹ năng chuyên môn, thí dụ Ban Đồng Nhi, Ban Đạo Sĩ, Y Viện v.v.v...Chỉ có Cửu Trùng Đài là bất cứ ai cũng có thể tham gia.

(Nhà Tịnh) để tu chơn nếu có đủ điều kiện¹ theo Hội Thánh qui định.

ĐẮC ĐẠO

Đối phẩm	Chức danh Cửu Trùng Đài	Chức danh Hiệp Thiên Đài	Chức danh Phước Thiện
Thiên Tiên	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử
Nhơn Tiên	Chưởng Pháp	Thượng Phẩm Thượng Sanh	
Địa Tiên	Đầu Sư	Thập Nhị Thời Quân	Tiên Tử
Thiên Thánh	Phối Sư	Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Chưởng Ấn	Thánh Nhơn Hiển Nhơn
Nhơn Thánh	Giáo Sư	Chơn Nhơn Đạo Nhơn	Chơn Nhơn Đạo Nhơn
Địa Thánh	Giáo Hữu	Cải Trạng Giám Đạo	Chí Thiện
Thiên Thần	Lễ Sanh	Thừa Sử Truyền Trạng	Giáo Thiện
Nhơn Thần	Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	Sĩ Tải	Hành Thiện Thính Thiện
Địa Thần	Đạo Hữu	Luật Sự	Tân Dân Minh Đức

Cả ba con đường đều dẫn người tu học đến cứu cánh giải thoát, nghĩa là đắc đạo. Nhưng trước hết, mời quý độc giả xem bảng đối phẩm trên đây². Xét qua đó thì việc lập công và lập đức đưa người tu tập đến những kết quả theo một thang bậc rất chi tiết. Chẳng hạn như, nếu người tu học lên đến hàng Phối Sư rồi qua đời, thì được kể đối phẩm với Thiên Thánh trên cõi Thiêng Liêng

¹ Thường là một trong Tam Lập (*Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn*).

² Trích Bước Đầu Học Đạo (*Hiển Tài Nguyễn Văn Hồng tức Đức Nguyên*). Bảng này căn cứ vào Tân Luật Pháp Chánh Truyền của Cao Đài Giáo.

Hằng Sống³ và đám tang được tổ chức theo nghi lễ dành cho bậc Thánh v.v...

Do bảng đối phẩm này mà không ít người nghĩ rằng hễ lên tới Lễ Sanh là trở thành Thiên Thần, lên tới Phối Sư là Thiên Thánh v.v... Nhưng có một vấn đề nhỏ là: hãy xét kỹ từ “*đối phẩm*”. Tại sao không nói Đầu Sư “*là*” Địa Tiên, mà lại nói Đầu Sư “*đối phẩm*” Địa Tiên? Đối phẩm chỉ một sự so sánh tương đương, nghĩa là Đầu Sư chỉ tương đương với Địa Tiên trên cõi Trời mà thôi. Chưa thấy Thánh Ngôn Cao Đài giải thích vì sao lại chỉ có “*đối phẩm*”, nhưng có thể dùng luận lý để tạm hiểu ý này.

Ở thế gian, chúng ta thấy rằng, quân đội của hai nước bất kỳ đều có cấp bậc na ná nhau, thí dụ như ở Việt Nam có Đại Úy thì ở Mỹ cũng có cấp Đại Úy tương đương. Nhưng một ông Đại Úy của nước này không thể chuyển sang làm việc và mang cùng cấp bậc trong quân đội của nước kia được do nhiều khác biệt rất dễ thấy. Do đó một vị Lễ Sanh, chẳng hạn, khi về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống sẽ không tự động trở thành Thiên Thần được mà còn phải trải qua nhiều biến đổi mà Đức Hộ Pháp đã kể rõ trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống⁴.

Thêm vào đó, còn một yếu tố nữa, đó là để ngăn ngừa những trò lường gạt mà con người, vốn ngày càng mưu mô hơn thời Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, có thể bày ra. Thí dụ như dụ dỗ người ta “*mua*” các tờ giấy chứng nhận là chức sắc Cao Đài vì đó là Thần, Thánh, Tiên, Phật, v.v...⁵. Nên nhớ rằng, ở trần gian, nếu mua được,

³ Người ta thường gọi là cõi Trời, cõi Phật, Thiên Đàng, Bồng Lai, Tiên Cảnh v.v...

⁴ Những bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Hộ Pháp. (*Ban Túc Ký Tòa Thánh Tây Ninh*)

⁵ Sẽ có người nói rằng, làm gì có chuyện đó. Thưa quý đọc giả, con người có thể làm bất cứ điều gì miễn là có lợi cho họ. Cũng chính vì lý do này mà

bạn chỉ có thể “mua” một “đổi phẩm” mà thôi. Mua một phẩm vị Lễ Sanh rồi hy vọng về cõi Trời mình được làm Thiên Thần thì cũng giống như mua chiếc xe Mercedes bằng giấy, đốt lên và nghĩ rằng người chết ở cõi âm có thể lái xe này được vậy!

Về phần tu chơn thì chỉ thấy Tân Luật đề cập đến việc vào Nhà Tịnh, chưa thấy hướng dẫn nào cụ thể hơn những đoạn Thánh Ngôn trích dẫn ở cuối bài viết này. Có lẽ phải cần vài trăm năm nữa¹ thì phần Tịnh Luyện (*tu chơn*) của Cao Đài Giáo mới định hình cụ thể. Tuy nhiên hiện giờ có thể tạm rút ra kết luận như sau. Nếu tịnh luyện thành công, người tu học có thể xuất chơn thân² ra và “*vân du thiên ngoại*”³, thậm chí đến gặp Đức Chí Tôn Thượng Đế. Khi tịnh luyện thành công thì không có danh hiệu gì ở thế gian, mà người tu tập sẽ tự biết danh hiệu của mình trong khi xuất chơn thân.

AI CÔNG NHẬN BẠN ĐẮC ĐẠO

Sẽ có người đặt câu hỏi này: Ai công nhận mình đắc đạo? Xét theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn và lịch sử Cao Đài thì việc xác nhận một tín đồ Cao Đài đắc đạo sẽ theo những trình tự như sau.

- Một, nếu người tu học chọn cách lập công hay lập đức, thì sẽ được Hội Thánh Cao Đài công nhận là Lễ

Tân Luật Cao Đài luôn nhấn mạnh, Hội Thánh chỉ có quyền về phần xác (*ở thế gian*), không có quyền về phần hồn (*ở cõi thiên liêng hằng sống*).

¹ Đạo Cao Đài được tiên tri là kéo dài đến thất ức niên (700,000 năm). Đến nay (2020) vẫn chưa được 100 năm và Hội Thánh cũng chưa phát triển đầy đủ. Thế pháp (*lễ nghi tế tự*) tương đối đầy đủ nhưng bí pháp (*tu chơn*) chỉ mới ở giai đoạn sơ đẳng. Đức Hộ Pháp nói rằng đạo có cả thế pháp và bí pháp, vậy nên nhân loại còn phải chờ thêm vài trăm năm nữa.

² Còn gọi là đệ nhị xác thân. Là phần tạo ra các suy nghĩ của một con người.

³ Di chuyển trong vũ trụ.

Sanh, Giáo Hữu, v.v... thông qua thủ tục cầu phong (chức việc) hay cầu thăng (chức sắc). Nói tóm lại, tín đồ Cao Đài sẽ được công nhận đạt phẩm vị theo qui trình nêu ra trong Tân Luật Pháp Chánh Truyền. Nhưng như đã trình bày ở trên, phẩm vị đó chỉ là “*đối phẩm*” với phẩm vị trên cõi Trời thôi.

- Hai, nếu người tu học chọn cách tịnh luyện, vị Tịnh Chủ (có thể hoặc không) biết là có xuất chơn thần hay không, nhưng phẩm vị thì chỉ có bản thân người xuất chơn thần mới được biết rõ.
- Ba, tuy nhiên, khi còn liên lạc với các Đấng Thiêng Liêng bằng cầu cơ chấp bút⁴, có khi chúng ta được biết có những vị được công nhận đặc đạo trên cõi Trời không theo bảng đối phẩm kể trên. Thí dụ như Đức Huệ Mạng Kim Tiên⁵, Phối Thánh Phạm Văn Màng⁶, Phối Thánh Bùi Ái Thoại⁷, Thánh Châu Phi⁸. Và qua những vị đặc đạo này, chúng ta càng hiểu rõ từ “*đối phẩm*” hơn. Rõ ràng, phẩm vị thật sự trên cõi Trời không riêng dành cho một tôn giáo nào (Đức Huệ Mạng Kim Tiên theo Phật Giáo), cũng không dính dáng gì đến cấp bậc tôn giáo ở thế gian (các vị Phối Thánh lúc sinh thời có chức vụ rất thấp trong đạo Cao Đài và theo bảng đối phẩm thì không tương

⁴ Từ năm 1975 về sau, nhà nước Cộng Sản đã cấm đạo Cao Đài không cho cầu cơ nữa.

⁵ Hay Huệ Mạng Trường Phan, pháp danh Tánh Thiên, tục gọi là Ông Đạo Nhỏ. Lúc còn sống ở thế gian tu theo đạo Phật tại núi Bà Đen, Tây Ninh.

⁶ Lúc còn sống ở thế gian là Phó Trị Sự, sau là Cai Sở trong đạo Cao Đài. Phối = ngang với. Phối Thánh = ngang với bậc Thánh.

⁷ Tên thật là Bùi Văn Dậu. Lúc còn ở thế gian là Tá Lý (*tương đương Chánh Trị Sự*) sở Đắp Vẽ trong đạo Cao Đài.

⁸ Tên thật là Đỗ Quang Hiến. Lúc còn ở thế gian là chức sắc Hiệp Thiên Đài, phẩm Sĩ Tài, của đạo Cao Đài.

đương với Thánh Vị).

Thêm một bằng chứng nữa là, trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống¹ và nhiều bài nói đạo khác, Đức Hộ Pháp kể chuyện² có Ông Vương Quan Kỳ³, Giáo Sư đạo Cao Đài, dễ dàng đi qua cầu bắc ngang Bích Hải⁴. Lúc sinh thời ông không làm đạo đúng theo tinh thần Cao Đài, cho nên áo mào Giáo Sư không mặc mà chỉ vắt ngang vai thôi. Tuy vậy, ông vẫn không rơi xuống dưới cầu vì ở thế gian ông vẫn vững tin Đức Chí Tôn và vẫn hành đạo, dù làm theo ý riêng của mình.

Do đó, xét cho cùng thì những phẩm vị mà Hội Thánh⁵ phong cho mình ở thế gian chỉ có mục đích làm tiêu chí để khuyến khích trong quá trình tu học thôi. Phẩm vị ở cõi Trời sẽ được xác định tùy theo đời sống đạo đức của từng cá nhân lúc còn ở thế gian. Nhưng ai đưa ra xác định này trên cõi Trời?

Đức Hộ Pháp khẳng định: người quyết định phẩm vị cho “ta” trên cõi Trời là “chính ta”⁶. Có lẽ đến đây, nhiều người có thể nghĩ rằng “đắc đạo” trong Cao Đài dễ quá vì mình được tự phong chức cho mình! Không phải thế đâu! Đây mới chính là quyết định đúng tuyệt đối trong vũ trụ. Trên thế gian này nếu có ai đó khen thưởng hay chỉ trích mình, thì chưa chắc những phán xét đó đúng

¹ Bài 23 – Thuyết đạo tại Đền Thánh, đêm 26 tháng 01 năm Kỷ Sửu (23-02-1949)

² Bài 3 – Thuyết đạo tại Đền Thánh, đêm 08 tháng 9 năm Mậu Tý (10-10-1948)

³ Là chú ruột cô Vương Thị Lễ, kiếp tái sanh ở Việt Nam của Thất Nương Diêu Trì Cung.

⁴ Cây cầu này theo truyền thuyết là cầu Nại Hà. Tương truyền hồn người chết phải đi qua cầu này để về cõi Trời. Ai có tội ở thế gian sẽ rơi xuống và bị ác thú phân thây. Nay theo lời kể của Đức Hộ Pháp, thì người rơi xuống bị biến dạng rất kỳ cục.

⁵ Một tổ chức gồm các tu sĩ cao cấp của Cao Đài.

⁶ Bài 23 – Thuyết đạo tại Đền Thánh, đêm 26 tháng 01 năm Kỷ Sửu (23-02-1949)

hoàn toàn. Thí dụ như một ai đó nói là tôi giỏi, thì làm sao tôi biết vị đó nói đúng hay chỉ để lấy lòng thôi? Nếu một nhóm người nào đó phong Thánh cho tôi, thì làm sao bảo đảm được là họ 100% đồng ý với nhau về điều đó? Phán xét của họ có được những người khác chấp nhận hay không? Cái quan trọng là bản thân tôi chưa chắc đã đồng ý với phán xét đó, thí dụ như tôi muốn thành Phật mà Hội Thánh cho là tôi chỉ đối phẩm... với Thánh thôi, hay là, sao bạn tôi tu ít hơn tôi mà lại có phẩm vị cao hơn tôi v.v...

Trái lại, khi chính ta định phẩm vị cho ta trên cõi Trời thì sự việc khác hẳn. Mọi sự bắt nguồn từ chỗ này đây: “*ta*” ở thế gian khác với “*ta*” trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống (*cõi Trời*). Theo triết lý Cao Đài, ở thế gian “*ta*” gồm có ba phần: Tinh (*thể xác vật lý*), Khí (*tinh thần và những suy nghĩ luận lý*) và Thần (*lương tâm*). Ba phần này phối hợp với nhau trong một thể thống nhất và khó mà tách rời chúng ra. Nếu thiếu bất cứ một phần nào thì sẽ không có “*ta*” trên thế gian. Thông thường, ở thế gian, Tinh và Khí luôn áp đảo phần lương tâm.

Cơ thể (*Tinh*) phải ăn phải mặc, chịu ảnh hưởng của thời tiết, bị đủ thứ bệnh tật, nên có khi ta phải giành giật với đồng loại để bảo vệ sự sống. Trí não (*Khí*) phải tìm kế sách nuôi sống bản thân và nơi nào thiếu thốn nghèo khổ thì lại càng phải nghĩ ra nhiều mưu mô để đoạt lấy miếng cơm manh áo. Lương tâm (*Thần*) luôn luôn hiện diện trong tâm tưởng mỗi người, nhắc nhở phải sống phù hợp với các nguyên tắc đạo đức. Mặc cho lương tâm nhắc nhở, thường thì “*ta*” vẫn không nghe. Thậm chí có khi còn lý luận chống đỡ ngộ nghĩnh như thế này: bây giờ vì miếng ăn, mình tạm thời giành giật với đồng

loại để sống. Khi nào mình khá giả sẽ dùng nhiều tiền làm từ thiện, đúc chuông lớn cúng vào chùa hay tìm đến nơi Đức Phật ngày xưa đắc đạo quì lạy, sờ tay vào tảng đá Phật đã ngồi là bù đắp được hết!!! Cho đến nay, chưa thấy vị Giáo Chủ nào nói những việc đó bù đắp được tội lỗi của mình. Vậy dầu cho giữ được lời hứa thì những hành động đó chỉ là phô trương cho người khác thấy chứ không có thực chất gì đối với Thiên Liêng.

Ở thế gian “*ta*” có đủ cả Tinh, Khí, Thần, nhưng sau khi chết, chỉ còn phần Khí và Thần của con người là về được cõi Trời, Tinh (*xác thân*) lúc đó phải ở lại trần gian, hư hoại và biến thành vật chất khác. Lúc này Khí sẽ không bị áp lực của xác thân nữa nên dễ nghe theo lương tâm hơn. Lương tâm chính là phần mà Đức Chí Tôn Thượng Đế trích ra từ chính thân mình Ngài và ban cho mỗi người chúng ta khi xuống thế gian để trả nợ hay để lập công. Bây giờ câu “*Thầy là các con, các con là Thầy*” càng rõ nghĩa hơn bao giờ hết. “*Ta*” trên cõi Trời gồm phần trí não của mình và một phần của Thượng Đế, cho nên “*ta*” bây giờ sáng suốt tột đỉnh và mọi phán xét đều dựa trên lương tâm. Rõ ràng những phán xét đó sẽ đúng tuyệt đối bởi vì thường khi mình dấu diếm được lỗi lầm của mình, không cho người khác biết, nhưng mình không thể nào dấu được chính mình. Những phán xét này càng chính xác hơn nữa vì gian lận, ngụy biện, cãi chầy cãi cối, ích kỷ tự bênh vực đều không tồn tại trên cõi Trời. Ai còn có những ý nghĩ đó đều đã rơi xuống cầu Nại Hà hết rồi.

Tóm lại, trên cõi Trời, chính ta sẽ công nhận ta có đắc đạo hay không và đạt được phẩm vị gì, hay phải đầu kiếp (*đầu thai*) xuống cõi trần để bù đắp những tội lỗi

của mình. Và đây là sự công nhận tối thượng không còn tranh cãi nào nữa.

NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

Có một tò mò mà đến nay vẫn chưa có câu trả lời rõ ràng. Đó là người đắc đạo trông ra làm sao và có những phép màu gì? Có rất nhiều sách vở, đạo sư đưa ra nhiều tiêu chuẩn cho vấn đề này. Thí dụ như người đắc đạo phải có tướng mạo rực rỡ, khác biệt với người bình thường. Người đắc đạo có nhiều phép thần thông như nhìn xuyên qua tường, biết ý nghĩ của người khác và nhất là có thể chữa bệnh không cần dùng đến y học hiện đại. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ làm sao để biết những tiêu chuẩn đó là đúng nếu bản thân ta chưa đắc đạo?¹

Riêng trong Cao Đài Giáo, không thấy có tiêu chuẩn nào như vậy cả. Còn về phép màu, thì có thể có đấy, nhưng tính chất của phép màu luôn luôn là hết sức chủ quan. Chúng ta đã biết chuyện Đức Mẹ Fatima, chỉ có ba cô bé Lucia dos Santos, Francisco và Jacinta Marto là nhìn thấy Đức Mẹ hiện ra chớ đâu phải ai cũng nhìn thấy. Hay như trong đạo Cao Đài, đâu phải ai cũng có thể cầu cơ và liên lạc được với cõi Thiêng Liêng. Thậm chí cầu cơ được rồi, cũng chưa chắc có được lời dạy đạo thâm diệu nữa.²

Trở lại trường hợp các vị chức sắc Cao Đài được phong Phối Thánh ở trên. Thông qua cơ bút, người trần chúng ta mới biết các vị đó là Thánh trên cõi Trời. Lúc còn ở thế gian, họ chỉ là những tu sĩ Cao Đài cấp bậc

¹ Jiddu Krishnamurti, triết gia đương đại người Ấn Độ đã đặt vấn đề này.

² Theo Cao Đài, có ba loại cơ: tà cơ (*xúi giục tranh chấp, chia rẽ*), nhơn cơ (*nói ra ý muốn của người cầm cơ*) và tiên cơ (*dạy đạo đức*).

thấp, không ai biết tới.

KẾT

Tóm lại, khái niệm đặc đạo trong Cao Đài Giáo được xác định qua những điểm sau:

- ▶ Đặc đạo là đạt được sự tiến hoá về mặt tâm linh. Sự tiến hoá này được tính theo thang bậc Bát Hồn¹. Nghĩa là mỗi chơn hồn của Hoá nhân² sẽ tiến bộ từ vô tri vô giác³ đến suy nghĩ có ý thức và có trình độ đạo đức ngày càng cao, đến mức toàn thiện toàn mỹ của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Tiến hoá tâm linh là vô hạn, đạt được Phật Vị rồi vẫn còn có thể tiến lên cao hơn nữa, thậm chí cao hơn Đức Chí Tôn Thượng Đế⁴.
- ▶ Tín đồ Cao Đài Giáo ở thế gian chỉ được Hội Thánh công nhận đạt những phẩm vị tương đương với phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật trên cõi thiêng liêng hằng sống mà thôi. Không có ai được công nhận trực tiếp là Thần, Thánh, Tiên, Phật gì cả.
- ▶ Sau khi chết, mọi chơn hồn (*linh hồn*) sẽ về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống và tự định phẩm vị hay hình phạt cho mình. Nếu có được phẩm vị cao hơn thì đây mới thực sự có thể gọi là đặc đạo. Và sự đặc đạo này mỗi cá nhân tự biết, không ai biết phẩm vị của người khác.

¹Tám loại chơn (*linh*) hồn. Tính từ thấp tới cao là vật chất, cây cỏ, con vật, con người, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

²Theo Cao Đài Giáo, có ba loại linh hồn xuống thế: Nguyên nhân (*nguồn gốc trực tiếp từ Thượng Đế*), hoá nhân (*do tiến hoá từ cây đá lên dần đến phẩm người*) và quỷ nhân (*là các Nguyên nhân hoặc hoá nhân phạm tội nặng bị đày ở trần gian*).

³Không biết, không có cảm xúc.

⁴Thầy đã nói đạo đức như cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị tối cao tối trọng là ngang bậc cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa. 19-12-1926 - TNHT.

- ▶ Như vậy ở thế gian, chúng ta không biết được ai là người đắc đạo thật sự, cũng không thể khẳng định một ai đó là đắc đạo. Có nghĩa là, chúng ta không biết ai được phẩm vị gì trên cõi Trời trừ khi các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ cho biết.

☯ *Từ Chơn*

Saigon, June 11th 2020

tuuchoon@gmail.com

<https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/Home>

REFERENCES:

- Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Cái Chơn Thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy. (3rd Jan 1926 – TNHT).
- Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày bị bế Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn “Thần” không cho hiệp cùng “Tinh Khí”. Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. (25th Feb 1926 – TNHT).
- Muốn trọn hai chữ Phổ Độ phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày bửu pháp chớ không đặng giấu nữa. Con (Lịch) phải luyện cho thành, nội trong tháng năm này về theo Trung đặng đi truyền đạo. (8 Apr 1926 – TNHT).
- Còn khi đắc đạo mà có Tinh Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng. (17 July 1926 – TNHT).
- Vì vậy cho nên các con coi thử lại, từ hai ngàn năm

nay, bên Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên Phật. Các con duy biết có một mình Huệ Mạng Kim Tiên mà thôi. (21 August 1926 – TNHT).

- Thầy dạy về hại của phần hồn các con : Thầy nói cái Chơn Thần, là nhị xác thân các con, là khí chất, nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậ, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mở ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ. Nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ Chơn Linh các con khi luyện thành đạo, đặng hiệp một với Khí, rồi mới đưa tấu đến Chơn Thần, hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh. (18 Jan 1927 – TNHT).
- Người ở dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo, phải có công quả. (5 July 1926 – TNHT).
- Trong các con có nhiều đứa lằm tưởng hể vào đạo thì phải phế hết nhân sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. (5 Mar 1927 – TNHT).
- **ÔNG SĨ TÀI ĐỖ QUANG HIỂN**

Chúng tôi có đến Trí Giác Cung để phỏng vấn bà Phối Sư Hương Cúc là Cô ruột của Ông Thánh Hiễn và được tiết lộ như sau:

Thân sinh ông tên Đỗ Quang Khánh và bà mẫu thân tên Lâm Thị Đố.

Ông Hiễn là con thứ 3, người thứ 5 tên Dung, người

thứ 6 tên Tiên, người thứ 7 tên Tâm (*tức là người bạn đời của ông Hội, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn*). Người thứ 9 tên Hường (*chết*), còn người út tên Thành. Ông cầu phong Lễ Sanh, nhưng Đức Lý phê Hiệp Thiên Đài định vị. Khi Đức Hộ Pháp hỏi ở phẩm vị nào thì Đức Lý nói: phẩm Sĩ Tải.

Năm 1941, bị đày lưu nơi Phi Châu tại Madagascar. Trong 5 người bị đày, ông là người trung thành nhất đối với Đức Hộ Pháp.

Khi Pháp bắt Đức Ngài gánh nước thì ông Hiến gánh thế, hoặc làm gì nặng nhọc thì ông giành làm không ngại gian lao. Vì bị đày đến nơi lam chướng nên ông bệnh mà chết. Hài cốt hiện giờ còn ở Madagascar.

Nhờ dạ trung thành, trọn tâm cùng Đạo, chẳng thay dạ đổi lòng trong cơn khảo đảo, nên đặng đặc Thánh Vị. Ông thường giảng cơ xưng Thánh Hiến, hoặc Thánh Phi Châu. (*Theo Quang Minh tức Sĩ Tải Bùi Văn Tiếp – 1983*).

HIỆP THIÊN ĐÀI	CƠ QUAN P. THIÊN	BỘ NHẠC	BAN THỂ ĐẠO	CƠ QUAN KHÁC		
Thiên Tiên	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử			
Nhơn Tiên	Chưởng Pháp	Thượng Phẩm Thượng Sanh				
Địa Tiên	Đầu Sư	Thập nhị Thời Quân	Tiên Tử			
Thiên Thánh	Chánh Phối Sư Phối Sư	Tiếp Dẫn ĐN. Chưởng Ấn	Thánh Nhơn Hiển Nhơn	Tiếp Lễ NQ	Phu Tử	Thập nhị BQ.
Nhơn Thánh	Giáo Sư	Cải Trạng Giám Đạo	Chơn Nhơn Đạo Nhơn	Nhạc Sư Đốc Nhạc Đề Nhạc	Đại Phu	Hộ Đoàn Pháp Q. Hữu Phan Q. Tả Phan Q.

Địa Thánh	Giáo Hữu	Thừa Sứ Truyền Trạng	Chí Thiện	Lãnh Nhạc Quản Nhạc Đội Nhạc	Quốc Sĩ	Tổng Giám
Thiên Thần	Lễ Sanh	Sĩ Tài	Giáo Thiện	Cải Nhạc Bếp Nhạc	Hiển Tài	Phó T. Giám
Nhơn Thần	Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	Luật Sự	Hành Thiện Thỉnh Thiện	Nhạc Sĩ Lễ Sĩ Giáo Nhi		Tá Lý Đầu Phòng Văn
Địa Thần	Đạo Hữu		Tân Dân Minh Đức			Thơ Ký

- **Đức Huệ Mạng Kim Tiên.** Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ghi lại rằng Đức Chí Tôn Thượng Đế giảng cơ dạy “*Vì vậy mà các con coi thử lại, từ 2000 năm nay, bên Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên, Phật. Các con duy biết có một mình Huệ Mạng Kim Tiên mà thôi.*” Từ đó trở đi, chúng ta mới biết ngài Huệ Mạng đã đắc đạo và đạt vị Tiên.
- **Phối Thánh Phạm văn Màng.** Ngày 27-9-Quý Dậu (dl 14-11-1933), ông Thần Võ Văn Toàn (một vị công quả trong Phạm Môn đã qui vị trước đây và đắc Thần vị), giảng cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp rằng ông Phạm Văn Màng đã đắc vị Phối Thánh.
- **Phối Thánh Bùi Ái Thoại.** Năm Đinh Hợi (1947), Bát Nương giảng cơ cho Hội Thánh biết ông Bùi Ái Thoại đã đắc quả Phối Thánh. Ấn Chứng Đắc Đạo trong Cao Đài – Từ Chơn
- Thầy đã nói đạo đức như cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị tối cao tối trọng là ngang bậc cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa. (19-12-1926 – TNHT).
- **Tự Điển Cao Đài** – Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng.
- **Tự Điển Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài** – Lê Kim

Liên và Từ Chơn.

- **Tân Luật Pháp Chánh Truyền** – Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh.
- **Thánh Ngôn Hiệp Tuyển** – Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh.

7. HIỂU VÀ HÀNH CHO ĐÚNG PHƯƠNG CHÂM CƠ BẢN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG CUỘC SỐNG

DẪN

Cách nay khoảng vài tháng, một đứa cháu bên vợ tôi qua đời vì bệnh ung thư. Gia đình vốn là đạo dòng¹, nhưng thằng bé phải mưu sinh² xa gia đình nên chưa nhập môn³ và cũng chưa ăn chay theo đúng qui định của đạo Cao Đài⁴. Khi biết mình sắp mất, cháu dặn gia đình nhớ làm đám tang cho cháu theo nghi lễ Cao Đài. Sau khi mất, vợ của cháu (*không phải là tín đồ Cao Đài*) hỏi vợ chồng tôi phải làm sao. Vợ tôi, một Chánh Trị Sự⁵, nói là cháu chỉ cần cho Bàn Trị Sự⁶ hay, người ta sẽ lo từ A tới Z, không hao tốn gì đâu. Vợ tôi nói như vậy vì đó là thủ tục thường sự ở hương đạo⁷ của tôi và chúng tôi yên lòng quên đi mọi sự.

Nhà cháu ở Cao Lãnh, cách nhà tôi khoảng 200 km, nên mấy tháng sau mới có dịp gặp lại vợ cháu trong một đám giỗ. Tôi có hỏi thăm tình hình đám tang thế nào. Tôi rất ngạc nhiên vì vợ cháu tỏ ra ngài ngại và sau cùng trả lời “*Đạo Cao Đài khó khăn, rắc rối quá. Phải chi cháu biết trước, cháu làm đám bên Phật Giáo cho rồi.*” Câu trả lời như một gáo nước lạnh xối vào mặt tôi. Tôi ráng trấn tĩnh và bảo cháu cứ kể hết chuyện cho tôi nghe, đừng

¹ Đã theo đạo Cao Đài nhiều thế hệ.

² Làm việc để sinh sống.

³ Một nghi lễ chính thức công nhận một người là tín đồ Cao Đài.

⁴ Đó là tín đồ phải ăn chay 10 ngày trong tháng.

⁵ Chức vụ đứng đầu một nhóm tín đồ Cao Đài trong một làng hoặc một xã.

⁶ Ban quản lý của đạo Cao Đài trong một làng hoặc một xã. Thường là một Chánh Trị Sự, một Phó Trị Sự và một Thông Sự.

⁷ Nhóm tín đồ Cao Đài trong một làng, một xã hoặc một phường. Ở quận thì gọi là họ đạo, ở tỉnh thì gọi là châu đạo.

ngại. Và câu chuyện như sau: khi được cho hay, có một vị Chánh Trị Sự, một vị Thông Sự cùng vài đạo hữu đến nhà. Để mở đầu, hai vị chức việc này quay ra cãi nhau toé lửa về thủ tục gì đó không rõ. Sau đó, trước sự ngỡ ngàng của gia đình, vị Chánh Trị Sự vì đui lý⁸ nên nổi giận tuyên bố sẽ không thực hiện các nghi lễ Cao Đài cho đám tang này và bỏ ra về. Gia đình vội vã năn nỉ những vị còn lại. May là họ chịu giúp nhưng đòi hỏi phải mua sắm rất nhiều thứ linh kính để cho đúng lễ. Trong lúc làm đám tang cũng có nhiều cãi vã nhỏ xảy ra nhưng may là họ đều dàn xếp được. Nói tóm lại, câu trả lời của cháu tôi bây giờ nghe đã dễ hiểu hơn rồi đó. Tôi đành trơ mặt ra làm thinh⁹ vì biết mình không thể làm gì để thanh minh¹⁰ được sự tình này. Lòng chợt nghe buồn dàu dàu cho danh thể¹¹ của Đạo.

Nhưng sự việc trôi qua chưa lâu thì đến phiên gia đình tôi gặp nạn tai nạn kiếp¹²! Má tôi năm nay 88 tuổi và cụ bà đang đi vào những ngày cuối cùng của cuộc đời. Chúng tôi báo cho vị Chánh Trị Sự sở tại¹³ hay để chuẩn bị trước cho đám tang. Vị Chánh Trị Sự này, vốn là em họ của chúng tôi, liền tổ chức cầu nguyện trong ba đêm cho cụ bà. Vì ở địa phương có ít tín đồ Cao Đài nên chúng tôi báo cho một Thánh Thất gần đó xin giúp đỡ. Họ cử đến một vị Chánh Trị Sự và 20 tín đồ nên chúng tôi cũng cảm thấy ấm lòng.

Nhưng niềm vui chẳng tày gang¹⁴ vì vị Chánh Trị

⁸ Không có lý lẽ thuyết phục được người đang tranh cãi với mình.

⁹ Tô ra bình thân, nhưng trong lòng hết sức bối rối.

¹⁰ Nói lại cho đúng, thường là để bênh vực ai đó.

¹¹ Uy tín.

¹² Điều xui xẻo không ai muốn.

¹³ Thuộc khu vực mình sống.

¹⁴ Chẳng vui được lâu.

Sự mới đến này ngay lập tức tuyên bố “*Bàn thờ nhà này không đặt chính giữa nhà. Mà không chính có nghĩa là tà. Bàn thờ tà đạo¹ thì không ai chứng đâu. Ngày mai phải dời bàn thờ lại giữa nhà rồi chúng tôi sẽ làm lễ An Vị² cho. Nếu không thì khi Ông Cai Quản³ xuống, thấy vậy sẽ không chịu làm Phép Cắt Dây Oan Nghiệt⁴. Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm.*” Cả nhà đang lo lắng vì bà cụ nên nghe sao hay vậy. Chúng tôi riu riu⁵ chuẩn bị để dời bàn thờ. Nói nhỏ với đọc giả, bàn thờ nhà tôi chỉ cần dời sang bên phải chừng 3 cm là đúng giữa nhà! Mà 10 năm trước đám tang ba tôi cũng tổ chức tại đây, cũng với các đồng đạo từ Thánh Thất này, thì đâu có nghe ai nói “*chánh*” “*tà*” gì đâu! Bây giờ thì.... Ôi, chỉ có 3 cm thôi mà gia đình tôi bị biến thành... “*tà giáo*” hồi nào cũng không hay!

Nghe nói vậy, vị Chánh Trị Sự em họ tôi liền nhanh chóng điện thoại cho vị Cai Quản. Vị Giáo Hữu⁶ này tuyên bố “*Đúng ra là phải vậy. Nhưng thôi chuyện lỡ rồi để sau này xong đám tang rồi sửa lại.*”

Câu chuyện hài hước này khi kể lại cho các bạn ngoại đạo của tôi nghe thì họ xúm nhau cười, nói rằng “*Sao đạo Cao Đài nói là thương yêu, giúp đỡ, cứu vớt loài*

¹ Tôn giáo có triết lý không đúng, thường dạy người ta làm điều sai trái.

² Nghi lễ thực hiện khi lập bàn thờ trong gia đình của đạo Cao Đài.

³ Chức vụ cao nhất ở một Thánh Thất Cao Đài

⁴ Một nghi lễ ở đám tang. Theo đạo Cao Đài con người gồm có ba phần: thể xác, Chơn Thần và linh hồn. Chơn thần và linh hồn bị ràng buộc vào thể xác bằng 7 sợi dây vô hình. Khi con người chết đi thì thể xác bị phân rã còn Chơn Thần và linh hồn thì trở về cõi thiêng liêng hằng sống. Nhưng bảy sợi dây vô hình này làm cho Chơn Thần và linh hồn rất khó tách ra. Chức sắc Cao Đài sẽ thực hiện một nghi lễ để cắt đứt mấy sợi dây này.

⁵ Nghe theo mà không dám có sự phản đối nào.

⁶ Một phẩm vị chức sắc Cao Đài, cao hơn Lễ Sanh, thấp hơn Giáo Sư.

người mà chức sắc cũng hành⁷ tín đồ giống như thủ tục hành chính ngoài đời quá vậy?” Một lần nữa tôi đành trơ mặt chịu đựng. Biết nói sao bây giờ!!!

Có lẽ nhiều độc giả sẽ kết luận đó là hậu quả của những nghi lễ rất phức tạp của Cao Đài hoặc vì những vị chức việc đó chưa đủ kiến thức và khả năng để hành đạo⁸. Và thông thường, người ta sẽ nghĩ đến chuyện cải cách⁹ bằng những biện pháp đại khái như là tìm cách tinh giản¹⁰ các nghi lễ hoặc huấn luyện những chức việc¹¹ cho tốt hơn vv... Riêng cá nhân tôi lại nhìn vấn đề ở một chiều kích¹² hoàn toàn khác. Đó là chúng ta, tín đồ Cao Đài, nhiều người vẫn chưa tiêu hoá nổi¹³ phương châm¹⁴ cơ bản nhất của Cao Đài.

PHƯƠNG CHÂM CƠ BẢN

Vậy trước hết phải bàn xem phương châm đó là gì cái đã. Mọi tín đồ Cao Đài đều nằm lòng¹⁵ phương châm này. Đó là câu:

TAM GIÁO QUI NGUYÊN
NGŨ CHI PHỤC NHỨT

Tuy nhiên, rất nhiều tín đồ vẫn chưa chắc đã hiểu cho tới nơi tới chốn. Trước hết, câu đối Hán Việt¹⁶ này

⁷ Hạch sách gây khó khăn.

⁸ Thực hiện các nhiệm vụ của một tu sĩ Cao Đài.

⁹ Sửa đổi cho tốt hơn.

¹⁰ Bỏ bớt những điều rườm rà phức tạp không cần thiết.

¹¹ Những tu sĩ Cao Đài có phẩm vị thấp ở làng hoặc xã gồm Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự.

¹² Phương diện, khía cạnh.

¹³ Chưa hiểu hết.

¹⁴ Hướng dẫn để thực hiện một điều gì đó cho tốt.

¹⁵ Biết và nhớ rất rõ ràng.

¹⁶ Loại chữ viết cổ của người Việt. Viết theo chữ Tàu, nhưng phát âm theo

tạm dịch thô¹ ra như sau: Ba tôn giáo (*Khổng, Lão, Phật*) quay về nguồn gốc. Năm chi nhánh (*Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo*) quay trở lại lúc ban đầu.

Thế nhưng hiểu đến đây mà nghĩ là đã xong thì cũng vẫn chưa ổn. Hai câu này chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa cổ, nên chỉ có động từ² và bổ túc từ³ mà không có chủ ngữ⁴. Vậy nếu phân tích theo ngữ pháp ngày nay thì chủ ngữ là ai? Ba giáo và năm chi không thể tự động quay trở lại nguồn cội. Vậy ai đưa ba tôn giáo quay về nguồn gốc? Ai đưa năm chi nhánh trở lại lúc ban đầu?

Có thể nói rằng đó là Đức Chí Tôn Thượng Đế bởi vì người phạm⁵ làm sao có đủ khả năng để làm việc đó. Hai câu này chỉ là thông báo của Đức Ngài để người phạm biết mà lo tu sửa tính tình cho hiền lương. Nhưng như vậy thì chưa ổn, vì bằng quyền năng tối thượng⁶, Đức Chí Tôn Thượng Đế có thể thực hiện điều này mà không cần phải thông báo cho ai cả.

Thêm nữa, nếu xét đến việc Đức Ngài xưng danh là Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương, nghĩa là Vua Trời dạy đạo ở Việt Nam, thì rõ ràng đây chính là lời dạy của Ngài dành cho loài người. Vì thế ta phải hiểu rằng câu này có giọng của một lời kêu gọi hay là mệnh lệnh hơn là thông báo. Suy ra người phải thực hiện việc đưa ba tôn giáo và năm chi quay về nguồn cội chính là loài

người Việt.

¹ Dịch nghĩa đen, dịch tạm chưa tính tới các yếu tố ngôn ngữ và văn hoá.

² Từ chỉ hành động.

³ Từ làm rõ nghĩa của câu.

⁴ Từ chỉ người nào (*làm điều gì*). Ví dụ: Tôi mua bánh. Tôi (*chủ ngữ*), mua (*động từ*), bánh (*bổ túc từ*).

⁵ Người bình thường, không phải là Thần, Thánh, Tiên hay Phật.

⁶ Sức mạnh không gì vượt qua nổi.

người chúng ta đây. Vậy câu đối đó phải dịch là “*Loài người hãy đưa ba tôn giáo quay về nguồn gốc. Loài người hãy đưa năm chi nhánh trở lại lúc ban đầu.*”

Đến đây cũng vẫn chưa xong! Tại sao trong hai câu trên, Đạo Phật lúc thì gọi là Giáo, lúc thì gọi là Chi (*nhỏ hơn Giáo*)? Và tại sao lại là ba giáo và năm chi?

Bây giờ là lúc cần chút kiến thức về cổ văn⁷ và Lão học⁸ để mở cái gút⁹ này đây. Hai câu này thuộc thể loại câu đối mà người Trung Hoa xưa rất thích. Họ viết hai câu đối với nhau, hoặc đối ý hoặc đối từ ngữ, thậm chí đối chan chát từng từ một. Có người xem đây là một cách chơi chữ (*wordplay*) thú vị, nhưng như thế thì mới hiểu người xưa có phân nửa.

Đối không đơn giản là chỉ có trái nghĩa nhau, mà khi thì dùng từ trái nghĩa, khi thì dùng từ bổ sung nhau, khi thì dùng từ song hành, khi thì đối xứng v.v... theo nguyên tắc Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng. Ví dụ Tam Giáo và Ngũ Chi là hai cụm từ đối nhau, hay chính xác hơn là bổ sung nhau. Câu đối chính là cách người xưa mô phỏng¹⁰ triết lý nhị nguyên¹¹ trong văn chương. Nhị nguyên của Đông Phương là Lưỡng Nghi và mối liên quan của hai thành tố này cực kỳ phức tạp, chứ không phải đơn giản là chỉ đối lập nhau mà thôi. Do đó người đọc cần một sự tổng hợp tinh tế để hiểu ý nghĩa của một câu đối cho toàn diện, không manh mún tách rời. Không thể tách riêng một câu ra, phân tích kỹ rồi gọi là hiểu.

⁷ Văn chương thời xưa.

⁸ Nghiên cứu về Đạo Lão (*Taoism*).

⁹ Điều rắc rối, khó hiểu.

¹⁰ Bắt chước.

¹¹ Triết lý cho rằng mọi thứ đều do hai yếu tố cơ bản tạo thành: Âm và Dương (*Yin Yang*).

Tại sao lại là “*ba*” và “*năm*” mà không là những số khác? Trong văn hoá Trung Hoa cổ, có những con số thiêng nhất định mà đến giờ này không còn ai biết ý nghĩa đích thực của nó một cách chính xác. Chính vì vậy mà luôn luôn có tranh cãi về ý nghĩa các con số này. Tôi đã từng chứng kiến hai người cãi nhau về năm cây nhang trên bát hương. Một người nói rằng đó là “*ngũ khí*” trong khi người kia cho là “*ngũ phần hương*”. Cuộc tranh cãi xem ra không có hồi kết và nếu kiến thức của họ giàu hơn, có lẽ sẽ còn “*ngũ uẩn*”, “*ngũ vị tân*”, “*ngũ hành*”, v.v và v.v.... Ngày xưa, có lẽ Đức Hộ Pháp cũng đã biết điều này, nên Đức Ngài đã phát biểu: “*Đối với Bản Đạo thì đó là ngũ khí.*” Quyền năng của Hộ Pháp đã đặt dấu chấm hết cho cuộc tranh cãi lê thê này.

Trở lại vấn đề, vậy điều quan trọng không phải là tại sao phải “*ba*” và “*năm*” mà là hai số này được phối hợp trong câu đối để chỉ điều gì. Theo tôi thì hai số này không phải là một đại lượng số học, nghĩa là không phải ba đơn vị và năm đơn vị theo kiểu ba cộng với năm là tám, mà ẩn dụ một số lượng không giới hạn. Bởi vì hai danh từ đi ngay phía sau là “*giáo*” và “*chi*” cùng chỉ tôn giáo mà mỗi tôn giáo đều xuất phát từ một hệ thống triết lý đặc thù. Hiện nay trên thế giới không phải chỉ có ba hay năm hệ thống triết lý mà thôi, mà có vô số hệ thống triết lý. Đức Chí Tôn lại dạy rằng mở đạo Cao Đài để độ tận vạn linh¹, nghĩa là dạy đạo cho cả loài người (*lẫn tất cả những cái gì có sự sống*). Suy ra, tam giáo và ngũ chi là tượng trưng cho toàn bộ hệ thống tư tưởng của loài người.

Do vậy, ý nghĩa tổng hợp cuối cùng của câu đối trên

¹ Vạn – vô số, linh – sinh vật.

phải là: “Loài người hãy xem mọi hệ thống tư tưởng² trên trái đất này là có chung nguồn gốc.” Đến đây có lẽ câu đối này dễ hiểu hơn cho thế hệ đương đại³ rồi đấy. Nhưng vẫn còn một vấn đề cần bàn luận thêm. Đó là nếu đây là một phương châm, tức là hướng dẫn cho loài người tu học, thì chúng ta phải thực hiện thế nào?

HÀNH

► Thực Tế

Con người được sinh ra là những cá thể⁴ độc đáo. Chúng ta có nét mặt khác nhau, dấu vân tay khác nhau, DNA⁵ khác nhau, tính tình khác nhau, suy nghĩ khác nhau, cuộc sống khác nhau. Sự khác biệt này giúp xã hội loài người tồn tại và phát triển. Cứ thử tưởng tượng nếu toàn thể loài người đều giống hệt nhau thì chuyện gì sẽ xảy ra! Nhưng sự khác biệt này, nhất là khác biệt về mặt tư tưởng cũng khiến chúng ta khổn khổ.

Ở mức độ cá nhân, sự việc có thể là bất đồng ý kiến như các vị chức việc trong hai ví dụ ở đầu bài viết. Ở mức độ đoàn thể, người ta lập thành từng nhóm nhỏ tách ra khỏi đoàn thể gốc ví dụ như các chi phái, tông phái của các tôn giáo. Rồi đến mức độ thế giới, các nước luôn phải đề phòng lẫn nhau vì khác biệt ý thức hệ⁶ hoặc khác chánh thể⁷. Và hiện nay sự khác biệt đã lớn đến

² Dĩ nhiên những hệ thống tư tưởng nào xúi giục con người hận thù là không kể đến. Tôi phải thêm như vậy để cho những vị ở bậc trung thừa trở xuống không bị “sốc”!

³ Hiện thời.

⁴ Từng người riêng biệt.

⁵ Mã di truyền.

⁶ Hệ thống tư tưởng của một đoàn thể, thí dụ Tư Bản, Cộng Sản vv...

⁷ Cách tổ chức bộ máy trị dân của một nước, thí dụ Dân Chủ, Quân Chủ, Độc Tài vv...

mức phân chia thế giới thành manh mún trong tất cả mọi mặt, kinh tế, chính trị, ý thức hệ, chủng tộc, v.v... Kinh tế thì có kinh tế tự do¹ đối đầu kinh tế tập trung²; chính trị thì có dân chủ nghịch với độc tài; ý thức hệ thì xã hội chủ nghĩa thể phải tiêu diệt tư bản chủ nghĩa...

Chỉ cần một mối lửa nhỏ thôi là các quốc gia sẽ lao vào xâu xé nhau bằng mọi loại vũ khí. Phải chăng đó chính là Long Hoa Hội³?

Để cứu vớt loài người lần này, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã mở đạo Cao Đài và dạy loài người hãy xem tất cả mọi ý tưởng đó đều có chung một nguồn gốc như đã bàn ở phần trước. Vậy giờ vấn đề là chúng ta phải làm gì?

Thông thường, có hai cách trả lời câu hỏi này.

- Một, mình lo tu, đọc kinh, cúng kiếng⁴ đi. Để Đức Chí Tôn xoay chuyển, cá nhân mình làm không nổi đâu!
- Hai, thánh ngôn dạy rằng “*Thâu các đạo hữu hình⁵ làm một.*” Do đó, triết lý Cao Đài là cao nhất, là bao trùm các tôn giáo khác. Mình phải đi thu phục các tôn giáo khác mới gọi là tu.

Cả hai cách trả lời này đều không ổn. Cách thứ nhất là bất cập⁶, không thích hợp chủ trương “*Trời Người hiệp một*” hay “*Vạn linh hiệp Nhất Linh*” của đạo Cao Đài vì Người không chịu làm gì cả mà cứ chờ Trời. Cách thứ

¹ Mọi người tự do buôn bán kiếm lời.

² Chính phủ quyết định được buôn bán thứ gì và giá cả ra sao.

³ Ngày mà mọi người sẽ được đánh giá là có đủ đạo đức hay không. Đạo Thiên Chúa gọi là Ngày Phán Xét (*Judgement Day*).

⁴ Thực hiện nghi lễ tôn giáo.

⁵ Các tôn giáo ở thế gian.

⁶ Quá nhẹ, quá hời hợt, không đủ lực cho một yêu cầu nào đó.

hai là thái quá⁷, có mang hơi hướng Hốt Tất Liệt⁸, không hợp với chủ nghĩa dung hợp⁹ của Cao Đài.

► **Thể Pháp Vận Hành**

Vậy thì thử xét một cách làm trung dung¹⁰ hơn, thực tế hơn xem sao. Xét cho kỹ thì phương châm “*Loài người hãy xem mọi hệ thống tư tưởng trên trái đất này là có chung nguồn gốc.*” ở mức độ cá nhân cũng rất thực tế. Mỗi ngày ta gặp gỡ rất nhiều người và những giao tiếp này nhiều khi đưa đến những va chạm gây phiền phức không ít.

Ví dụ như mình thích coi phim tình cảm Hàn Quốc trong khi thằng con lớn thì thích coi phim hành động của Mỹ mà nhà lại chỉ có một ti vi. Sếp mình thích nịnh bợ trong khi mình chỉ thích nói thẳng, nói thật. Bọn thanh niên thì mở nhạc âm ĩ nhưng mình lại thích yên tĩnh trầm tư¹¹. Tất cả những khác biệt về tư tưởng khởi đầu đơn giản là vậy đó. Vậy hàng ngày chúng ta có rất nhiều cơ hội để “*xem mọi hệ thống tư tưởng trên trái đất này là có chung nguồn gốc*” rồi đấy. Hãy làm sao để tránh được bực tức, tránh được xung đột trong những tình huống đó đi. Đó chính là “*tu*” theo Cao Đài, đầu cần gì chuyện khuynh đảo¹² đất trời nào nữa!

Nếu khinh suất¹³ ta có thể nhanh nhẩu nói rằng: “Tưởng gì lớn lao chứ vậy thì... chuyện nhỏ”. Nhưng nếu

⁷ Quá mạnh, quá khích, vượt lên trên mọi yêu cầu thậm chí đưa đến hậu quả nguy hiểm.

⁸ Vua Mông Cổ, đã dùng sức mạnh đánh bại tất cả các nước nhỏ để trở thành Hoàng Đế Trung Hoa vào năm 1279.

⁹ Hoà hợp với tất cả mọi người.

¹⁰ Nằm giữa hai thái cực, không quá mạnh cũng không quá yếu.

¹¹ Suy nghĩ.

¹² Làm cho đảo lộn, sụp đổ.

¹³ Coi sự việc nào đó là thường, không quan trọng.

ta thực sự chịu suy nghĩ thêm một chút xíu nữa thôi thì sẽ thấy vấn đề này không nhỏ chút nào.

Đây nhé, sở dĩ Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy chúng ta hãy “*xem mọi hệ thống tư tưởng trên trái đất này là có chung nguồn gốc*” là để chúng ta xoá bỏ mọi xung khắc. Nếu mọi xung khắc không còn nữa thì thế giới này sẽ an bình, không còn chiến tranh, mọi người thương yêu giúp đỡ nhau như anh em một nhà.

Rõ ràng trên thực tế từ xưa đến nay, từ cá nhân đến đoàn thể, xung khắc chưa hề bị xoá bỏ mà trái lại còn phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Một người bình thường thôi, không cần chỉ số IQ¹ hay bằng cấp cao ngất ngưỡng, cũng có thể thấy được điều này.

Mời đọc giả cùng tôi xem xét chỗ này: khi có khác biệt dẫn tới xung đột thì điều gì xảy ra? Sẽ có cãi vã, trầm trọng hơn nữa thì đánh nhau, cuối cùng bên yếu thế hơn phải chịu thua cuộc và phải nghe theo bên thắng cuộc. Nhưng trên thực tế sự khác biệt đó vẫn chưa mất đi. Cho đến một hôm nào đó, khi bên thắng cuộc yếu thế là lúc sự xung đột lại tái diễn và cái vòng lẩn quẩn sẽ tiếp tục đến vô định. Còn nếu ta nhịn nhục và chấp nhận để người đối đầu thắng thì sao? Dù chịu thua để cho tình thế tạm dịu đi, nhưng trong thâm tâm sự khác biệt vẫn còn đó chờ thời “*phục hận*”. Vấn đề là khác biệt chỉ biến thể chứ không biến mất.

Không cần suy nghĩ cho xa xôi ta cũng thấy trên thế giới hiện nay, những xung đột khu vực thực sự vẫn âm ỉ² chờ lúc bùng phát dầu cho người ta ký kết không

¹ Chỉ số thông minh. Người ta được cho làm một bài kiểm tra. Kết quả bài kiểm tra này càng cao thì người làm càng thông minh.

² Âm thầm phát triển, không lộ ra cho biết.

biết bao nhiêu là hiệp ước. Nếu cứ giải quyết như hiện nay thì một nền hoà bình thế giới sẽ mãi mãi là một cơn ảo mộng! Chỉ khi nào mọi người đều nhìn nhận tất cả những ý tưởng khác biệt đó là cùng một nguồn gốc thì mới có ánh lửa hy vọng loé lên ở cuối đường hầm.

Nhưng xin để vấn đề lớn lao đó lại cho một bài khác sau này. Bây giờ xin phép bàn ở mức độ cá nhân thôi. Chính ở mức độ này mà hành động ta vẫn gọi là “*tu*” sẽ có cơ hội đạt tới trạng thái mà người xưa vẫn gọi là “*đắc đạo*”³.

Trước hết bản thân ta phải hết sức là tỉnh thức để nhận ra khi nào ta cần làm theo phương châm này. Giữ đầu óc cho tỉnh thức là vô cùng quan trọng bởi vì phần lớn việc chúng ta làm hàng ngày là theo thói quen ví dụ như lái xe, đánh máy, nấu cơm, giặt đồ... Những hoạt động này không cần phải suy nghĩ sâu xa gì cả. Do đó khi va chạm với một điều trái ý thì, theo thói quen, ta dùng sức mạnh vật chất hay tinh thần để vượt qua. Giống như khi lái xe, thấy một cái ổ gà thì ta xoay tay lái để tránh, đâu cần suy nghĩ gì. Vì làm theo thói quen, không suy nghĩ nên đôi khi để vượt qua được khó khăn, ta phạm phải sai lầm. Và quan trọng là chỉ khi mình đã sai lầm rồi thì mới biết.

Xin quay trở lại ví dụ của hai vị chức việc ở đầu bài viết. Hai vị được cử đến hành lễ đám tang cháu tôi vì trái ý nhau nên cãi vã nổ ra mà có lẽ cả hai đều không nhận ra. Chuyện lớn dần vì những thứ như “*phẩm vị*”, “*lý lẽ*”, “*trình độ*” cộng thêm vào lòng tự ái của hai người cuối cùng là dẫn đến giận dữ, quên mất việc chính là họ đang đi... cứu giúp người.

³ Đắc pháp, giác ngộ, đạt được trí huệ, hiệp một với ĐCT, vv...

Hay như vị Chánh Trị Sự trong thí dụ thứ hai. Khi thấy bàn thờ nhà tôi không ở chính giữa nhà, tức là trái với ý của ông ta, thì ông ta phản ứng rất mạnh theo thói quen là lấn áp ngay người đối diện bằng cách “*chup mũ*”¹, gọi gia đình tôi là “*theo tà đạo*” ngay lập tức mặc cho trong gia đình đang đau buồn. Tôi xin tạm thời chưa bàn đến cái nguyên tắc “*chính giữa mới là chính đạo*” của ông ta là đúng hay không! Lê ra ông ta, một chức việc Cao Đài, phải nhớ nhiệm vụ của mình là làm giảm bớt sự đau buồn đó. Nếu ông bình tĩnh và nhớ phương châm Tam Giáo Ngũ Chi, hẳn là ông sẽ nhẹ nhàng hơn và tìm cách dung hoà sự khác biệt ý tưởng này để đi vào việc chính quan trọng đó là “*cầu an*” cho bà cụ. Vậy việc di dời bàn thờ rồi làm lễ An Vị rất phức tạp kia sẽ tránh được mà tình thương đồng đạo và uy tín đạo Cao Đài lại tăng lên.

► Bí Pháp Vận Hành

Ngoài ra, còn một yếu tố nữa cũng rất quan trọng. Đó là phương châm tam giáo ngũ chi này cũng giúp bí pháp Cao Đài vận hành nữa.

Phần lớn tín đồ Cao Đài ngày nay đều nghĩ rằng phổ độ² và tu chơn³ là hai lãnh vực khác nhau. Có người cho là tu chơn... cao cấp, thượng thừa hơn phổ độ. Có người cho rằng chỉ cần phổ độ thôi là có thể đạt đạo rồi.⁴ Có

¹ Gọi ai đó bằng một cái tên xấu mà không có bằng chứng hay lý lẽ thích hợp nào.

² Truyền đạo.

³ Vào nhà tịnh để luyện đạo. Có người gọi đây là “*thiền Cao Đài*”. Gọi như vậy là không thích hợp vì thiếu nghiên cứu đến nơi đến chốn. Thiền (*Phật Giáo*) và tịnh luyện (*Cao Đài*) rất khác nhau. Xin đọc thêm Thiền Và Tịnh Luyện của Từ Chơn tại địa chỉ: <https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/thin-va-tinh-luyen>

⁴ Người ta hay trích dẫn thánh ngôn và Đức Hộ Pháp để chứng minh điều này,

người nói chi phái này phổ độ, chi phái kia tịnh luyện vv...

Nếu có đọc kỹ⁵ những bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp thì sẽ hiểu được những quan điểm đó là chưa đầy đủ. Trong lãnh vực này Đức Ngài dạy chúng ta ba nguyên tắc quan trọng.

- Thứ nhất, đạo Cao Đài có cả thể pháp (phổ độ) và bí pháp (tu chơn)⁶.
- Thứ hai, thể pháp và bí pháp không thể tách rời ra thành hai thực thể riêng biệt mà song hành⁷ bổ sung nhau trong một thể duy nhất vẹn toàn.
- Thứ ba, thể pháp là những điều có thể biết thấy được bằng giác quan⁸ còn bí pháp thì không.⁹

Hai nguyên tắc đầu tiên đưa đến hệ quả là chúng ta phải hiểu thể pháp và bí pháp giống như cách chúng ta hiểu hai câu đối ở đầu bài, nghĩa là phổ độ và tu chơn không thể tách rời nhau, đối chọi triệt hạ nhau như nước với lửa, mà song hành bổ sung nhau trong một

nhưng họ không trích hết bài giảng để thấy được tình huống cội nguồn. Chỉ “trích cú” như thế e là không thấy hết vấn đề. Bởi vì nếu nói không cần tịnh luyện, thì Đức Hộ Pháp cất Trí Huệ Cung rồi chính Đức Ngài nhập tịnh ở đó để làm gì? Còn nữa, Tân luật có ghi luật nhà tịnh để làm gì? Tác giả khẩn thiết đề nghị mọi người hãy đọc thật nhiều thánh ngôn và hãy suy nghĩ cẩn thận, chớ vội tin ngay một thông tin nào khi chưa nghiên cứu kỹ.

⁵ Xin nhấn mạnh chỗ này. Nghĩa là đọc có suy luận logic hẳn hoi, không phải đọc cho biết hay đọc cho vui. Nhiều khi đọc hết một kiếp cũng chưa chắc hiểu đúng nữa!

⁶ Thể pháp và bí pháp là hai từ đa nghĩa (*polysemy*) vì thế cần cẩn thận khi dùng kéo nhầm lẫn. Mời đọc thêm ở đây <https://www.daotam.info/books/thephapvabiphap/thephapvabiphap.htm>

⁷ Đi chung với nhau.

⁸ Nghe, thấy, ngửi, nếm, sờ.

⁹ Một sai lầm phổ biến là người ta gọi phép tắm thánh, cắt dây oan nghiệt.. là bí pháp. Thực ra phải gọi đó là bí tích (*sacrament*). Những nghi lễ này vẫn thuộc lãnh vực thể pháp vì chúng ta vẫn còn nhìn thấy được bằng mắt thường.

thể duy nhất.

Theo nguyên tắc ba, chúng ta sẽ suy ra được rằng cách hành đạo, các nghi tiết đều là thể pháp vì bí pháp chúng ta chỉ biết là có chứ không thể “*nhìn thấy*”. Suy ra những nghi tiết chúng ta làm ở Thánh thất như lễ bái và đọc kinh và ở Thánh tịnh¹ như ngồi tịnh đều là thể pháp. Bí pháp sẽ song hành nhưng nằm ngoài cảm nhận của giác quan con người.

Thật sự thì những thể pháp mà chúng ta thực hiện ở Thánh thất hay ở nhà tịnh đều có bí pháp vận hành bên trong. Chỉ khác nhau chỗ ở nhà tịnh thì người tu học tập trung cao độ hơn và có hạn kỳ nhất định² còn cúng lạy đọc kinh thì phải thực hành trọn đời.

Suy cho cùng, trong lúc chúng ta tụng kinh ở Thánh thất hay ngồi kiết già³ ở tịnh thất, mục đích chính vẫn là “*tịnh tâm*”⁴. Quý vị nào đã thử việc này sẽ thấy là chuyện tập trung, đạt được trạng thái tịnh tâm là cực kỳ khó. Người xưa gọi đó là “*tâm viên ý mã*”, tức là suy nghĩ của mình nó chạy rong lung tung giống như con khỉ hay con ngựa vậy.

Ngày xưa, các vị Tổ Sư Thiên Tông⁵ Trung Hoa giao cho các đệ tử một “*công án*”⁶. Đệ tử nào tìm được câu trả

¹ Nhà tịnh.

² Bát Nương Nữ Phật dạy rằng mỗi đợt ngồi tịnh là 100 ngày. Trong thời gian này mọi liên hệ với xã hội bên ngoài là bị cắt đứt.

³ Padmasana. Ngồi xếp bằng theo tư thế hoa sen, nghĩa là bàn chân đặt lên đùi bên kia.

⁴ Tịnh – trong sạch, không lẫn nhiều thứ linh tinh, tạp nhạp. Tâm – ý tưởng, suy nghĩ, phần ý thức của con người. Nghĩa là mình phải suy nghĩ tập trung vào một vấn đề nào đó, đừng để cho những ý nghĩ nhỏ nhặt, vụn vặt khác xen vào.

⁵ Một nhánh của Phật Giáo, chủ trương yên lặng suy nghĩ để tìm ra chân lý.

⁶ Một đề tài hoặc một câu hỏi để tập trung suy nghĩ.

lời sẽ được thầy “*ấn chứng*”⁷ đắc đạo. Vậy từ đây suy ra phải là thầy, là đạo sư, tức là người đã đắc đạo rồi mới có thể đưa ra công án cho học trò suy nghĩ. Đạo sư đắc đạo mới nhìn thấy đệ tử còn thiếu điều gì để ra công án cho thích hợp. Ngày nay, người chưa đắc đạo như chúng ta thì không thể biết ai xứng đáng là “*thầy*” đâu. Chính vì thế mà các Đấng Thiêng Liêng mới dạy chúng ta là các tôn giáo khác đã “*thất kỳ truyền*”⁸.

Vậy tín đồ Cao Đài chúng ta có “*thầy*” không? Và “*thầy*” có cho công án không? Có chứ. Thầy của chúng ta là Đức Chí Tôn Thượng Đế, không phải người phàm và Đức Ngài sẽ ban công án cho từng cá nhân để được đắc đạo miễn là cá nhân đó làm đúng thể pháp. Hay nói theo Đức Hộ Pháp thì làm đúng thể pháp là bí pháp vận hành. Làm đúng thể pháp tức là tập trung được tư tưởng (*dù đọc kinh hay ngồi tịnh cũng vậy*), bí pháp vận hành là nhận được công án của Đức Chí Tôn Thượng Đế đó vậy. Xin nhớ rằng khi nhận được công án rồi, còn phải suy nghĩ vận dụng nữa mới tiến tới trạng thái đắc đạo.

Trở lại việc “*tâm viên ý mã*”, chúng ta đã biết khi muốn tịnh tâm thì chúng ta mới biết giông tư tưởng của chúng ta rất khó kềm chế. Vừa suy nghĩ chuyện này được chút gì thì một suy nghĩ khác lại xen vào ngay và cứ thế hàng ngàn hàng vạn ý nghĩ thay nhau như một con xoáy nước. Mọi thứ xáo trộn tứ tung không theo ý muốn của mình. Khi nào mình tịnh tâm được, giống như xoáy nước đã lặng yên, mọi thứ tạp nhạp⁹ biến mất thì đầu óc bấy giờ sẽ sáng suốt tột đỉnh¹⁰. Trong trạng

⁷ Xác nhận là đắc đạo.

⁸ Không còn truyền dạy đúng như lúc ban đầu nữa.

⁹ Điều nhỏ nhặt không đáng suy nghĩ hoặc không cần thiết.

¹⁰ Ở mức độ cao nhất. Trạng thái đó Phật Giáo gọi là A nậu đa la tam diệu

thái đó mới có hy vọng hiểu được công án Đức Chí Tôn Thượng Đế ban cho để mà bước vào trạng thái đặc đạo. Mỗi cá nhân sẽ tùy theo căn quả¹, trình độ mà tự nghĩ ra cách để mình tịnh tâm được. Nhưng nếu kéo dài quá lâu mà không tìm ra được cách nào thì hãy thử áp dụng phương châm trên xem. Hãy xem mọi suy nghĩ là có chung một nguồn gốc đi, chứ đừng cắt ngang hay áp chế² một luồng tư tưởng³ này bằng một luồng tư tưởng khác. Đừng đối trị⁴ mà hãy bắt chước tinh thần câu đối người xưa: hãy để mọi tư tưởng sinh ra bổ sung nhau, song song nhau và tiến đến một trạng thái mà Cao Đài vẫn gọi là “hiệp một”. Nơi đây mọi vấn đề trong vũ trụ này đều được giải quyết tận căn để.⁵

KẾT

Đến đây tôi xin mượn một biểu tượng thể pháp⁶ để kết luận bài viết này. Mọi tín đồ Cao Đài đều biết tại một đàn cúng⁷ thì chức sắc Hiệp Thiên Đài⁸ đi vào Toà Thánh trước chức sắc Cửu Trùng Đài⁹. Ấn dụ¹⁰ này không đơn giản là chức sắc bên Hiệp Thiên Đài quan trọng hơn Cửu Trùng Đài hoặc ngược lại đâu! Hiệp Thiên Đài tượng

tam bồ đề (*anuttarā samyak sa bodhi*).

¹ Những điều mình đã làm ở kiếp trước sẽ để lại hậu quả tương ứng trong kiếp này. Nếu kiếp trước mình làm tốt bây giờ việc mình làm sẽ có kết quả tốt, nếu xấu thì kết quả xấu.

² Lấn áp điều gì đó cho mất đi.

³ Một loạt suy nghĩ liên tục nhau.

⁴ Cắt bỏ, phá huỷ, tiêu diệt, làm cho mất đi điều gì mình không thích.

⁵ Tận gốc.

⁶ Một hình tượng hàm chứa một ý nghĩa gì đó.

⁷ Một buổi lễ Cao Đài.

⁸ Một cơ quan của Hội Thánh chuyên về Luật Cao Đài và Thông Công.

⁹ Một cơ quan của Hội Thánh chuyên về quản lý hành chính.

¹⁰ Ý chính ẩn đằng sau một từ ngữ.

trưng phần KHÍ tức là tư tưởng còn Cửu Trùng Đài tượng trưng phần TINH hay cơ thể. Đi vào Toà Thánh là đi vào Bạch Ngọc Kinh¹¹ tại thế tức là đi vào nơi điều hành vũ trụ của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Muốn vào Bạch Ngọc Kinh phải dùng tinh thần chứ không dùng vật chất, dùng tư tưởng chứ không dùng thể xác, dùng nội tâm chứ không dùng ngoại hình, phải suy biện¹² chứ không nhắm mắt tin bừa. Suy biện cho đúng rồi mới làm cho tới nơi. Có lẽ đó cũng là nguyên tắc cho mọi thể pháp khác trong Cao Đài Giáo đó vậy.

Từ Chơn

Jan 23 2019

<https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/Home>

<https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/Home/encyclopedia-of-caodaism>
tuuchoon@gmail.com

¹¹ Kinh Đô của vũ trụ. Nơi Đức Chí Tôn cai trị vũ trụ của Ngài.

¹² Suy luận.

8. PHÂN BIỆT GIỮA “DANH TA”.VÀ “NGAI TA”

∞ TỪ CHỌN

MỞ

Mọi tín đồ Cao Đài đều biết đoạn Thánh ngôn “*Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ Vương đã khởi phá khuấy chơn đạo. Đến danh Ta nó còn mượn, duy ngai Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi*”. (Lời dạy của Đức Chí Tôn trong lần cầu cơ ngày 22/8/1926 – TNHT).

Thật sự mà nói, chúng ta thường đọc và hiểu đoạn này sơ sơ là đã yên tâm rồi, ít khi mổ xẻ cho đến nơi đến chốn. Chưa hết, hiểu được rồi còn phải hành động nữa thì mới đúng yêu cầu của thánh ngôn.

ĐỊNH NGHĨA

Để bắt đầu, thiển nghĩ có một số từ Hán Việt trong đạo Cao Đài cần được nói rõ để làm cơ sở cho những luận bàn kế tiếp.

- **Bạch Ngọc Kinh:** Bạch – màu trắng. Ngọc – đá quý. Kinh – thành phố lớn nơi có chính phủ trung ương điều khiển một đất nước. Bạch Ngọc Kinh là trung tâm càn khôn vũ trụ, giống như Washington của nước Mỹ, London của nước Anh hay là Paris của nước Pháp vậy.
- **Ngọc Hư Cung:** Ngọc – đá quý. Hư – chỗ ở. Cung – nhà lớn dành cho vua. Ngọc Hư Cung là một toà nhà ở Bạch Ngọc Kinh, nơi Đức Chí Tôn ngự, giống như toà Bạch Ốc nơi Tổng Thống Mỹ ở.
- **Linh Tiêu Điện:** Linh – thần diệu. Tiêu – trời cao.

Điện – phòng thật lớn thường dùng để họp. Đây là phòng họp bên trong Ngọc Hư Cung, nơi Đức Chí Tôn và các Thần Tiên bàn luận kế hoạch điều khiển Vũ trụ.

- **Lôi Âm Tự:** Lôi Âm – tiếng sấm. Tự – chùa. Theo Đức Hộ Pháp đây là ngôi chùa của Phật Di Đà trên Cực Lạc Thế Giới (đây là một cõi ở trên Thiêng Liêng, nơi chỉ có niềm vui, không có đau khổ), các chơn hồn (linh hồn) đến đây để học giáo lý của Phật.
- **Quý Vương:** – Vua quý. Còn gọi bằng những tên khác như Chúa Quý, Sa Tăng, Lucifer. Đạo Cao Đài gọi là Đại Tiên Kim Quang Sứ, trong lần thứ ba này được Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ thử thách con người xem có thật sự là đạo đức không. Nếu vượt qua được thử thách của ngài thì mới đạt được phẩm vị (Thần, Thánh, Tiên, Phật) trên cõi Trời.

Theo đoạn thánh ngôn, ngay từ lúc Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự chuẩn bị cứu con người lần thứ ba thì Quý Vương cũng bắt đầu thử thách con người rồi.

Đức Hộ Pháp nói rằng trong vũ trụ, Bạch Ngọc Kinh có quyền “*trị thế*”. Giống như chính quyền của một quốc gia, nơi đây là đầu não đưa ra các mệnh lệnh nhằm giữ gìn an ninh trật tự của vũ trụ. Lôi Âm Tự có quyền “*giác thế*” (*giác – dạy dỗ*). Vậy Lôi Âm Tự giống như Bộ Giáo Dục của một nước.

Đoạn Thánh ngôn trên diễn giải theo ngôn ngữ thời nay là: Đức Chí Tôn và Đức Phật Di Đà lên kế hoạch cứu con người bằng cách dạy dỗ họ. Sau khi học xong họ phải đi thi, đó là chịu Quý Vương thử thách để khẳng định “*đậu hay rớt*”. Suy ra, muốn được cứu trong lần thứ ba này thì phải học đạo rồi đi thi. Không học hoặc học mà

không đi thi thì cũng không được “cứu” đâu!

Và câu cuối cùng “Đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi” ngụ ý một trong những cách thức thử thách khắc nghiệt của Quỷ Vương. Do đó chúng ta, tín đồ Cao Đài coi như đã được ưu ái... lộ đề thi trước, nên phải tìm học kỹ chỗ này để đi thi cho đậu. Vạy thì vấn đề cần biết rõ là “mượn danh” và “không dám ngồi lên ngại”, thật sự ra, là gì?

MƯỢN DANH

► Một Chút Sử Đạo

Ai cũng biết “mượn danh” là lấy tên một người nổi tiếng để lừa người khác. Bây giờ mà đọc báo hằng ngày thì thấy chuyện lừa đảo kiểu này diễn ra như cơm bữa. Ví dụ như tôi có con sắp thi vào Đại Học thì gặp hai người. Một người là thầy giáo lớp 12 hứa là sẽ dạy tốt cho em thi đậu, còn người kia là một Giáo Sư Tiến Sĩ tốt nghiệp bên Anh Quốc nói rằng sẽ lo cho em thi đậu với điều kiện là đưa ông ta một số tiền lớn. Chắc là tôi sẽ nghiêng về người thứ hai nếu con tôi học kém nhưng tôi lại có nhiều tiền. Bọn lừa đảo cũng biết thế nên chúng luôn xưng có bằng cấp, học vị, chức vụ thật cao để lừa người. Và thực tế cho thấy là có nhiều người đã mắc bẫy dễ dàng.

Trở lại với đoạn Thánh ngôn (15/7 *Bính Dần*), đây là thời điểm trước ngày khai Đạo (15/10 *Bính Dần*) chúng ta có thể xem đây là lời tiên tri cho tình hình rối loạn sau này. Sử đạo cho biết về sau một số chức sắc, tín đồ tự tổ chức cầu cơ không thông qua Hội Thánh mặc dù đã có lệnh ngưng cơ bút phổ độ. Điểm quan trọng là trong những đàn cơ này, cũng có Đức Chí Tôn và các

đấng giáng. Tình hình rối rắm đến mức Hội Thánh phải thông báo cấm cầu cơ. Và sau đó như chúng ta đã thấy là tình hình phân chia chi phái diễn ra.

Vậy thì “*mượn danh Ta*” trong tình hình này có thể hiểu là Quỷ Vương đã xưng danh Đức Chí Tôn giáng cơ. Ai không phân biệt được nhơn cơ, tà cơ và Tiên cơ¹, nghe xưng Đức Chí Tôn là tin ngay, không một chút nghi ngờ. Vậy Quỷ Vương phong chúc, xúi tách ra lập chi phái là sẽ có người tin theo và làm ngay.

Có người nói rằng chi phái là hiện tượng tự nhiên, tôn giáo nào cũng có. Có thêm nhiều nhóm quảng bá cho đạo Cao Đài cũng tốt. Lý lẽ này không hợp với đạo Cao Đài vì triết lý đạo đặt trên nền tảng mọi niềm tin phải hợp nhất. Nếu chúc sắc tự ý chia rẽ thì làm sao thuyết phục người khác hợp nhất được?

Bây giờ, nếu dễ tính có thể nói rằng cứ cầu cơ không phải của Hội Thánh hoặc bên ngoài Cung Đạo là biết giả rồi, mình đừng tin. Nếu dễ biết như vậy, thì các chúc sắc lớn đâu có cầu cơ riêng rồi lập ra chi phái, phải không quý đọc giả?

► Ngoại Tại

Suy cho cùng, vấn đề không phải đơn giản chỉ có Quỷ Vương mượn danh Đức Chí Tôn trong đạo Cao Đài mà thôi. Đức Chí Tôn chỉ là tên tiếng Việt của đạo Cao Đài gọi đấng mà loài người tin tưởng ở mức cao nhất. Đối với toàn nhân loại đó còn có thể là Đức Chúa Trời, Đức Phật Di Đà, Đức Muhammad, một lãnh tụ chính trị, một thầy tu hay thậm chí là ba má, bạn bè mình. Tóm lại, mình tin ai hoặc điều gì nhất thì đó là Đức Chí Tôn.

¹ Nhơn cơ- cơ do người cầm cơ tự viết ra. Tà cơ- cơ xúi chia rẽ hiểm khích. Tiên cơ- cơ dạy đạo đức thật sự

Thánh ngôn đã dạy “*Thầy là các con, các con là Thầy*” mà. Thậm chí những người tự xưng là vô thần, nghĩa là không tin có Trời, Phật, Thần, Thánh, cũng có niềm tin tối thượng của họ. Vậy thì Quý Vương sẽ “*mượn danh*” đó, sẽ giả ra là đấng (*hoặc điều*) mà chúng ta tin tưởng.

Chẳng hạn như tôi chỉ tin rằng khi mọi người có của cải bằng nhau thì sẽ không còn bất công trong xã hội nữa. Niềm tin đó chính là Đức Chí Tôn của tôi. Nếu có ai nói rằng họ cũng nghĩ như vậy thì tôi sẽ hợp tác với họ ngay. Xui thay, nếu người đó là Quý Vương thì khổ khổ cho cuộc đời tôi rồi! Họ sẽ xúi tôi làm chuyện sai trái. Bạn có thể nói bạn thông minh, không dễ dụ dỗ như vậy đâu. Bạn ơi! Đã có người tình nguyện ôm bom cho nổ trong buổi lễ nhà thờ để cùng chết với những người vô tội rồi đấy! Bạn thấy sức mạnh của Quý Vương chưa?

► Nội Tại

Đó là Quý Vương ở bên ngoài, còn Quý Vương ở ngay bên trong chúng ta thì còn tinh vi khó nhận ra hơn nữa.

Ai cũng biết không có người bình thường nào lại không thích danh vọng. Cả những tu sĩ, vốn là người tuyên bố từ bỏ những danh vọng của thế gian, cũng muốn có chức vụ cao trong tôn giáo của mình. Nói cho cùng thì đó cũng là danh vọng. Điểm quan trọng là cách thức để có được danh vọng tốt hay xấu mà thôi.

Nhiều khi chúng ta tự biện hộ cho việc ham danh vọng của mình rất hợp lý mà mình không hề hay biết. Chúng ta vẫn thường nghe nói “*Tôi không ham chức này đâu, nhưng vì không có người chịu trách nhiệm (hoặc vì cấp trên giao) nên tôi tạm nhận thôi. Khi nào có người tài đức hơn, tôi sẽ nhường lại ngay lập tức.*” Nhưng rồi thời gian trôi qua, người có tài đức sẽ... không bao giờ

đến nên tôi... đành phải tiếp tục giữ chức vụ.

Hay như trong ví dụ của Chi Phái Tiên Thiên. Năm 1949 ông Nguyễn Bữu Tài (*vốn được cơ bút Tiên Thiên phong là Đầu Sư Thượng Tài Thanh*) đã cùng 65 chức sắc Tiên Thiên trở về hiệp một với Toà Thánh Tây Ninh. Theo luật của Toà Thánh, các chức sắc chi phái trở về phải từ bỏ mọi danh hiệu lúc còn ở chi phái, trở thành tín đồ bình thường. Tuy nhiên, cơ bút của Toà Thánh cũng công nhận phẩm vị của các chức sắc Tiên Thiên, có điều họ phải lùi lại một cấp. Như vậy Đầu Sư Thượng Tài Thanh phải lùi lại là Phối Sư. Các vị này đều nhận nhiệm vụ và hành đạo ở Toà Thánh. Nhưng, đến năm 1957 ông Tài cùng các bạn trở về Bến Tre khôi phục lại Tiên Thiên và cơ bút Tiên Thiên phong ông làm Giáo Tông, chức vụ cao nhất trong đạo Cao Đài, ngày 9/1/1957. Thực sự, ngoài ông Tài ra còn nhiều người khác cũng muốn chức Giáo Tông. Nếu ngày xưa nhiều người dành lấy y bát¹ của Đức Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn giao cho Đức Lục Tổ Huệ Năng thế nào thì ngày nay nhiều vị xưng là Giáo Tông của Cao Đài cũng na ná như thế. Câu chuyện này có lẽ đã tạm đủ để chứng minh sức mạnh của “*danh*” lớn cỡ nào đối với con người rồi.

NGÔI LÊN NGAI

Bây giờ xin bàn tới vấn đề “*ngai Ta nó chẳng dám ngôi*”.

Cụm này theo ngữ cảnh có nghĩa là Quý Vương không dám ngôi lên chiếc ghế của Đức Chí Tôn. Chúng ta đã biết rằng Đức Chí Tôn cho phép Quý Vương dùng

¹ Cái áo và cái bát đi xin ăn, tương truyền là Phật Thích Ca giao lại cho đệ tử. Ai được nhận y bát coi như đã hiểu đúng lời Phật dạy, tức là thành Phật.

tên của Ngài để thử thách. Do đó phạm trù danh, nghĩa là xã hội xung quanh ta, toàn chứa đựng những mưu kế của Quỷ Vương.

Vậy nơi nào không có Quỷ Vương để trú cho an toàn? Theo Thánh ngôn thì đó là chỗ ngồi của Đức Chí Tôn.

Mời quý độc giả xem đoạn Thánh ngôn sau đây: “*Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.*”

Và

*“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi
Không cần hạ giới vọng cao ngôi.
Sang hèn trời kệ tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi.”*

Ngai là ghế ngồi của vua chúa, ngôi là chức vụ của vua. Hai từ này đều ẩn dụ quyền lực của Đức Chí Tôn. Thái Cực là từ của Lão Giáo (*Taoism*) còn Tâm là từ của Phật Giáo (*Buddhism*). Hai từ này chứa đựng triết lý rất phức tạp của hai nền tôn giáo lớn. Trong phạm vi bài viết này ta chỉ cần hiểu đại khái là Đức Chí Tôn ngồi trên ngôi Thái Cực hoặc trong Tâm của chúng ta. Vậy thì Thái Cực hay Tâm là chỗ Quỷ Vương không dám ngồi.

Khái niệm Tâm tương đối gần gũi hơn Thái Cực nên xin được bàn về chữ Tâm trong bài này. Trước hết, xin mượn một định nghĩa tự điển của tác giả Thiều Chửu (xuất bản 1942 Hà Nội):

Phật học cho muôn sự muôn lẽ đều do tâm người tạo ra gọi là pháp duy tâm. Nhà Phật chia ra làm nhiều thứ, nhưng rút lại có hai thứ tâm trọng yếu nhất:

1. Vọng tâm 妄心 cái tâm nghĩ ngợi lan man xằng bậy.

2. **Chân tâm** 真心 cái tâm nguyên lai vẫn sáng láng linh thông, đầy đủ mẫu nhiệm không cần phải nghĩ mới biết, cũng như tấm gương trong suốt, vật gì qua nó là soi tỏ ngay, khác hẳn với cái tâm phải suy nghĩ mới biết, phải học hỏi mới hay. Nếu người ta biết rõ cái chân tâm (minh tâm 明心) mình như thế mà xếp bỏ sạch hết cái tâm nghĩ ngợi lan man xằng bậy đi thì tức thì thành đạo ngay.

Do đó, suy ra khi mình biết rõ chân tâm thì có Đức Chí Tôn ngự, tức là không có Quỷ Vương. Đạo Cao Đài gọi chân tâm là Chơn Linh, hay nói cho dễ hiểu là lương tâm.

Chắc chúng ta ai cũng từng trải qua chuyện bị “lương tâm cắn rứt” rồi. Khi mình làm gì sai, tự nhiên cảm thấy có gì đó không đúng và hối hận mãi. Cảm giác này không xuất phát từ suy luận, tính toán mà tự nhiên xuất hiện trong suy nghĩ của mình. Thường thì ta lập tức tìm lý lẽ để bào chữa ngay. Những lý lẽ bào chữa có thể nghe rất đúng, nhưng lòng ta cứ day dứt mãi. Những day dứt đó chính là lương tâm, nơi Quỷ Vương không dám ngồi.

Thí dụ thế này, tôi đi ngang một người hành khất. Nhìn hoàn cảnh ông, tôi thương lắm, nhưng vì đang vội nên tôi tiếp tục đi. Một lát sau tôi cảm thấy không an tâm. Tại sao mình không dừng lại và giúp cho ông một ít tiền? Tôi vội vàng quay trở lại, nhưng ông đã đi mất rồi. Trong lòng tôi tiếp tục không yên cho đến nhiều ngày sau đó. Ý nghĩ này là xuất phát từ lương tâm, không suy tính, không hơn thiệt và rất trong sáng. Đây là nơi không hề có Quỷ Vương.

Sau đó, vì sự bất ổn cứ kéo dài nên tôi có ý nghĩ mới: Thôi, đừng lo nghĩ nữa. Sẽ còn có nhiều người khác nhìn

thấy và giúp ông. Biết đâu gặp người sẽ cho tiền thậm chí còn nhiều hơn mình nữa. Ý nghĩ này là để chấm dứt sự bất ổn trong lòng tôi, nghĩa là có sự tính toán nhằm đem lại lợi ích cho bản thân. Vậy ý nghĩ này không xuất phát từ lương tâm. Tính toán hơn thiệt là mảnh đất màu mỡ cho Quý Vương đó vậy.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÁNH

Cuối cùng, vấn đề là làm thế nào để vượt qua những thử thách của Quý Vương và làm thế nào để biết những ý nghĩ nào của chúng ta là xuất phát từ lương tâm?

Như đã nêu ở trên, Quý Vương chỉ thắng được chúng ta nếu chúng ta ham thích danh vọng hoặc chức vụ. Vậy đơn giản là mình không cần danh vọng nữa là xong. Chúng ta hãy bắt đầu bằng việc không muốn hơn người khác. Hãy sống vui vẻ trong địa vị, chức vụ hiện tại của mình và hãy luôn luôn suy xét cho kỹ mọi vấn đề, coi chừng lòng ham danh còn ẩn núp đâu đó. Nếu đã là tu hành thì làm tín đồ bình thường mà tròn nhiệm vụ cũng hơn làm Giáo Chủ mà không biết làm gì. Hành động từ bỏ danh vọng không phải chỉ một ngày một buổi mà kéo dài trọn cả một đời người. Chỉ cần bạn dừng lại một giây thôi là Quý Vương dương bấy lên ngay lập tức.

Một hành động nữa mà chúng ta cũng phải thực hiện trọn cả đời đó là: lắng nghe lương tâm của chính mình. Đức Hộ Pháp thường dạy rằng mỗi ngày phải tự xét mình. Đó chính là lúc lắng nghe lương tâm của mình qua mỗi hành động hằng ngày¹. Hãy xét xem có việc nào mình bị “*lương tâm cắn rứt*” hay không. Việc

¹ Đó là 4 thời cúng của chức sắc Cao Đài. Trên thực tế, tín đồ thì chỉ một lần buổi tối là đủ.

này không dễ dàng đâu bởi vì chúng ta luôn có lý lẽ hợp lý để bênh vực cho lỗi lầm của mình.

Biết được ý tưởng nào là của lương tâm rồi thì bước kế tiếp là làm theo ý tưởng đó. Đây cũng là một con đường xa thăm thẳm, đầy những khó khăn nữa. Nhưng cuối đường sẽ là hào quang thành công dành cho ai vượt qua được trần ai đau khổ.

Từ Chơn

July 21 2020

tuuchoon@gmail.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ▶ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển – TTTN
- ▶ Tự Điển Cao Đài – Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng
- ▶ Encyclopedia of Caodaism – Lê Kim Liên và Từ Chơn.
- ▶ Tự Điển Hán Việt – Thiều Chửu
- ▶ Tự Điển Tiếng Việt – Hội Khai Trí Tiến Đức
- ▶ Hệ Phái Cao Đài – Lạp Chúc Nguyễn Huy
- ▶ Wikipedia
- ▶ Centre for Studies in Caodaism – Đào Công Tâm
- ▶ Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp – Từ Huệ Nguyễn Văn Mới

9. VẬN DỤNG BÍ PHÁP THUYỀN BÁT NHÃ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

☞ Từ Chơn

VÀO BÀI

Trong các đám tang theo nghi lễ Đạo Cao Đài, chiếc xe đưa người đã mất ra nghĩa trang được tạo hình giống một chiếc thuyền có đầu và đuôi rồng. Tùy theo địa phương mà thuyền được Đạo Tỳ (*người khiêng quan tài*) đẩy hoặc có gắn động cơ để di chuyển như thuyền máy hoặc xe hơi. Phương tiện này có tên là Thuyền Bát Nhã.



Thuyền Bát Nhã trong đám tang theo Đạo Cao Đài.

Theo luật Cao Đài, người đã mất, từ hàng tín đồ đến phẩm Phối Sư hoặc tương đương, sẽ đưa bằng thuyền này. Chức sắc cao hơn nữa thì không dùng thuyền Bát Nhã mà sẽ đưa bằng hình thức “*Liên đài kỳ Long Mã*”. Nghĩa là quan tài của họ có tám cạnh gọi là Liên đài (đài

sen) để trên xe tang tạo hình con vật linh Long Mã (*con vật mình ngựa đầu rồng*).

Chức sắc phẩm Lễ Sanh còn có thêm nghi lễ Chèo Hầu tại Khách Đình (*nhà tang lễ*), tức là một đoạn hát bội diễn cảnh chèo thuyền Bát Nhã. Từ phẩm Giáo Hữu trở lên thì có Chèo Đưa long trọng hơn.

GIẢI NGHĨA

Có lẽ tiếp theo nên tìm hiểu ý nghĩa của các danh từ cần thiết trước khi đi sâu vào vấn đề. Trong chủ đề này Bát Nhã là từ chủ đạo, cần được tìm hiểu trước nhất. Từ này nguyên gốc tiếng Phạn (*Ấn Độ cổ*) là Prajñā. Người Tàu dịch ra là 般若 và người Việt đọc là Bát Nhã, có nghĩa là Trí huệ (*tuệ*), Huệ (*tuệ*) hay sự hiểu biết sâu xa.

Đây là một thuật ngữ của Đạo Phật. Nếu quý đọc giả tra trên internet sẽ gặp một rừng đủ kiểu giải thích. Để giúp quý đọc giả rút ngắn thời gian đọc, chúng tôi sẽ thu gọn lượng kiến thức khổng lồ đó và tập trung vào chủ đề của chúng ta.

Từ này xuất hiện trong bài Bát-nhã-ba-la-mật-đa tâm kinh (*Maha Prajñā Pāramitā Hridaya Sūtra*) còn được gọi là Bát-nhã tâm kinh, hay Tâm Kinh. Đây là kinh ngắn nhất, chỉ có khoảng 260 chữ, của Phật giáo Đại thừa và Thiền tông, và cũng là bài kinh quan trọng của bộ kinh Đại Bát Nhã gồm 600 cuốn.

Chúng tôi sẽ không lập lại bài kinh ở đây mà chỉ trích dẫn vài câu quan trọng nhất như sau.

ooOoo

► Bản Hán Việt

Quán-tự-tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa

thời, chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá-lợi-tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thu, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

.....

Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề.

► **Dịch Ra Tiếng Việt**

Vị Bồ Tát Quán Tự Tại khi đạt đúng mức trí huệ thì thấy năm yếu tố cấu tạo nên con người đều là không, do đó không còn đau khổ gì nữa.

Này Xá Lợi Tử, có chẳng khác không, không chẳng khác có, có tức là không, không tức là có. Cảm xúc, nhận thức, ý thức cũng vậy.

.....

Tất cả các vị Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều nhờ vào trí huệ này mà đạt ngôi vị cao nhất.

ooOoo

Như vậy, đại khái là khi người tu học đạt đến sự hiểu biết sâu xa, sẽ thấy mọi sự là không. Kết quả là sẽ vượt qua mọi đau khổ và đạt ngôi vị Phật. Vậy sự hiểu biết sâu xa (trí huệ) đó là gì và “*thấy mọi sự là không*” là thấy kiểu nào?

Khi chúng ta đến một ngôi làng nhỏ ven biển vào một buổi chiều tà, nồm không khí mẩn mẩn lan tỏa trong không khí, ngắm những con sóng hiền lành chạy lăn tăn vào bờ, bấy giờ bộ não ta lập tức làm công việc vốn nó vẫn làm: đó là so sánh. Nó lập tức so sánh cảnh vật trước mắt với những nơi ta đã biết và đưa ra kết luận chỗ này đẹp hơn, đáng để đến ở hơn. Sự so sánh này

nhanh đến nỗi ta không hề thấy nó diễn ra. Ta còn mãi bận thường thức cảnh đẹp trước mắt. Đó, sự hiểu biết thông thường của chúng ta là như vậy.

Còn hiểu biết đến mức gọi là trí huệ thì sao? Xin nói thêm là có người không thích dùng chữ “trí huệ”, họ dùng “trí bát nhã” để chỉ sự hiểu biết ở mức cao này. Nhưng danh tự đâu có quan trọng, mà quan trọng là phải hiểu đó là cái gì, phải không quý vị? Xin trở lại với chủ đề: giả sử ta chưa từng đi đâu cả, chỉ ở trong một gian phòng, không thấy cảnh vật bên ngoài. Có người bịt mắt ta và đưa ra ngôi làng kể ở trên rồi tháo bịt mắt ra. Lúc đó trí não ta chỉ biết so sánh ngôi làng với một căn phòng cũ duy nhất nên nó không có việc gì làm nhiều. Nó nín bật và chỉ còn ta với vẻ đẹp thiên nhiên thu hồn kia. Mọi kết luận, mọi lý lẽ đều im lặng nhường cho cảm giác vui thích tận cùng. Mặc dù so sánh còn hơi khiên cưỡng, nhưng trí huệ có thể xuất hiện trong một tình huống na ná như vậy đấy.

Hoặc câu truyện trong Thiên Học sau đây: Một ông thầy dạy Thiên giao công án (*một câu hỏi mà người học phải suy nghĩ để tìm ra câu trả lời*) cho học trò của mình. Anh học trò về phòng vắt óc suy nghĩ. Khi có được câu trả lời anh vội lên nói với thầy thì thầy lắc đầu không công nhận. Quá nhiều lần như vậy làm anh nản chí vô cùng. Thậm chí lần sau cùng, anh chưa kịp mở miệng nói thì thầy đã lắc đầu rồi. Nghĩ rằng mình không có duyên với Thiên, anh đành quay trở lại cuộc sống thường nhật của một tu sĩ Phật Giáo: đó là tụng kinh, niệm Phật, ôm bình bát đi khất thực.¹ Dù tự nhủ lòng sẽ không nhớ đến công án của thầy nữa, nhưng đôi khi ý tưởng đó vẫn cứ

¹ Ôm một cái bình lớn đi xin thức ăn giống như Đức Phật ngày xưa.

lớn vồn trong đầu. Một hôm anh đến một nhà kia, như thường lệ, đứng cúi đầu lim dim niệm Phật chờ chủ nhà đem thức ăn ra. Bà chủ đang quét sân vội đến nói rằng hôm nay chưa chuẩn bị thức ăn kịp. Vì bận niệm Phật, anh không nghe thấy nên vẫn đứng im lặng. Bà chủ đến nói với anh vài lần nữa, nhưng anh vẫn không nghe. Quá tức mình lại sẵn cây chổi trong tay, bà chủ nóng tính khở lên đầu anh một cái. Ngay trong tích tắc đó, vấn đề từ lâu tưởng đã ngủ yên quay trở lại với anh kèm theo câu trả lời mà anh chưa từng nghĩ đến trước đây. Quá vui mừng anh bỏ chạy về trường thì thấy vị thầy già đang đứng vuốt râu chờ ở cổng. Anh chưa kịp nói gì thì thầy đã cười vui vẻ và hỏi “Sao lâu vậy con?”¹ Cây chổi đã đóng vai trò xúc tác cho trí huệ của anh học trò bùng nổ và câu hỏi của ông thầy là ẩn khả chứng minh² cho anh.

Từ những ví dụ trên có thể suy ra trí huệ chính là suy nghĩ của ta diễn ra ngay khi gặp phải một vấn đề mà không có lý luận, suy tính, so đo gì cả. Và suy nghĩ như vậy đem lại một kết quả tốt đẹp ta chưa bao giờ thấy trước đó. Cũng như trong Bài Tâm Kinh, Bồ Tát Quán Tự Tại vỡ lẽ ra rằng mọi thứ trên đời là không và do đó không còn đau khổ nữa.

Tuy nhiên, xin lưu ý cái “không” này không phải là cái “không” đối nghịch với cái “có” trong thế giới nhị nguyên, nơi chúng ta đã và sẽ đốt cháy cuộc đời mình. Trong thế giới chúng ta đang sống, “có” là tài sản lớn lao, là vợ đẹp, là con cái thành đạt và được người khác tôn trọng. Trái lại, “không”, tức là thiếu những thứ đó, sẽ bị người khác coi thường, thậm chí là dẫm đạp lên.

¹ Trích trong Thiên Luận. Daisetsu Teitaro Suzuki

² Xác nhận anh trả lời đúng hay nói khác đi, anh đã đạt đến mức trí huệ (Bát Nhã).

Đức Phật đã khẳng định “không” qua cái nhìn trí huệ không phải như vậy bằng câu giải thích nổi tiếng trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh “*có chẳng khác không, không chẳng khác có, có tức là không, không tức là có. Cảm xúc, nhận thức, ý thức cũng vậy*”. Rõ ràng “không” của chúng ta không giống “không” mà Đức Phật đề cập ở đây. “Không” của trí huệ là “có” còn “không” của nhị nguyên không phải là “có”. Không của Phật là kết quả của trí huệ còn không của chúng ta là do những tính toán, so sánh phạm tục.

Tóm lại, bài kinh nói rằng vận dụng trí huệ sẽ thấy cái “không” của Đức Phật và sẽ trở thành người sánh ngang với Ngài. Vậy thì vấn đề đối với người tu học là làm sao để có trí huệ. Nhưng ta cũng nên để ý một điều quan trọng là Đức Phật nói “*vận dụng trí huệ*” chứ không hề nói “*làm sao để có trí huệ*”.

MỤC ĐÍCH

Trong Đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp có giải thích về thuyền Bát Nhã “*Bản đạo cũng tả lại từ khổ hải³ về cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống phải đi ngang qua Ngân Hà. Có một chiếc thuyền Bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát⁴, vâng lệnh Đức Di Lặc Vương Phật⁵ chèo qua lại Ngân Hà⁶ và khổ hải đặng độ sanh⁷ thiên hạ⁸*”. Dựa vào lời giải thích này

³ Biển khổ, ám chỉ trần gian.

⁴ Hay Quán Thế Âm Bồ Tát, một danh hiệu nữa của Quán Tự Tại Bồ Tát

⁵ Theo Đạo Cao Đài đây là vị Phật chủ trì Hội Long Hoa trong lần cứu nhân loại lần thứ ba.

⁶ Giòng sông theo truyền thuyết đã ngăn cách hai người yêu nhau Ngưu Lang và Chức Nữ.

⁷ Đạo Cao Đài phân biệt độ sanh là dạy đạo cho người sống và độ tử là dạy đạo cho người đã chết.

⁸ Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Bài 7 ngày 31/10/1948. Ban Tốc Ký TTTN.

và nguyên tắc mọi thể pháp (*hình thức*) trong Cao Đài đều có bí pháp (*ý nghĩa*)¹ song hành, chúng ta có thể suy ra thể pháp là dùng thuyên Bát Nhã đưa người đã mất ra nghĩa trang và bí pháp là đạt được trí huệ. Thể pháp để đưa người đã chết còn bí pháp để nhắc người còn sống. Tiếc một điều là hiện nay thể pháp và bí pháp chưa được song hành, nghĩa là chúng ta chỉ làm đám tang rất đúng nghi lễ mà chưa thực hành trí huệ cho bản thân mình. Sau đám tang, từ Bát Nhã kia lại lẫn vào những lo toan trong cuộc sống thường nhật và chỉ lại thoáng qua khi ta nhìn thấy một đám tang khác nữa. Vậy thì vấn đề là tín đồ Cao Đài chúng ta phải tăng cường việc thực hiện trí huệ để cho bí pháp nâng lên ngang tầm với thể pháp.

Hơn nữa, qua lời giảng của Đức Hộ Pháp, thì Đức Quan Âm Bồ Tát (*đanh hiệu khác của Quán Tự Tại Bồ Tát*) điều khiển thuyên Bát Nhã để độ sanh. Vậy rõ ràng là dạy đạo cho người sống rồi. Chính chúng ta, những người đang sống, mới cần thực hiện trí huệ để tự giải thoát mình khỏi cảnh trần gian này đó vậy.

THỰC HIỆN NGÀY XƯA

Đức Hộ Pháp từng dạy rằng, “*Song muốn đạt được pháp thì phải luyện. Ban sơ mới khai Đạo chúng ta phải thi hành thể pháp. Nếu sau này không đạt được chơn pháp thì cũng như con người có quần mà không có áo vậy*”². Rõ ràng Đức Hộ Pháp dạy trước hết phải thực hành thể pháp nhưng về sau phải thực hành bí pháp (*ngài gọi là*

¹ Thể pháp và bí pháp là từ ngữ đa nghĩa của Cao Đài. Ở đây chúng tôi dùng theo nghĩa hình thức và nội dung. Xin quý đọc giả cẩn thận khi dùng hai từ này. Có thể đọc thêm chi tiết ở đây <https://www.daotam.info/books/v/thephapvabiphap/thephapvabiphap.htm>

² Bài 15 quyển 1 Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp (1/2 *Đinh Hợi*, 1947).

chơn pháp) nữa thì mới trọn vẹn đường tu. Chúng ta đã vận dụng thể pháp thuyền Bát Nhã tốt, vậy phần vận dụng bí pháp “đạt trí huệ” thì sao?

Trước hết chúng ta hãy xem người xưa làm thế nào để đạt trí huệ. Người ta còn dùng rất nhiều danh từ để chỉ trạng thái này như đắc đạo, đắc pháp, thành đạo, ngộ đạo, liễu đạo, v.v... Trong bài này chúng tôi xin dùng chữ đạt trí huệ cho thống nhất.

Truyền thuyết Phật Giáo Thiên Tông nói rằng Phật Thích Ca xác nhận ngài Ma-ha Ca-Điếp (*Mahākāśyapa*) đã đạt được trí huệ nên giao y bát (*áo cà sa và bình bát vu³*) cho ngài. Như vậy ngài trở thành vị Tổ Sư Thiên Tông đầu tiên ở Ấn Độ mà người Tàu gọi là sơ tổ Tây Thiên. Sau đó ngài truyền lại cho ngài A-nan. Ngôi vị tổ sư cú thể mà truyền cho đến đời thứ 28 là Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma. Đến đây thì Phật Giáo bước vào giai đoạn suy vi ở Ấn Độ nên ngài Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc truyền đạo. Tổ Sư người Trung Quốc đầu tiên kế thừa y bát là ngài Huệ Khả. Y bát tiếp tục truyền đến đời thứ sáu thì Đức Lục Tổ Huệ Năng quyết định dùng lại vì các đệ tử bắt đầu có khuynh hướng dùng bạo lực để dành lấy y bát rất nguy hiểm.

Theo truyền thống Thiên Tông, việc truyền dạy cho học trò dựa trên căn bản “*dĩ tâm truyền tâm*”⁴, nghĩa là không dùng lời nói, không dùng chữ viết. Một ví dụ nổi tiếng là câu chuyện “*niêm hoa vi tiếu*”⁵ kể lại một hôm Đức Phật nâng cành hoa lên mà không nói gì cả. Tất cả đệ tử đều ngơ ngác không hiểu, chỉ có ngài Ca Diếp mỉm

³ Bình đựng thức ăn đi xin của tu sĩ Phật Giáo.

⁴ Còn gọi là truyền tâm ấn, tức là dùng tư tưởng để dạy cho học trò.

⁵ (*Thích Ca*) niêm hoa, (*Ca Diếp*) vi tiếu - Phật Thích Ca nâng cành hoa lên, Ông Ca Diếp mỉm cười.

cười. Ngay sau đó Đức Phật tuyên bố là đã giao chánh pháp cho ngài Ca Diếp. Như vậy, Đức Phật gián tiếp xác nhận ngài Ca Diếp hiểu hành động nâng cành hoa, nói khác đi ngài Ca Diếp đã đạt trí huệ hay đạt đạo.

Như đã trình bày ở trên, trong Tâm Kinh Đức Phật chỉ nói vận dụng trí huệ để thấy mọi sự là “không” chứ không nói “*làm thế nào để có trí huệ*”. Trong Thiên Tông do tâm truyền tâm mà không ai ngoài cuộc có thể biết được thầy dạy cách nào cho trò đạt trí huệ. Cứ xem trường hợp Đức Phật Thích Ca dạy ngài Ca Diếp thì rõ. Rốt cuộc người ngoài như chúng ta chỉ biết vị tổ sư nào giữ y bát là vị đó đã đạt trí huệ. Không may là từ Đức Lục Tổ Huệ Năng về sau không còn truyền y bát, nên từ đó về sau ta không biết được ai đạt trí huệ. Thực sự thì Đức Lục Tổ cũng dạy rất nhiều học trò rồi các vị đó cũng nối tiếp mãi về sau này. Nhưng vì không có y bát làm bằng chứng nữa nên bây giờ ta không biết được ai là ai. Thêm một việc nữa là những kẻ lừa đảo thời nay rất nhiều, họ cũng xưng mình là Thiên Sư chân truyền này nọ. Cứ thế mà việc tìm một Thiên Sư thật sự càng thêm khó khăn. Bởi đó mà Thánh ngôn Cao Đài nói rằng đạo đã bị bế (*chặn lại*). Hậu quả là, người tu thì nhiều mà người đắc đạo thì rất ít¹, hai ngàn năm nay ở Á Đông chỉ có Đức Huệ Mạng Trường Phan² mà thôi.

THỰC HIỆN NGÀY NAY

Nếu việc thực hiện khó đến như vậy thì ngày nay chúng ta phải làm gì? Có một người bạn nói với tôi rằng làm thế nào thì cứ nói thẳng ra, cứ “*truyền tâm*” như

¹ Thánh ngôn 5/6/1926 và thánh ngôn 21/8/1926. TNHT quyển 1

² Ông thầy chùa nhỏ người Miên ở núi Điện Bà, Tây Ninh.

thế thì làm sao mà có nhiều người đạt trí huệ được. Vậy làm sao cứu được nhiều người để lập đời Thượng Ngươn Thánh Đức³? Xin cảm ơn ý tốt của bạn khi thắc mắc như vậy và đây là câu trả lời:

- Thứ nhất, chuyện đạt trí huệ ta đang bàn đây là chuyện đạt ngôi vị Phật, theo Đạo Cao Đài thì chỉ dưới Đức Chí Tôn Thượng Đế mà thôi. Vì vậy không thể “*dễ dàng*” được.
- Thứ hai, Đạo Cao Đài có mục tiêu cứu tất cả chúng sinh, chứ không phải đem tất cả chúng sinh lên ngôi vị Phật. Trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống còn có nhiều ngôi vị khác như Thần, Thánh, Tiên, và theo lời Đức Hộ Pháp, ta đừng lo thiếu chỗ.⁴
- Thứ ba, thật sự ra các bậc tiền bối dĩ tâm truyền tâm là cũng có lý do, chứ không phải “*dấu nghề*” đâu. Chúng ta biết rằng hầu hết suy nghĩ đều phát xuất từ hệ thống nhị nguyên luận (xấu tốt, thiện ác, v.v...), chỉ có trí huệ là không có lý luận, tính toán. Các vị tiền bối không dùng lời nói hay chữ viết vì đó là con đẻ của những suy nghĩ nhị nguyên. Công cụ của nhị nguyên không thể truyền tải được thế giới của trí huệ. Nếu có dùng thì chúng ta sẽ đọc thấy những câu rối rắm đến kỳ lạ như đã thấy trong Tâm Kinh : “*có chẳng khác không, không chẳng khác có, có tức là không, không tức là có*”, v.v... Ai thử giải nghĩa, phân tích thì sẽ đi lòng vòng rồi kết thúc ở chỗ vô nghĩa. Thắc mắc vẫn hoàn thắc mắc bởi lại lấy suy nghĩ nhị nguyên để soi một suy nghĩ nhị

³ Đức Hộ Pháp nói rằng quả địa cầu 68 của chúng ta đang từ thời hạ ngươn tam chuyển tiến lên thượng ngươn tứ chuyển, là thời đại của những con người đạo đức.

⁴ Bài 35 Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. 27/4/1949 Ban tốc ký TTTN.

nguyên khác. Một Giáo Sư Triết nổi tiếng của Đại Học Vạn Hạnh trước năm 1975 là Phạm Công Thiện đã ví von : “*rắn cắn đuôi rắn*”.

Các Thiền Sư thì lại khác, vốn là bậc đã đạt trí huệ rồi nên nhìn học trò là biết ngay người này còn thiếu cái gì nữa thì sẽ đạt đạo. Từ đó ông giao một công án cho học trò để suy nghĩ. Công án này có thể là một câu hỏi, một câu nói hay một cái liếc mắt, một hành động nào đó thí dụ như rót trà. Dù sao mặc lòng, công án chỉ có tác dụng chuẩn bị tâm thế chứ không phải là cách để đạt trí huệ. Chính căn cơ và duyên phận của người tu học mới quyết định lúc nào thì đạt trí huệ. Điều quan yếu là công án này chỉ có người thầy và học trò biết, còn người ngoài như chúng ta, cùng với các Thiền Sư dõm, thì không hiểu gì đâu. Mỗi công án sẽ dành riêng cho một học trò chứ không có chuyện các học trò cùng nghiên cứu một công án, cùng trả lời và cùng.... tốt nghiệp giống như cái học tri thức ở trường học.

Vậy yếu chỉ đạt trí huệ của người xưa là một Chân Sư¹ để nhìn thấy cái thiếu của mình và một công án để tập trung suy nghĩ đến mức cùng lý². Đây là điểm mà chúng ta ngày nay không biết tìm ở đâu. Rất may Đạo Cao Đài đã có sẵn giải pháp nếu chúng ta thật tình muốn dành cuộc đời mình cho cứu cánh giải thoát. Đạo Cao Đài để ra hai phương pháp để đạt trí huệ.

¹ Người thầy thực sự, nghĩa là người đã đạt trí huệ (*đắc đạo*).

² Không thể dùng lý lẽ để giải quyết.

ĐỐI VỚI BẠC THƯỢNG THỪA³

Theo Cao Đài có ba cách tu học (*pháp môn*) được khuyến khích: lập công theo hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài, lập đức theo hệ thống Phước Thiện và Tịnh Luyện ở Vạn Pháp Cung/Trí Huệ Cung. Cách thứ ba chính là cách để đạt được trí huệ mà theo thuật ngữ Cao Đài là “*đắc đạo tại thế*”. Nghĩa là, tịnh luyện thành công ta sẽ đạt được trí huệ ngay trong lúc còn sống, còn hai pháp môn kia chỉ biết được kết quả khi ta về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, tức là sau khi chết.

Nói về tịnh luyện hay con đường thứ ba đại đạo, chúng tôi đã tham khảo một số tín đồ Cao Đài và phát hiện có nhiều ý kiến trái nghịch nhau.

- ▶ Thứ nhất, một số ý kiến gọi đây là Thiên Cao Đài. Những người nghiên cứu kỹ kinh sách Đạo Phật và Đạo Cao Đài thì không đồng ý. Họ cho rằng, thật sự ra, Thiên và Bí Pháp Tịnh Luyện là hai pháp môn khác nhau từ cách bắt đầu cho đến kết quả.⁴ Cách gọi này giống như việc một số tác giả thấy Đạo Cao Đài có thờ Đức Phật Thích Ca liền gán cho cái tên Đạo Phật Cải Cách! Bây giờ thậm chí có nhiều danh hiệu còn hời hợt hơn nữa như Tịnh Độ Cao Đài, Dòng Thiên Phổ Độ, Dòng Thiên Chơn Pháp... Cũng may, Hội Thánh Cao Đài chưa hề công nhận một cái tên nào như thế.
- ▶ Thứ hai, phần lớn tín đồ Cao Đài nhìn pháp môn tịnh luyện với ánh mắt nghi ngại. Một số nói thật

³ Ăn chay trường, giới sát và tuân theo Tứ Đại Điều Quy. (*Tân luật PCT Cao Đài*).

⁴ Quý độc giả có thể đọc thêm thông tin ở đây. Cám ơn. <https://www.daotam.info/books/v/TuChon/thienvatinhuyen.html>

với chúng tôi là sợ bị điên và họ kể lại một lô một lốc người sau khi luyện đều đã bị điên. Những tín đồ lớn tuổi thì cẩn thận hơn! Họ nói muốn kết luận như thế thì phải có một thí nghiệm y tế trung thực, cho thấy một người bình thường sau khi luyện một thời gian sẽ bị bệnh tâm thần. Họ bảo rằng có rất nhiều người thực hành Thiền hay Yoga trên khắp thế giới hiện nay, cũng khá giống như Tịnh Luyện, nhưng cũng đâu nghe nói có ai bị điên gì. Hơn nữa, khi Hội Thánh tổ chức tịnh luyện, thì sẽ có các bác sĩ tham gia để chăm sóc sức khỏe cho người tịnh luyện.

- ▶ Thứ ba, một số tín đồ cả quyết rằng trong thời kỳ ba này, tín đồ Cao Đài được miễn tịnh luyện, chỉ cần làm công quả thôi là đủ rồi. Điều này đã khiến chúng tôi đọc lại hết Thánh Ngôn và kinh sách của Cao Đài, và thú thật chúng tôi không thấy có chỗ nào nói cho miễn tịnh luyện. Chỉ thấy trong Tân Luật Cao Đài ghi Điều thứ 13 : *“Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên được thọ truyền Bửu pháp, vào Tịnh Thất có người chỉ luyện đạo”*. Luyện đạo hay tịnh luyện trong Tịnh Thất đã ghi trong Tân Luật, vậy thì sao có chuyện miễn được? Nếu cho miễn Tịnh Luyện, thì Đức Hộ Pháp không bỏ công cất Trí Huệ Cung và cũng không nhập tịnh ở đây trong ba tháng làm chi cho mất công. Và như quý đọc giả thấy trong đoạn trích ở trên, Đức Hộ Pháp dạy rằng phải thực hiện chơn pháp (bí pháp) nếu không thì như người có mặc quần mà không mặc áo. Đó là chưa kể người ta đã bỏ qua đoạn Thánh ngôn này : *“Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày bị bế Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình*

mỗi phen đánh tân “Thần” không cho hiệp cùng “Tinh, Khí”. Thấy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo”¹. Theo ý kiến riêng của chúng tôi, nói rằng pháp môn tịnh luyện là tự nguyện, không bắt buộc thì hợp lý hơn.

- Thứ tư, nhiều người cho rằng tịnh luyện thuộc hàng cao cấp, chỉ dành riêng cho một số tín đồ đặc biệt được ân sủng, thậm chí gán cho pháp môn này những phép màu huyền bí. Nhưng những tín đồ lớn tuổi lại nói rằng, trong ba pháp môn khuyên dùng nói trên, điều quan trọng là người tu học chọn phương pháp phù hợp với hoàn cảnh, căn cơ, trình độ và sở thích của mình. Cũng như ngoài đời vậy, chọn nghề phù hợp thì dễ đi đến thành công hơn. Thế thôi. Chưa chắc gì thực hành tịnh luyện sẽ dễ đạt kết quả hơn lập công hoặc lập đức và cũng chưa chắc gì vào Tịnh Thất là sẽ thành công đâu.
- Thứ năm, có người cho rằng Hội Thánh ở Tây Ninh là để phổ độ (truyền giáo), còn các chi phái (?) thì lo phần bí pháp (tịnh luyện). Những tín đồ Cao Đài Tây Ninh thuần thành cho rằng quan điểm này trái với lời giảng của Đức Hộ Pháp : “*Một nền Tôn Giáo nào đã xuất hiện tại thế gian này dầu Thế Pháp cao siêu bao nhiêu đi nữa, nếu không có Bí Pháp làm tướng diện căn bản, thì nền Tôn Giáo ấy chỉ là Bàng Môn Tả Đạo*² mà thôi”³. Hơn nữa là quan điểm đó trái với chủ nghĩa dung hợp của Đạo Cao Đài. Không gì khôi hài hơn mình dạy người ta phải “*qui nguyên hiệp*

¹ Đản cơ ngày 25th Feb 1926 - TNHT quyển 1.

² Tôn giáo dạy người những điều sai lầm. Bàng = tả - là sai trái, không đúng.
Môn = đạo - là tôn giáo hay môn phái.

³ Bài 2 Bí Pháp - Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Ban Tốc Ký TTTN.

nhất” trong khi bản thân mình thì hãnh diện vì có nhiều chi phái!

Tuy vậy, nếu xét tình hình thực tế hiện nay (*năm 2020*), ai muốn thực hành pháp môn tịnh luyện của Cao Đài sẽ gặp một số trở ngại như sau.

Trước hết, vẫn chưa có luật đầy đủ về Tịnh Thất và tịnh luyện. Trong Tân Luật Pháp Chánh Truyền còn rất sơ lược. Sau này Hội Thánh cần phải xây dựng một bộ luật đầy đủ từ tổ chức, quy chế, đến quy mô của tịnh thất cho khoảng thời gian kéo dài đến thất úc niên (*700,000 năm*).

Kế đó là chưa có cơ sở vật chất đầy đủ. Theo lời Đức Hộ Pháp, có hai tịnh thất là Trí Huệ Cung (*nữ phái*)¹ và Vạn Pháp Cung (*nam phái*)¹. Hiện nay Trí Huệ Cung đã xây dựng hoàn thành, còn Vạn Pháp Cung vẫn còn trong dự tính². Có lẽ vài trăm năm nữa thì hai tịnh thất này mới có thể thực sự đảm nhận vai trò của mình.

Cuối cùng, vẫn chưa có tài liệu chính thức hướng dẫn rõ ràng. Cách tịnh luyện phần lớn được đề cập rải rác trong hai quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và một số tác giả, nhưng cách dùng chữ cổ xưa đầy điển cố bí hiểm rất khó cho việc truyền đạt. Hiện nay, quyển Bí Pháp Luyện Đạo³ của Bát Nương Điều Trì Cung là đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu nhất. Nhưng sách còn phải chờ Hội Thánh kiểm duyệt và cho phép xuất bản. Quý đọc giả

¹ Có người nói là Trí Giác Cung nữa, nhưng không thấy Đức Hộ Pháp nhắc tới chỗ này.

² Bây giờ ở chân núi Bà Đen cũng có một cơ sở xưng là Vạn Pháp Cung, nhưng không nghe thấy là có thuộc quyển Hội Thánh hay không.

³ Do Từ Huệ (*Hiền Tài Nguyễn Văn Mới, Tộc Ký Viên TTTN*) chấp bút. Xin đọc ở link này: <https://www.daotam.info/books/BiPhapLuyenDao/biphapluyendaoh.htm>

muốn tham khảo xin đọc trên internet theo link trong phần chú thích cuối trang hoặc nghe trên YouTube. Thiển nghĩ, khi có Hàn Lâm Viện Cao Đài (*Thập Nhị Bảo Quân*) đầy đủ, thì viện sẽ nghiên cứu tất cả các tài liệu về tịnh luyện để có một phương pháp khoa học cho pháp môn này.

ĐỐI VỚI BẠC TỐI THƯỢNG THỪA

Một số bạn đạo chúng tôi thắc mắc rằng họ không có điều kiện để lập công theo Cửu Trùng Đài và cũng không thể tham gia lập đức theo Phước Thiện nhưng lại thấy thích hợp với tịnh luyện. Nếu nói như trên là phải chờ Hội Thánh vài trăm năm nữa thì đâu có được. Vậy thì chúng tôi đề nghị quý bạn đó hai cách.

- Thứ nhất, chắc mọi người đều nghe chuyện ngài Huệ Năng. Ông nhà nghèo không có tiền đi học, phải đi đốn củi bán lấy tiền nuôi mẹ già. Một hôm khi đi ngang qua chùa nghe người ta tụng kinh Kim Cương (Cang) thì tự nhiên phát trí huệ. Ông tìm đến Đức Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn xin theo học và về sau được truyền y bát làm Tổ Sư Thiền Tông Trung Hoa đời thứ sáu. Câu chuyện cho thấy đối với bậc tối thượng thừa, nếu đầy đủ cơ duyên thì chỉ nghe một đoạn kinh thôi đã đạt trí huệ ngay.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn có dạy rằng : *muốn trọn hai chữ phổ độ, phải bày bửu pháp chớ không đặng dấu nữa*⁴. Bửu pháp (bí pháp) đây là cách đạt được trí huệ đó vậy. Và bửu pháp đã được thể hiện qua mọi thể pháp (hình thức) của Cao Đài như hình thể Đền Thánh, các biểu tượng, các nghi

⁴ Thánh ngôn ngày 8/4/1926. TNHT quyển 1.

lễ, kinh sách, v.v... Nếu bạn là bậc tối thượng thừa, thì nghiên cứu thể pháp Cao Đài cũng giúp bạn đạt trí huệ đó. Cứ thử xem sao!

- Thứ hai, Bát Nương Diêu Trì Cung có dạy rằng, nếu bạn là Chơn Linh cao trọng thì có thể nghiên cứu sách Bí Pháp Luyện Đạo và thực hiện phần tịnh luyện tại nhà. Nếu đủ căn cơ, bạn cũng có thể đạt trí huệ vậy (đạt trí Bát Nhã, đắc đạo, đắc pháp, thành đạo, v.v...)

GIẢI THOÁT

Nói tóm lại, từ thể pháp chiếc xe tang mang tên “*thuyền Bát Nhã*”, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu bí pháp “*đạt được trí huệ*”. Bây giờ vấn đề của mỗi người trong chúng ta là có thực sự muốn thực hiện bí pháp này hay không mà thôi. Việc đó Đức Chí Tôn Thượng Đế đã giao cho chúng ta quyền tự quyết định.

Để thêm phần mạnh dạn trong quyết định quan trọng nhất đời này, xin dẫn lại lời của Đức Hộ Pháp:

“Chúng ta đạt pháp (đạt đạo) do chúng ta có ba thể tương liên. Đừng tưởng (nghĩ rằng) chúng ta không đạt được. Chúng ta hễ đi được thì đi hoài, đâu cũng có đường hết thảy. Song muốn đạt được pháp thì phải luyện. Ban sơ mới khai Đạo chúng ta phải thi hành thể pháp. Nếu sau này không đạt được chơn pháp thì cũng như con người có quần mà không có áo vậy”².

Vậy chúng ta cứ lên đường, đừng sợ là không đạt được dù biết rằng chuyện đó sẽ vô cùng khó khăn. Một khi có được trí Bát Nhã rồi (*tức là thành Phật*), thì chúng

¹ Phối hợp Tinh, Khí, Thần.

² Bài 15 quyển 1 Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp (1/2 *Đinh Hợi*, 1947).

ta sẽ nhìn thấu vận mạng của mình và từ đó quyết định sẽ làm gì trong phần còn lại của đời mình cũng như trong những kiếp sau nữa. Và tự quyết định được số phận mình phải chăng là đã giải thoát khỏi vòng kềm toả của sinh tử luân hồi, là điều mà ngay từ ngày đầu học đạo ai cũng muốn đạt được?

Từ Chơn

Sài gòn October 4th 2020

Địa chỉ liên lạc: tuuchoon@gmail.com

**NHỮNG BÀI VIẾT VỀ TRIẾT LÝ
ĐẠO CAO-ĐÀI**

Biên Soạn: TỬ CHƠN